

Mẫu 08_CBT/SGDHN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/9/2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK Hà Nội)

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 140/CBT-VRG
V/v: Công bố thông tin

Hải Dương, ngày 09 tháng 06 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Quý cổ đông Công ty

1. Tên tổ chức: Cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp cao su Việt Nam
2. Mã chứng khoán: **VRG**
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 12 Nguyễn An, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
4. Điện thoại: (0220) 3838026 Fax: (0220) 3838024
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Ông Mai Thế Thư**, chức vụ: Kế toán trưởng.
6. Loại thông tin công bố: **Thông tin định kỳ**
7. Nội dung của thông tin công bố: Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty CP phát triển đô thị và KCN cao su Việt Nam.
8. Thông tin này sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: **<http://vinaruco.com.vn>**
9. Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người được ủy quyền công bố thông tin



Mai Thế Thư



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KCN CAO SU VIỆT NAM
Trụ sở chính: Số 12 Nguyễn An, Phường Hải Tân, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
Điện thoại: (0220) 3838025 Fax: (0220) 3838024
Website: www.vinaruco.com.vn Email: congtv.vrg@gmail.com
Số: 77/TM-HĐQT

THƯ MỜI HỌP TRỰC TUYẾN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi Quý Cổ đông:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số ĐKSH:

Số cổ phần sở hữu:

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam trân trọng kính mời Quý Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 theo hình thức trực tuyến. Nội dung cụ thể như sau:

- 1. Thời gian khai mạc: 08h00, ngày 30 tháng 6 năm 2021.**
- 2. Địa điểm trụ sở chính Công ty:** Số 12 Nguyễn An, Phường Hải Tân, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương.
- 3. Chương trình và tài liệu của Đại hội:** được đăng tải tại Website: <http://vinaruco.com.vn/home> (Mục Quan hệ cổ đông)
- 4. Hình thức họp:** Trước tình hình nguy hiểm và phức tạp của dịch bệnh Covid-19, Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 bằng hình thức họp trực tuyến để hạn chế tập trung nơi đông người theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và UBND Tỉnh Hải Dương.

Quý cổ đông tham dự Đại hội và biểu quyết trực tuyến thông qua Internet theo phương thức như sau: Sử dụng một trong các thiết bị máy tính bàn/máy tính xách tay/máy tính bảng/điện thoại thông minh có kết nối Internet để truy cập vào Website: <https://ezgsm.fpts.com.vn> theo thông tin đăng nhập dưới đây (*):

Tên đăng nhập:

Mật khẩu:

- 5. Thành phần tham dự:** Các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam.
- 6. Ủy quyền tham dự Đại hội:** Trường hợp Quý cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội, vui lòng điền vào Mẫu giấy ủy quyền dự ĐHĐCĐ và gửi về địa chỉ: Ban tổ chức ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam - Số 12 Nguyễn An, Phường Hải Tân, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương **trước 15h00 ngày 28/6/2021.**
- 7. Thông tin liên hệ để được hỗ trợ:**

STT	Người liên hệ	Điện thoại	Email
1	Bà Vũ Thị Thu Hà	0915.616.875	congtv.vrg@gmail.com

Trân trọng kính mời!

Hải Dương, ngày 04 tháng 6 năm 2021

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Trung Thái

(*) Quý cổ đông có trách nhiệm bảo mật thông tin đăng nhập của mình để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền tham dự và bỏ phiếu trên hệ thống họp trực tuyến. Công ty không chịu trách nhiệm đối với những vấn đề phát sinh do cổ đông làm mất thông tin đăng nhập.



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Dương, ngày tháng 6 năm 2021

**CHƯƠNG TRÌNH HỌP TRỰC TUYẾN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

DỰ THẢO

- 1. Địa điểm:** Trụ sở Công ty - Số 12 Nguyễn An, P.Hải Tân, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
- 2. Thời gian:** 08h00, thứ 4, ngày 30 tháng 6 năm 2021

Thời gian	Nội dung	Chủ trì
8h00 - 8h30	I. Thủ tục khai mạc Đại hội đồng cổ đông	Ban Tổ chức
	1. Khai mạc Đại hội	
	- Đón tiếp đại biểu, cổ đông	
	- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	
	- Xác nhận tư cách tham dự và Báo cáo kết quả kiểm tra xác nhận tư cách đại biểu tham dự Đại hội	Bà Vũ Thị Thu Hà - Trưởng BKS
	- Thông qua chương trình Đại hội, Quy chế làm việc, Quy chế bầu cử	Ông Phạm Trung Thái CT.HĐQT
	- Giới thiệu và thông qua Đoàn Chủ tịch - Chủ tọa Đại hội	
	- Giới thiệu và thông qua: Ban thư ký, Ban kiểm phiếu	
8h30 - 10h00	II. Chương trình Đại hội:	
	1. Báo cáo kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 của HĐQT	
	2. Báo cáo hoạt động kiểm soát năm 2020, kế hoạch năm 2021 của Ban kiểm soát và Tờ trình phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2021	Bà Vũ Thị Thu Hà - Trưởng BKS
	3. Báo cáo Kết quả SXKD năm 2020 và Kế hoạch SXKD năm 2021	Ông Đặng Văn Thiệu Tổng giám đốc
	4. Tờ trình xin phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2020 (đã kiểm toán)	Ông Mai Thế Thư Kế toán trưởng
	5. Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoạt động	Ông Phạm Trung Thái CT.HĐQT
	6. Tờ trình thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (đã bổ sung)	
	7. Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT	
	8. Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của BKS	
	9. Tờ trình thông qua Quy chế quản lý tài chính	
	11. Tờ trình về việc quyết toán Quỹ tiền lương năm 2020 và Kế hoạch Quỹ tiền lương, lao động định biên năm 2021	

	12. Quyết toán thù lao của thành viên HĐQT, thành viên BKS năm 2020 và Phương án chi trả thù lao năm 2021	
	13. Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021	
	14. Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	
10h00 - 10h30	III. Đại hội thảo luận và Chủ tọa giải đáp các ý kiến của đại biểu	Chủ tọa Đại hội
10h30 - 11h00	IV. Đại hội biểu quyết về các nội dung nghị sự và công bố kết quả biểu quyết	
	V. Miễn nhiệm, bầu cử bổ sung thành viên HĐQT và công bố kết quả bầu cử	
11h00 - 11h30	VI. Thủ tục kết thúc ĐHĐCĐ thường niên 2021	
	- Đại hội thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội	Chủ tọa Đại hội
	- Bế mạc Đại hội	

**TM. BAN TỔ CHỨC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Phạm Trung Thái



Số: /2021/NQ-ĐHĐCĐ

Hải Dương, ngày 30 tháng 6 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP
CAO SU VIỆT NAM**

DỰ THẢO

Căn cứ Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam;

Căn cứ Biên bản họp số .../2021/BB-ĐHĐCĐ ngày .../.../2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Phát triển đô thị và khu công nghiệp cao su Việt Nam,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1 : Thông qua báo cáo kiểm điểm công tác chỉ đạo điều hành hoạt động năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 2: Thông qua báo cáo tình hình hoạt động năm 2020, kế hoạch năm 2021 của Ban kiểm soát Công ty và Tờ trình đề nghị lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.

Điều 3: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty.

Điều 4: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 (đã được kiểm toán).

Điều 5: Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoạt động Công ty;

Điều 6: Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

Điều 7: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty;

Điều 8: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty ;

Điều 9: Thông qua Quy chế quản lý tài chính của Công ty;

Điều 10: Thông qua việc miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty.

Điều 11: Phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2020 và Kế hoạch quỹ tiền lương, lao động định biên năm 2021.

Điều 12: Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021;

Điều 13:

Điều ...: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2021. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thống nhất giao Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty tổ chức triển khai thực hiện các nội dung nêu trên theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ hoạt động của Công ty.

Điều ...: Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng, Ban Công ty và các đơn vị có liên quan căn cứ Nghị quyết thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều ...;
- UBCKNN và các cơ quan chức năng (B/c);
- Tập đoàn Công nghiệp cao su VN (B/c);
- Website Công ty (để công bố thông tin);
- Lưu: VT, VP.HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Phạm Trung Thái



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KCN CAO SU VIỆT NAM
Trụ sở chính: Số 12 Nguyễn An, Phường Hải Tân, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
Điện thoại: (0220) 3838025 Fax: (0220) 3838024
Website: www.vinaruco.com.vn Email: congtv.vrg@gmail.com



GIẤY ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên
Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam

Họ tên cổ đông:.....
CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số:.....
Ngày cấp:.....Nơi cấp:
Người đại diện theo pháp luật (nếu có):
Hiện đang sở hữu:.....cổ phần.....
Tương ứng% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết Đề nghị Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam cho Tôi/Công ty chúng Tôi đề cử:
Ông/Bà:.....
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:
Hiện đang sở hữu:.....(cổ phần)
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)
Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam.

Tôi cam đoan những thông tin Tôi, Công ty chúng Tôi cung cấp là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ gửi kèm.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao các bằng cấp;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên;

....., ngày..... tháng năm ...

Người đề cử

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KCN CAO SU VIỆT NAM
Trụ sở chính: Số 12 Nguyễn An, Phường Hải Tân, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
Điện thoại: (0220) 3838025 Fax: (0220) 3838024
Website: www.vinaruco.com.vn Email: congtv.vrg@gmail.com



GIẤY ỨNG CỬ THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên
Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam

Tên Tôi là:
CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKDN số:.....
Ngày cấp:.....Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:.....
Trình độ học vấn:.....
Chuyên ngành:
Hiện đang sở hữu:..... cổ phần
Tương ứng...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Đề nghị Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam cho Tôi được tự ứng cử làm ứng viên tham gia vào Hội đồng quản trị của Công ty.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị Tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam.

Tôi cam đoan những thông tin Tôi cung cấp là đúng sự thật và Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ gửi kèm.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao các bằng cấp;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên;

....., ngày..... tháng năm ...

Người ứng cử

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KCN CAO SU VIỆT NAM
Trụ sở chính: Số 12 Nguyễn An, Phường Hải Tân, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
Điện thoại: (0220) 3838025 Fax: (0220) 3838024
Website: www.vinaruco.com.vn Email: congtv.vrg@gmail.com



BIÊN BẢN HỢP NHÓM CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ hoạt động Công ty CP Phát triển đô thị và KCN Cao su Việt Nam;

Căn cứ Quy định đề cử thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và KCN Cao su Việt Nam.

Hôm nay, ngày..... tại, chúng tôi là những cổ đông của Công ty CP Phát triển đô thị và KCN Cao su Việt Nam, cùng nhau nắm giữ.....cổ phần (bằng chữ: cổ phần), chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong Danh sách dưới đây:

STT	Tên Cổ đông	CMND/CCCD/HỘ CHIẾU/ĐKDN	Địa chỉ thường trú	Số CP sở hữu /đại diện SH	Ký và ghi rõ họ tên
	Tổng cộng				

1. Sau khi tham khảo các quy định về đề cử, ứng cử của Công ty, chúng tôi cùng nhất trí đề cử ứng cử viên sau đây tham gia vào Hội đồng quản trị Công ty CP Phát triển đô thị và KCN Cao su Việt Nam tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 như sau:

Ông (Bà):

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú.....

Trình độ học vấn:.... Chuyên ngành:.....

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao hợp lệ các bằng cấp;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên;

2. Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:

Ông (Bà):

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành:.....

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia đề cử vào Hội đồng quản trị của Công ty CP Phát triển đô thị và KCN Cao su Việt Nam

Biên bản này được lập vào lúc giờ, ngày /...../..... tại

Chúng tôi cam đoan những thông tin cung cấp nêu trên là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ gửi kèm.

....., ngày tháng năm

CỔ ĐÔNG

(người được cử làm đại diện nhóm)

(Ký và ghi rõ họ tên)¹

¹Đối với cổ đông pháp nhân:

- Người đại diện theo Pháp luật ký tên và đóng dấu, hoặc
- Trường hợp pháp nhân cử đại diện góp vốn (đại diện theo ủy quyền) thì người đại diện ký tên và đính kèm các văn bản cử người đại diện theo quy định.

Ảnh 4 x 6
(ảnh mới nhất)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho người ứng cử/đề cử tham gia Hội đồng quản trị)

- Họ và tên:.....Giới tính: Nam/Nữ.....
- Ngày tháng năm sinh:.....Nơi sinh:.....
- Quốc tịch:.....
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:.....Cấp ngày...../...../.....Tại.....
- Địa chỉ thường trú:.....
- Số điện thoại liên lạc:.....Email:.....
- Trình độ văn hoá:.....
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:.....
- Chức vụ hiện nay tại Công ty cổ phần Cơ khí Phô Yên (nếu có) :.....
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:.....
.....
.....
- Số CP nắm giữ:, chiếm % vốn điều lệ, trong đó:
+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:.....
+ Cá nhân sở hữu:.....
- Các cam kết nắm giữ (nếu có):.....
- Danh sách người có liên quan của người khai* :

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty cổ phần ... (nếu có)	Mối quan hệ

14. Lợi ích liên quan đối với Công ty VRG (nếu có):

15. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty VRG (nếu có):

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ... tháng ... năm

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)



Số: /TTr-HĐQT

Hải Dương, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2020 (đã được kiểm toán)

DỰ THẢO

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên
Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam;

Căn cứ Báo cáo Tài chính (đã được kiểm toán) và kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020;

Căn cứ Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020 của Ban kiểm soát Công ty ngày tháng năm 2020;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét, thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 (đã được kiểm toán) với một số chỉ tiêu Tài chính chủ yếu như sau:

I. Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2020:

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
1	Tài sản ngắn hạn	100	266.516.092.466	319.391.424.952
2	Tài sản dài hạn	200	387.147.950.381	353.080.120.398
3	Tổng cộng tài sản	270	653.664.042.847	672.471.545.350
4	Nợ phải trả	300	377.151.408.881	384.963.258.912
5	Vốn chủ sở hữu	400	276.512.633.966	287.508.286.438
6	Tổng cộng nguồn vốn	440	653.664.042.847	672.471.545.350

II. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2020:

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
1	Doanh thu bán hàng và CCDV	01	21.777.693.675	54.487.948.670
2	Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	(21+31)	16.287.175.529	16.749.012.053
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	13.035.553.805	34.723.763.286
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	11.058.241.928	27.606.420.250

Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C- Chi nhánh Hà Nội:

Ý kiến của Kiểm toán viên:

“...Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề được nêu tại đoạn: “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

Trên đây là những chỉ tiêu chủ yếu của Báo cáo tài chính năm 2020 (đã được kiểm toán) của Công ty cũng như ý kiến của Kiểm toán viên nêu trên.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, Phòng TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Trung Thái



Số /TTr- BKS

Hải Dương, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

DỰ THẢO

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Công ty cổ phần phát triển đô thị và Khu công nghiệp cao su Việt Nam

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 19/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010;

Căn cứ văn bản số /HĐQTCSVN-TCKT ngày của cổ đông lớn Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2021 của Công ty;

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty CP phát triển đô thị và KCN Cao su Việt Nam;

Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần phát triển đô thị và Khu công nghiệp cao su Việt Nam. Qua công tác kiểm tra, giám sát Ban kiểm soát nhận thấy Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C thực hiện đầy đủ các yêu cầu kiểm toán BCTC theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Từ lý do nêu trên, Ban kiểm soát đề nghị ĐHĐCĐ xem xét, chấp thuận việc tiếp tục lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C thực hiện nhiệm vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty

Trong trường hợp vì lý do nào đó, Công ty không sử dụng Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A &C thực hiện công tác kiểm toán BCTC năm 2021, Đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho chủ tịch HĐQT chủ động lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán dưới đây được cổ đông lớn Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam lựa chọn để thay thế công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A &C thực hiện kiểm toán BCTC năm 2021 cho Công ty:

1. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC
2. Công ty TNHH Kiểm toán & tư vấn RSM Việt Nam

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua

Trân trọng!

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban lãnh đạo Công ty (để biết)
- Lưu VT, BKS

Vũ Thị Thu Hà



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTr-HĐQT

Hải Dương, ngày tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc phê duyệt quyết toán thù lao của HĐQT và BKS năm 2020,
phương án chi trả thù lao năm 2021 cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty**

DỰ THẢO

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên
Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Bộ luật Lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ vào Điều lệ hoạt động Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam ngày 24/06/2020 về việc phê duyệt phương án chi trả thù lao năm 2020 cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét, phê duyệt quyết toán chi trả thù lao năm 2020 và thông qua phương án chi trả thù lao năm 2021 cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty với nội dung cụ thể như sau:

I. Phê duyệt quyết toán chi trả thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát công ty năm 2020:

STT	Chức danh	Số người	Số tháng	Thù lao/người/tháng	Tổng tiền (Trđ)
1	Chủ tịch HĐQT	1	12	10	120
2	Thành viên HĐQT	4	6	5	120
3	Thành viên HĐQT	5	12	5	300
4	Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách	2	12	5	120
5	Trưởng ban Kiểm soát cũ	1	6	5	30
	Tổng cộng				690

(Bằng chữ: Sáu trăm chín mươi triệu đồng chẵn)

II. Phương án chi trả thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty năm 2021:

STT	Chức danh	Số người	Số tháng	Thù lao/người/tháng	Tổng tiền (Trđ)
1	Chủ tịch HĐQT	1	12	10	120
2	Thành viên HĐQT	7	12	5	420
3	Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách	2	12	5	120
	Tổng Cộng				660

(Bằng chữ: Sáu trăm sáu mươi sáu triệu đồng)

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, VP.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Trung Thái



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTr-HĐQT

Hải Dương, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoạt động của
Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam**

DỰ THẢO

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên
Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên nội dung sau:

Trong năm 2020 Nhà nước đã ban hành một số Văn bản pháp luật mới có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác quản lý điều hành của Công ty như: Luật doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán 2019, các văn bản hướng dẫn liên quan... Các văn bản pháp luật này đều có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Để bản Điều lệ hoạt động của Công ty ngày càng hoàn thiện, làm cơ sở phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác quản lý điều hành của Công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định mới của pháp luật, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản, điều trong Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam (*có tài liệu dự thảo nội dung sửa đổi bổ sung đính kèm*).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, VP.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Trung Thái



CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NĂM 2021

(Thực hiện theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021; Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021; và các văn bản hướng dẫn liên quan)

TT	Nội dung	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung
1	Phần mở đầu	<p>Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Cao su Việt Nam (<i>dưới đây gọi tắt là Công ty</i>) được xây dựng trên cơ sở các quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015; Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán; các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán.</p> <p>Điều lệ này thay thế cho Điều lệ Công ty lập ngày 08 tháng 6 năm 2018 nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ và phù hợp với tình hình mới của Công ty, là cơ sở pháp lý để tiến hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.</p>	<p>Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Cao su Việt Nam (<i>dưới đây gọi tắt là Công ty</i>) được xây dựng trên cơ sở các quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021; Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021; và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán.</p> <p>Điều lệ này thay thế cho Điều lệ Công ty lập ngày 24 tháng 6 năm 2020 nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ và phù hợp với tình hình mới của Công ty, là cơ sở pháp lý để tiến hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.</p>
2	Sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 1	<p>Điều 1: Định nghĩa</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:</p> <p>b. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014.</p> <p>c. “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán</p>	<p>- “<i>Luật Doanh nghiệp</i>” là là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.</p> <p>- “<i>Luật chứng khoán</i>” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14</p>

		<p>ngày 24/11/2010.</p> <p>g. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 17, Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.</p> <p>h. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 9, Điều 6 Luật chứng khoán.</p> <p>i. “Người nội bộ của Công ty đại chúng” được quy định tại khoản 5, Điều 2 Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính.</p>	<p>được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.</p> <p>- “<i>Người có liên quan</i>” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.</p> <p>- “<i>Cổ đông lớn</i>” là cổ đông được quy định tại khoản 18, Điều 4, Luật chứng khoán.</p> <p>- “Người nội bộ của Công ty đại chúng” được quy định tại khoản 45, Điều 4 Luật chứng khoán.</p> <p>- Bổ sung thêm các điểm:</p> <p>b. “<i>Vốn có quyền biểu quyết</i>” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông (<i>khoản 33, Điều 4, Luật DN</i>);</p> <p>i. “<i>Cổ đông</i>” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty (<i>khoản 3, Điều 4 Luật DN</i>);</p> <p>j. “<i>Cổ đông sáng lập</i>” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty (<i>khoản 4, Điều 4, Luật DN</i>);</p>
3	Sửa đổi tên của Chương II	CHƯƠNG II: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	Chương II: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời hạn hoạt động của Công ty và Người đại diện theo pháp luật của Công ty
	Sửa đổi khoản 1, Điều 2	1. Tên Công ty: - Tên viết tắt: VINARUCO	- Tên viết tắt: VRG
		3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: - Số 12 Phố Nguyễn An, Phường Hải Tân, Thành phố Hải Dương. Tỉnh Hải Dương	- Số 12 Phố Nguyễn An, Phường Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Dương. Tỉnh Hải Dương (<i>do Thành phố Hải Dương thực hiện thay đổi địa giới hành chính</i>)
4	Sửa đổi khoản 2, Điều 7	Điều 7: Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần: 2. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần là chứng chỉ có giá do công ty	2. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần là chứng chỉ có giá do công ty

		phát hành để xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp	phát hành để xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp
		5. Trường hợp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần bị mất... b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần mới.	5. Trường hợp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần (chưa thực hiện lưu ký) bị mất, bị hư hỏng, bị hủy hoại dưới hình thức khác thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 121 Luật doanh nghiệp và phải thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
		- Bổ điểm c, khoản 5: Đối với Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần đăng thông báo về việc Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần mới.	
5	Sửa đổi khoản 4, Điều 10	Điều 10: Thu hồi cổ phần 4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3, điều 111 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3, điều 112 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
6	Sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 12	Điều 12: Quyền của cổ đông 2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;	h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;

			<p>- Bổ sung thêm các điểm:</p> <p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;</p> <p>i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</p> <p>j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</p> <p>k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p>
	Sửa đổi, bổ sung khoản 3, Điều 12	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng có các quyền sau:</p>	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>- Bổ sung thêm các điểm:</p> <p>a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>f. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề</p>

			kiến nghị đưa vào chương trình họp;
			<p>- Bổ sung thêm khoản:</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>
7	Sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 2, Điều 13	Điều 13: Nghĩa vụ của cổ đông: b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;	b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
	Bổ sung thêm khoản 5, Điều 13		<p>- Bổ sung thêm khoản:</p> <p>5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p>
8	Sửa đổi, bổ sung Điều 14	Điều 14: Đại hội đồng cổ đông	

		<p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần hoặc tổ chức bất thường. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cuộc họp Đại hội đồng thường niên có thể kéo dài nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính sau khi xin phép và được sự đồng ý của cơ quan đăng ký kinh doanh.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p>
		<p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện Công ty kiểm toán độc lập dự họp đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</p>	<p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</p>
		<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2, Điều 114 Luật doanh nghiệp yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông ...</p>	<p>- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2, Điều 115 Luật doanh nghiệp yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông ...</p>
		<p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Người</p>	<p>- Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.</p>

		quản lý Công ty vì phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	
		<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5, điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3, điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>
		<p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b, khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d, khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6, Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b, khoản 4 Điều này thì cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại điểm d, khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p>
			<p>- Bổ sung thêm điểm:</p> <p>d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>
9	Sửa đổi, bổ sung và sắp xếp lại các điểm, khoản của Điều 15 (Bổ khoản 3)	<p>Điều 15: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán ;</p> <p>b. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua</p>	<p>Điều 15: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p>

	<p>quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;</p> <p>e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>l. Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán tài sản Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài</p>	<p>e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p> <p>f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</p> <p>e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>f. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>g. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS;</p>
--	--	--

	<p>chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;</p> <p>m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;</p> <p>n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>h. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>i. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>j. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>k. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>l. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>m. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>n. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>o. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>p. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>q. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>r. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>s. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>
	<p><u>- Bỏ khoản 3:</u></p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp</p>	

		<p>sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.</p>	
10	Sửa đổi, bổ sung Điều 16	<p>Điều 16: Đại diện theo ủy quyền</p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p>	<p>Điều 16: Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p>
		<p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p>	<p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự hoặc theo mẫu ủy quyền của công ty. Văn bản ủy quyền phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và phải có chữ ký của các bên theo quy định sau đây:</p>
11	Sửa đổi Điều 17	<p>Điều 17: Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ</p>	<p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông</p>

		đồng nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua	qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
		2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.	2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 20, Điều 21 Điều lệ này.
12	Sửa đổi, bổ sung Điều 18	Điều 18: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.	1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
		2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.	2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
		3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập

		ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư)	họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư)
		<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này.</p>	<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này.</p>
			<p>- Bổ sung thêm khoản:</p> <p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>
13	Sửa đổi, bổ sung Điều 19	<p>Điều 19: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</p>
		<p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	

		triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	
14	Sửa đổi, bổ sung Điều 20	<p>Điều 20: Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>7. Chủ tọa Đại hội có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:</p> <p>d. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>d. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.</p>
			<p>- Bổ sung thêm khoản:</p> <p>13. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>
15	Sửa đổi, bổ sung Điều 21	<p>Điều 21: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>1. Trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông (theo các phương thức: họp trực tiếp; họp trực tuyến; lấy ý kiến bằng văn bản, bỏ phiếu</p>	<p>Điều 21: Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua:</p> <p>1. Trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này và các quy định tại khoản 3, 4, và 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (theo các phương thức: họp trực tiếp; họp trực</p>

		điện tử hoặc các hình thức điện tử khác).	tuyên; lấy ý kiến bằng văn bản, bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức điện tử khác).
		<p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến những nội dung sau: Sửa đổi và bổ sung Điều lệ; loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ các trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp :</p> <p>a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoạt động;</p> <p>b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>c. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>f. Tạm dừng hoạt động, tổ chức lại, giải thể Công ty;</p>
		3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp	3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức biểu quyết đa số. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
16	Sửa đổi Điều 22	<p>Điều 22: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các</p>	<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các</p>

17	Sửa đổi, bổ sung Điều 23	cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.	cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
		6. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	6. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
		Điều 23: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt (có thể lập thêm bằng tiếng Anh) và có các nội dung chủ yếu sau đây: i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.	Điều 23: Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt (có thể lập thêm bằng tiếng Anh) và có các nội dung chủ yếu sau đây: i. Họ tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
		- Bỏ khoản 4: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.	
		5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	5. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công

			ty.
18	Sửa đổi Điều 24	<p>Điều 24: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>
19	Sửa đổi, bổ sung Điều 25	<p>Điều 25: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị:</p>	<p>- Bổ sung điểm tại khoản 1:</p> <p>j. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có)</p>
		<p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên ...</p>	<p>2. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p>
			<p>- Bổ sung thêm khoản:</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>
20	Sửa đổi, bổ sung Điều 26	<p>Điều 26: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên</p>	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người</p>

	<p>Hội đồng quản trị là năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p>
	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty.</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.</p> <p>d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.</p> <p>e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.</p> <p>g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật doanh nghiệp.</p>

			Bổ sung thêm khoản: 4. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 Công ty khác.
21	Sửa đổi, bổ sung và sắp xếp lại Điều 27	<p>Điều 27: Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:</p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.</p> <p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm các cán bộ quản lý Công ty và quyết định mức lương, thưởng, phạt của họ.</p> <p>d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.</p> <p>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người quản lý Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người quản lý đó.</p> <p>f. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại.</p>	<p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p> <p>e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong</p>

	<p>g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền.</p> <p>h. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền.</p> <p>i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có); cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.</p> <p>j. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.</p> <p>k. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty.</p> <p>l. Quyết định ban hành quy chế nội bộ về quản trị Công ty.</p> <p>m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.</p> <p>n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công ty, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định.</p> <p>o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.</p> <p>p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).</p>	<p>báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>j. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>k. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>l. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>m. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>n. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>o. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;</p> <p>p. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.</p> <p>q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp,</p>
--	--	--

			Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
			<p>- Bổ sung thêm các khoản sau:</p> <p>5. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.</p> <p>6. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.</p>
		<p>6. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p>	<p>Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>
22	Sửa đổi, bổ sung Điều 28	Điều 28: Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	<p>- Bổ sung thêm khoản:</p> <p>1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p>
		<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng</p>	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội</p>

		quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.	đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
		2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.	3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
		4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình.	5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
			- Bổ sung thêm khoản: 6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.
23	Sửa đổi, bổ sung Điều 31	Điều 31: Chủ tịch Hội đồng quản trị: 1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch HĐQT.	1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
			- Bổ sung thêm khoản: 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

	<p>2. Chủ tịch HĐQT có nghĩa vụ: Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên HĐQT khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.</p>	<p>3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây: Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; đồng thời có các Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên HĐQT khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>
	<p>- Bổ khoản 3: Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p>	
	<p>4. Chủ tịch HĐQT có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn</p>	<p>5. Chủ tịch HĐQT có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị</p>

		mười (10) ngày.	miễn nhiệm, bãi nhiệm.
24	Sửa đổi, bổ sung Điều 32	Điều 32: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 4. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.	4. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
		<u>- Bỏ các khoản sau:</u> 5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty. 6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.	
		7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp	5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi Thông báo mời họp Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày họp ...
		9. Biểu quyết: a. Trừ quy định tại điểm b khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết. b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các	7. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này; c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu

		<p>hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.</p> <p>c. Theo quy định tại điểm d khoản 9, Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 42 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p> <p>e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>	<p>điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác;</p> <p>f. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>
			<p>- Bổ sung thêm khoản:</p> <p>9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p>
			<p>- Bổ sung thêm các điểm sau tại khoản 12: Biên bản họp Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Điều này thì biên bản này có hiệu lực. - Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa

			biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
25	Bổ sung thêm Điều 33		<p>Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông; b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; d. Tham dự các cuộc họp; e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật; f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát; g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty; h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan; i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

26	Sửa đổi, bổ sung Điều 34	<p>Điều 34: Tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc. Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động với nhân sự dự kiến làm Tổng giám đốc và quyết định thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc theo hai (02) phương án là: dựa vào hệ thống thang bảng lương theo quy định hiện hành của Nhà nước hoặc căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.</p> <p>Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Ban điều hành được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm, được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc. Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động với nhân sự dự kiến làm Tổng giám đốc và quyết định tiền lương, thưởng của Tổng giám đốc theo hai (02) phương án là: dựa vào hệ thống thang bảng lương theo quy định hiện hành của Nhà nước hoặc căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.</p> <p>Tiền lương của Ban điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>
27	Sửa đổi, bổ sung Điều 37	<p>Điều 37: Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên:</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty;</p>	<p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.</p>
28	Bổ sung Điều 38	<p>Điều 38: Kiểm soát viên</p>	<p>Điều 38: Kiểm soát viên</p> <p>- Bổ sung thêm khoản:</p> <p>6. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</p>
29	Sửa đổi, bổ sung Điều 39	<p>Điều 39: Trưởng Ban kiểm soát</p> <p>Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</p>	<p>1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên</p>

			thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và làm việc chuyên trách tại Công ty.
		b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát.	b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát.
30	Sửa đổi, bổ sung Điều 40	Điều 40: Ban kiểm soát 1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau: a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty. e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp	a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông: phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết. e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
		3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.	3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

		<p>4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</p>	<p>4. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>a. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>b. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>c. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</p>
31	Sửa đổi, bổ sung Điều 41	<p><u>Điều 41: Trách nhiệm cẩn trọng</u></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.</p> <p>c. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a. Tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.</p> <p>c. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về nội dung quy định tại khoản 2, Điều 164 Luật doanh nghiệp.</p>

		chính và chi nhánh của công ty.	
32	Sửa đổi, bổ sung Điều 42		- Bổ sung thêm khoản: 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho công ty và bên thứ ba.
		Điều 42: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.	2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
		3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.	3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ trở lên với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
		4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp	4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

		<p>công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p>	
		<p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan.</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này.</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập</p>	<p>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan.</p> <p>b. Đối với những giao dịch có giá trị lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan</p>

		cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.	
33	Sửa đổi, bổ sung Điều 43	<p>Điều 43: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 3, Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>	<p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p>
			<p>- Bổ sung thêm khoản:</p> <p>2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>
34	Sửa đổi, bổ sung Điều 46	<p>Điều 46: Phân phối lợi nhuận:</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận và tỷ lệ được giữ lại chưa phân phối của Công ty.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.</p>
		4... Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký	4.... Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký

		giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.	giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.
			- Bổ sung thêm các điểm tại khoản 6: 6. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên... e. Thời điểm và phương thức trả cổ tức; f. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty.
			- Bổ sung thêm các khoản: 7. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty. 8. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 123, 124 và 125 của Luật doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.
35	Sửa đổi, bổ sung Điều 50	Điều 50: Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý 1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 53 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.	Điều 50: Báo cáo tài chính năm, bán niên và hàng quý 1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
		2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động	2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục,

		<p>kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.</p>	<p>thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>
36	Sửa đổi, bổ sung Điều 53	<p>Điều 53: Kiểm toán:</p> <p>- Bổ khoản 2: Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	
		<p>3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p>	Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
37	Sửa đổi, bổ sung Điều 54	<p>Điều 54: Con dấu</p> <p>1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.</p>	<p>Điều 54: Con Dấu của Công ty</p> <p>1. Con Dấu bao gồm con dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc con dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p>
			<p>- Bổ sung thêm khoản:</p> <p>2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung con dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</p>
38	Sửa đổi, bổ sung Điều 55	<p>Điều 55: Chấm dứt hoạt động</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 55: Giải thể Công ty</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>b. Giải thể trước thời hạn theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>

		c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.	c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật quản lý thuế có quy định khác.
39	Sửa đổi, bổ sung Điều 56	<p>Điều 56: Gia hạn hoạt động</p> <p>2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.</p>
40	Sửa đổi, bổ sung Điều 60	<p>Điều 60: Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản Điều lệ sửa đổi, bổ sung này có 22 Chương, 60 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Cao su Việt Nam biểu quyết thông qua, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 6 năm 2020 và thay thế cho Bản Điều lệ được thông qua ngày 08 tháng 6 năm 2018.</p>	<p>1. Bản Điều lệ sửa đổi, bổ sung này có 22 Chương, 61 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu Công nghiệp Cao su Việt Nam nhất trí thông qua ngày ... tháng 6 năm 2021 và thay thế cho Bản Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2020.</p>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP
CAO SU VIỆT NAM**



DỰ THẢO



**ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM**

Hải Dương, ngày ... tháng 6 năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
Chương I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1. Định nghĩa.....	5
Chương II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, VPĐD và thời hạn hoạt động của Công ty.....	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	7
Chương III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	8
Chương IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	8
Điều 7. Giấy Chứng nhận sở hữu cổ phần.....	10
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	11
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	11
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	11
Chương V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	12
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	12
Chương VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	12
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	12
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	14
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	18
Điều 18. Triệu tập, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	24
Điều 22. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	27
Chương VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	27
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	28
Điều 27. Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	29

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	30
Điều 29. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị	31
Điều 30. Thuê và sử dụng chuyên gia.....	32
Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	32
Điều 32. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	33
Điều 33. Người phụ trách quản trị Công ty.....	36
Chương VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC.....	36
Điều 34. Tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc.....	36
Điều 35. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	37
Chương IX. PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC.....	38
Điều 36: Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.....	38
Điều 37: Bộ máy giúp việc của Tổng giám đốc.....	39
Chương X. BAN KIỂM SOÁT.....	39
Điều 38: Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	39
Điều 39. Kiểm soát viên.....	39
Điều 40: Trưởng Ban kiểm soát.....	40
Điều 41. Ban kiểm soát.....	41
Chương XI. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	42
Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng.....	42
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	43
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	43
Chương XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	44
Điều 45. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	44
Chương XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	45
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn.....	45
Chương XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	45
Điều 47. Phân phối lợi nhuận.....	45
Chương XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	46
Điều 48. Tài khoản ngân hàng.....	46
Điều 49. Năm tài chính.....	46
Điều 50. Chế độ kế toán.....	47
Chương XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	47
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và hàng quý.....	47
Điều 52. Báo cáo thường niên.....	47
Điều 53. Người thực hiện công bố thông tin.....	47

Chương XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	48
Điều 54. Kiểm toán.....	48
Chương XVIII. DẤU CỦA CÔNG TY.....	48
Điều 55. Dấu của Công ty.....	48
Chương XIX. GIẢI THẺ CÔNG TY.....	49
Điều 56. Giải thẻ Công ty.....	49
Điều 57. Gia hạn hoạt động.....	49
Điều 58. Thanh lý.....	49
Chương XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	50
Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	50
Chương XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	50
Điều 60. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	50
Chương XXII. NGÀY HIỆU LỰC.....	51
Điều 61. Ngày hiệu lực	51

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Cao su Việt Nam (*dưới đây gọi tắt là Công ty*) được xây dựng trên cơ sở các quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021; Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021; và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán.

Điều lệ này thay thế cho Điều lệ Công ty lập ngày 24 tháng 6 năm 2020 nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ và phù hợp với tình hình mới của Công ty, là cơ sở pháp lý để tiến hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua hợp lệ ngày ... tháng 6 năm 2021.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1: Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a. “*Vốn điều lệ*” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và được quy định tại Điều 6 của Điều lệ này.

b. “*Vốn có quyền biểu quyết*” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông (khoản 33, Điều 4 Luật doanh nghiệp);

c. “*Luật Doanh nghiệp*” là là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.

d. “*Luật chứng khoán*” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.

e. “*Ngày thành lập*” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

f. “*Người quản lý Công ty*” bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

g. “*Người điều hành Công ty*” bao gồm: Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các Chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định của Điều lệ Công ty.

h. “*Người có liên quan*” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

i. “*Cổ đông*” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty (khoản 3, Điều 4 Luật doanh nghiệp).

j. “*Cổ đông sáng lập*” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty (khoản 4, Điều 4 Luật doanh nghiệp).

k. “*Cổ đông lớn*” là cổ đông được quy định tại khoản 18, Điều 4, Luật chứng khoán.

l. “*Người nội bộ của Công ty đại chúng*” được quy định tại khoản 45, Điều 4 Luật chứng khoán.

m. “*Thời hạn hoạt động*” là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng Nghị quyết.

n. “*Việt Nam*” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

o. “*Sở giao dịch chứng khoán*” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
- Tên tiếng Anh: VIETNAM RUBBER URBAN AND INDUSTRIAL ZONE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY
- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
- Tên viết tắt: VRG
- Mã giao dịch chứng khoán: VRG

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 12 Phố Nguyễn An, Phường Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Dương. Tỉnh Hải Dương

- Điện thoại: (0220).3838025

Fax : (0220).3838024

- E-mail: congty.vrg@gmail.com

- Website: <http://www.vinaruco.com.vn>

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày 04/10/2005 là ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Việc chấm dứt hoạt động của Công ty trước thời hạn hoặc gia thời hạn hoạt động do Đại hội đồng cổ đông quyết định và thực hiện theo đúng quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Điều lệ này.

Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là: Chủ tịch Hội đồng quản trị

2. Quyền hạn và trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật được quy định như sau:

a. Người đại diện theo pháp luật thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

b. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

c. Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4: Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

- Đầu tư cơ sở hạ tầng và kinh doanh khu công nghiệp;
- Xây dựng nhà ở, căn hộ, văn phòng; xây dựng các công trình giao thông, công trình thủy lợi;

- Khai thác và chế biến các loại khoáng sản;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai;
- Cho thuê đất, thuê kho bãi, Văn phòng, nhà ở, bãi đỗ xe; dịch vụ vận tải, khai thuê hải quan và làm thủ tục hải quan;
- Dịch vụ kho ngoại quan; kinh doanh xuất khẩu và uỷ thác xuất nhập khẩu; mua bán, bảo dưỡng xe có động cơ và mô tô, xe máy, phụ tùng cho xe có động cơ, xăng, dầu, mỡ; mua bán và đại lý (Trừ xe có động cơ và mô tô, xe máy);
- Mua bán các sản phẩm cao su nguyên liệu và cao su thiên nhiên; mua bán vật tư thiết bị, vật tư xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng đô thị, công cộng; xây lắp điện công trình dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, xây dựng phát triển các khu dân cư, khu đô thị; kinh doanh các dịch vụ sau khi khu công nghiệp, khu chung cư, khu đô thị đi vào hoạt động; cho thuê quảng cáo và các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Mục tiêu của Công ty là không ngừng đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng quy mô kinh doanh theo nhu cầu thị trường nhằm thu lợi nhuận tối đa, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Điều 5: Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu đã đề ra của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị thông qua.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là: **258.948.680.000** đồng (*Hai trăm năm mươi tám tỷ, chín trăm bốn mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng*);
 - Tổng số cổ phần: 25.894.868 cổ phần (*Hai mươi lăm triệu tám trăm chín mươi tư nghìn tám trăm bảy mươi cổ phần*);
 - Số cổ phần được quyền chào bán: Không

Điều lệ Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam

- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần. .

2. Danh sách cổ đông sáng lập:

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ trụ sở	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)
1	Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam	Số 236 Nam kỳ khởi nghĩa, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Phổ thông	2.400.000	24.000.000.000
2	Công ty TNHH MTV cao su Mang Yang	Thị trấn Đak Đoa, Huyện Đak, Đoa, Tỉnh Gia Lai	Phổ thông	1.000.000	10.000.000.000
3	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long	QL13, Phường Hưng Chiến, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước	Phổ thông	1.000.000	10.000.000.000
4	Công ty TNHH MTV Tổng công ty cao su đồng Nai	Ấp Trung Tân, xã Xuân Lập, TX Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai	Phổ thông	3.000.000	30.000.000.000
5	Công ty TNHH MTV cao su Tân Biên	Xã Tân Hiệp, Tân Châu, Tỉnh Tân Ninh	Phổ thông	600.000	6.000.000.000

3. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (*tối thiểu 20 ngày làm việc*) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

Điều 7: Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần

1. Cổ đông của Công ty được cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần là chứng chỉ có giá do công ty phát hành để xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1, Điều 121 Luật doanh nghiệp

3. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phần ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

4. Trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần. Đối với lần đầu tiên cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần, người sở hữu không phải trả cho Công ty chi phí in Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

5. Trường hợp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần (chưa thực hiện lưu ký) bị mất, bị hư hỏng, bị hủy hoại dưới hình thức khác thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 121 Luật doanh nghiệp và phải thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

6. Người sở hữu Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản Giấy chứng nhận này và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp Giấy chứng nhận này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

Điều 8: Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9: Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10: Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3, điều 112 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi tính theo lãi suất tiền gửi 12 tháng của các Ngân hàng Thương mại vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát:

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Ban kiểm soát;

- c. Hội đồng quản trị;
- d. Tổng giám đốc;
- e. Các Phó Tổng giám đốc - Kế toán trưởng;

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12: Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại ĐHĐCĐ hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc bằng một số phương thức khác (nếu có) như: bỏ phiếu từ xa hoặc hình thức điện tử khác... Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu, trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông, danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị Công ty quy định cụ thể về thủ tục sửa đổi thông tin của cổ đông.

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với Nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

f. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng

cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13: Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty.
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

4. Cung cấp thông tin về nhân thân, hồ sơ cá nhân, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú khi đăng ký mua cổ phần;
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 14: Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng

không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính Quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ.
- c. Khi số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, ban kiểm soát ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này.
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2, Điều 115 Luật doanh nghiệp yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.
- e. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, kiểm soát viên còn lại theo quy định tại điểm c, khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và e, khoản 3 Điều này.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3, điều 140 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b, khoản 4 Điều này thì cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại điểm d, khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác];
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

f. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

g. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

h. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

i. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

j. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

k. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

l. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

m. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

n. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác];

o. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

p. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

q. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

r. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

s. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16: Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự hoặc theo mẫu ủy quyền của Công ty. Văn bản ủy quyền phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và phải có chữ ký của các bên theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông là cá nhân ủy quyền cho cá nhân khác dự họp thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông là cá nhân ủy quyền cho tổ chức khác dự họp thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

c. Trường hợp cổ đông là tổ chức ủy quyền cho cá nhân dự họp thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức ủy quyền và cá nhân được ủy quyền dự họp;

d. Trường hợp cổ đông là tổ chức ủy quyền cho tổ chức khác dự họp thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

e. Cá nhân hoặc tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo chứng minh nhân dân, /thẻ căn cước/hộ chiếu để kiểm tra và nộp giấy ủy quyền (bản gốc) trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền.

c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17: Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số

cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 20, Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội.

c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

d. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội.

e. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội.

f. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp.

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu (bản chính thức hoặc bản dự thảo) liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp trên Website Công ty để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp.
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.
- c. Phiếu biểu quyết.
- d. Mẫu giấy xác nhận dự họp và ủy quyền dự họp.
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị những vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:

- a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này.
- c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 19: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.
4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3, Điều 18 của Điều lệ này.

Điều 20: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông:

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường được tổ chức theo các phương thức sau:
 - a. Họp trực tiếp (có Phụ lục 01 - Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường ban hành kèm theo Điều lệ này);
 - b. Họp trực tuyến (có Phụ lục 02 - Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến ban hành kèm theo Điều lệ này);
 - c. Lấy ý kiến bằng văn bản, bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức điện tử khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Trước khi khai mạc Đại hội, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự họp có mặt trực tiếp tại địa điểm tổ chức đăng ký hết.
3. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết, trên đó ghi họ tên, mã số đăng ký sở hữu, số cổ phần nắm giữ, số cổ phần được ủy quyền và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền. Khi tiến hành biểu quyết đối với từng vấn đề tại đại hội, số phiếu tán thành được thu trước, số phiếu phản đối được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ đối với từng vấn đề được

Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

7. Chủ tọa Đại hội có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.
- b. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- c. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.
- d. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên

tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

9. Chủ tọa của Đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

11. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp.
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

12. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”).
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

13. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

14. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 21: Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua:

1. Trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này và quy định tại khoản 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (theo các phương thức: họp trực tiếp; họp trực tuyến; lấy ý kiến bằng văn bản, bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức điện tử khác).

2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp :

- a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoạt động;
- b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- c. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- f. Tạm dừng hoạt động, tổ chức lại, giải thể Công ty;

3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức biểu quyết đa số. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
- b. Mục đích lấy ý kiến.
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến.
- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết.
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.
- e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

Điều 23: Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt (có thể lập thêm bằng tiếng Anh) và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp.
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký.
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp.
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.
- i. Họ tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

**CHƯƠNG VII
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 25: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị:

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị phải đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để các cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.

- b. Trình độ học vấn.
 - c. Trình độ chuyên môn.
 - d. Quá trình công tác.
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác.
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty.
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có).
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có).
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
 - j. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
- 2.** Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền gộp số cổ phần có quyền biểu quyết để đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- 3.** Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.
- 4.** Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị:

- 1.** Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
- 2.** Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật doanh nghiệp.

3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 Công ty khác.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 27: Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty.

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

4. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

k. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

l. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

m. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

n. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

o. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;

p. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

6. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

7. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người quản lý Công ty đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28: Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29: Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị:

1. Văn phòng Hội đồng quản trị: là đơn vị tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị và chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp của Hội đồng quản trị. Văn phòng Hội đồng quản trị có chức năng, nhiệm vụ sau:

- Truyền đạt các thông tin điều hành, chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị tới Tổng giám đốc và các cán bộ giúp việc của Công ty để tổ chức triển khai thực hiện.

- Là đầu mối tiếp nhận, tổng hợp, xử lý thông tin liên quan tới hoạt động của Công ty; phối hợp với các Phòng, Ban chuyên môn thẩm định, trình Chủ tịch HĐQT ký các hồ sơ, văn bản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị và Chủ tịch HĐQT. Các cá nhân khi ký phiếu trình phải chịu trách nhiệm đối với các ý kiến thẩm định báo cáo của mình về nội dung ký trình.

- Tham gia và phối hợp với các Phòng, Ban chuyên môn lập kế hoạch, chương trình, chuẩn bị các tài liệu, cơ sở vật chất để phục vụ các cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.

- Thực hiện đăng tải các thông tin và tài liệu phải công bố thông tin trên Website Công ty theo yêu cầu của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và quy chế công bố thông tin của Công ty.

- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

- Thực hiện các công tác văn phòng theo sự phân công, chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do HĐQT, Chủ tịch HĐQT giao.

2. Cơ cấu tổ chức của Văn phòng Hội đồng quản trị gồm có:

- Chánh Văn phòng, các Phó Chánh Văn phòng và các chuyên viên nghiệp vụ.
- Chánh Văn phòng và Phó Chánh Văn phòng do Chủ tịch HĐQT trực tiếp tuyển dụng và ban hành Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Thời hạn bổ nhiệm không quá 05 năm và có thể được tái bổ nhiệm.
- Tùy theo từng giai đoạn phát triển của Công ty, Hội đồng quản trị sẽ quyết định số lượng các chuyên viên nghiệp vụ của Văn phòng HĐQT. Theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc xây dựng kế hoạch tuyển dụng và ký hợp đồng đối với các nhân sự này.
- Phó Chánh Văn phòng là người trợ giúp Chánh Văn phòng trong công tác điều hành, quản lý hoạt động của Văn phòng và thực hiện các nhiệm vụ do HĐQT và Chủ tịch HĐQT phân công.
- Các chuyên viên nghiệp vụ thực hiện các công việc do Chánh Văn phòng HĐQT phân công.

Điều 30: Thuê và sử dụng chuyên gia

1. Hội đồng quản trị có quyền thuê các tổ chức hoặc cá nhân có trình độ, năng lực và kinh nghiệm làm chuyên gia để thực hiện nhiệm vụ tư vấn, tham mưu cho Hội đồng quản trị trong một số lĩnh vực yêu cầu phải có trình độ chuyên môn cao như: triển khai đầu tư các hạng mục công trình xây dựng cơ bản; đánh giá tính chất pháp lý cũng như hiệu quả đầu tư đối với các dự án do Công ty làm chủ đầu tư, góp vốn hoặc đầu tư tài chính.
2. Hội đồng quản trị quyết định việc ký hợp đồng thuê chuyên gia theo các hợp đồng ngắn hạn, dài hạn hoặc theo tính chất của từng công việc, sự việc cụ thể, đồng thời quyết định mức tiền lương, thưởng, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với chuyên gia. Chi phí tiền lương, thưởng của chuyên gia được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 31: Chủ tịch Hội đồng quản trị:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây: Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; đồng thời có các Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên HĐQT khác thực hiện các

quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

5. Chủ tịch HĐQT có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 32: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm tổ chức họp với Tổng giám đốc và Ban điều hành Công ty để xử lý các vướng mắc phát sinh. Nội dung cuộc họp phải được ghi thành biên bản để lưu trữ và làm cơ sở để thực hiện (bản sao của biên bản họp được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị thay cho báo cáo).

3. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản, trong đó nêu rõ mục đích cuộc họp, các vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác.
- c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập

hợp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi Thông báo mời họp Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận, biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

6. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

7. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 9 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
- f. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

10. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

11. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

12. Biên bản họp Hội đồng quản trị:

- Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

Biên bản có các nội dung chủ yếu như sau:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp.
- c. Thời gian, địa điểm họp.
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.
- g. Các vấn đề đã được thông qua.
- h. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản;
 - Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị
 - Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
 - Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
 - Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 34: Tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc. Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động với nhân sự dự kiến làm Tổng giám đốc và quyết định tiền lương, thưởng của Tổng giám đốc theo hai (02) phương án là: dựa vào hệ thống thang bảng lương theo quy định hiện hành của Nhà nước hoặc căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.

Tiền lương của Ban điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động hoặc căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
3. Người được tuyển chọn làm Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Hội đồng quản trị có quyền miễn nhiệm hoặc thay thế Tổng giám đốc trước thời hạn (khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành) trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu hoặc kế hoạch kinh doanh do Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thông qua.

b. Không trung thực trong thực thi các quyền hạn hoặc lạm dụng chức vụ để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

c. Tự nguyện xin từ chức hoặc khi có quyết định điều chuyển, nghỉ hưu hoặc được bố trí công việc khác.

d. Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc không đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

e. Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các trường hợp bị miễn nhiệm do Điều lệ quy định.

Điều 35: Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc:

1. Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, điều hành kế hoạch kinh doanh theo mục tiêu, kế hoạch kinh doanh của công ty theo các Nghị quyết, quyết định đã được Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thông qua; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Tổng giám đốc có quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

a. Chủ động thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng Nghị quyết, quyết định.

b. Quyết định tất cả các vấn đề trong phạm vi nhiệm vụ được Hội đồng quản trị giao, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

c. Kiến nghị Hội đồng quản trị xem xét bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm đối với Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác trên cơ sở phù hợp với cơ cấu tổ chức và quy chế quản lý của Công ty, đồng thời kiến nghị mức thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với các nhân sự nêu trên để Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.

d. Trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.

e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách, phù hợp kế hoạch tài chính năm (05) năm đã được phê duyệt.

f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.

g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

h. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.

j. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty. Trường hợp điều hành trái với quy định của pháp luật, Điều lệ hoạt động và các quy chế quản lý của Công ty mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

CHƯƠNG IX:

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG, BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 36: Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

1. Công ty có các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế, cách chức, khen thưởng, kỷ luật.

2. Phó Tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc trong việc điều hành Công ty; thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn do Tổng giám đốc giao phù hợp với Điều lệ Công ty; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Việc ủy quyền có liên quan đến ký kết hợp đồng đều phải thực hiện bằng văn bản.

3. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê của Công ty; giúp Tổng giám đốc giám sát, quản lý tài chính tại Công ty theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc, trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền.

4. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng được bổ nhiệm với thời hạn tối đa là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại.

5. Chế độ lương, phụ cấp trách nhiệm, tiền thưởng và các lợi ích khác của Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế trả lương của Công ty.

Điều 37: Bộ máy giúp việc của Tổng giám đốc

Bộ máy giúp việc gồm có: các phòng chuyên môn và Ban quản lý dự án có chức năng tham mưu, kiểm tra, giúp việc cho Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành Công ty cũng như thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Công ty, của cổ đông, của thành viên góp vốn đối với các doanh nghiệp mà Công ty thực hiện đầu tư, góp vốn.

Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các phòng chuyên môn, Ban quản lý dự án do Tổng giám đốc quyết định sau khi được Hội đồng quản trị chấp thuận bằng văn bản.

**CHƯƠNG X
BAN KIỂM SOÁT**

Điều 38: Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên:

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự như quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 39: Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty.

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Kiểm soát viên có trách nhiệm:

a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

b. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.

c. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

e. Trường hợp vi phạm quy định tại các điểm a, b, c, d Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho công ty.

f. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận.

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

6. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 40: Trưởng Ban kiểm soát

Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và làm việc chuyên trách tại Công ty.

Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát.

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát.

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 41: Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

c. Giám sát tình hình tài chính công ty, việc tuân thủ pháp luật trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác. Đảm bảo phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Văn phòng Hội đồng quản trị phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

4. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

a. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

b. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

c. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG XI

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42: Trách nhiệm cẩn trọng

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm sau đây:

a. Tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

b. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.

c. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về nội dung quy định tại khoản 2, Điều 164 Luật doanh nghiệp.

2. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho công ty và bên thứ ba.

Điều 43: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ trở lên với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan.

b. Đối với những giao dịch có giá trị lớn hơn ba mươi lăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 44: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XII

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XIII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46: Công nhân viên và công đoàn:

1. Ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền

lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIV

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47: Phân phối lợi nhuận:

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.
5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:
 - a. Tên công ty và địa chỉ trụ sở chính của công ty.
 - b. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân.

c. Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức.

d. Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức.

e. Thời điểm và phương thức trả cổ tức;

f. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty.

7. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.

8. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 123, 124 và 125 của Luật doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

9. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48: Tài khoản ngân hàng

1. Công ty được phép mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại chi nhánh các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49: Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 50: Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XVI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51: Báo cáo tài chính năm, bán niên và hàng quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính bán niên được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo bán niên được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 52: Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 53: Người thực hiện công bố thông tin:

1. Hội đồng quản trị quyết định ủy quyền cho một (01) người của Công ty phụ trách việc công bố thông tin và đăng ký người được ủy quyền công bố thông tin với Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.
2. Người thực hiện công bố thông tin phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật.
 - b. Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Người thực hiện công bố thông tin có trách nhiệm sau:

- a. Công bố đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty tới cổ đông và các nhà đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.

CHƯƠNG XVII KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 54: Kiểm toán:

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVIII CON DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 55: Con Dấu của Công ty

1. Con Dấu bao gồm con dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc con dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIX GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 56: Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Giải thể trước thời hạn theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật quản lý thuế có quy định khác.

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 57: Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 58: Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó 02 viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý.

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết.

c. Nợ thuế.

d. Các khoản nợ khác của Công ty.

e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 59: Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

a. Cổ đông với Công ty.

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế tỉnh Hải Dương, quyết định của Trọng tài, Tòa án kinh tế tỉnh Hải Dương là quyết định cuối cùng.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XXI

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 60: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXII

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 61: Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ sửa đổi, bổ sung này có 22 Chương, 61 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu Công nghiệp Cao su Việt Nam nhất trí thông qua ngày ... tháng 6 năm 2021 và thay thế cho Bản Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2020.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Phạm Trung Thái

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**PHỤ LỤC 01
QUY CHẾ**

TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN/BẤT THƯỜNG

Căn cứ Luật doanh nghiệp 2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam;

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng:

1. Quy chế này được áp dụng cho việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường (sau đây gọi tắt là “**Đại hội**”) của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam.

2. Quy chế này quy định cụ thể điều kiện tổ chức Đại hội, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội và thể thức tiến hành Đại hội.

3. Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Điều kiện tiến hành Đại hội:

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

Điều 3. Điều kiện tham dự Đại hội:

- Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu của Công ty theo danh sách cổ đông hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.

Điều 4. Quy định về Ủy quyền tham dự Đại hội:

1. Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự Đại hội: Phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có: Chữ ký của cổ đông đó và cá nhân được ủy quyền dự họp; hoặc Chữ ký của cổ đông đó và người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp. Tổ chức được ủy quyền dự họp phải có Giấy giới thiệu cho người tới tham dự Đại hội.

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân được ủy quyền dự họp; hoặc chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp. Tổ chức được ủy quyền dự họp phải có Giấy giới thiệu cho người tới tham dự Đại hội.

2. Các trường hợp Giấy ủy quyền không theo mẫu của Công ty sẽ do Chủ tọa Đại hội toàn quyền quyết định tính hợp lệ của Giấy ủy quyền đó.

3. Một người có thể làm đại diện theo ủy quyền cho một hoặc nhiều cổ đông.

4. Người được ủy quyền dự họp Đại hội phải nộp Giấy ủy quyền trước khi vào phòng họp.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội:

1. Quyền của các cổ đông tham dự Đại hội:

- Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội bằng văn bản ủy quyền theo mẫu của Tổng công ty;

- Được Ban tổ chức Đại hội thông báo nội dung, chương trình Đại hội và được phát các tài liệu kèm theo;

- Khi tham dự Đại hội, mỗi cổ đông/người được ủy quyền được nhận Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử có ghi số cổ phần tương ứng với số phiếu biểu quyết của mình đối với các vấn đề thảo luận tại Đại hội;

- Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty;

- Cổ đông đến tham dự Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đăng ký và hiệu lực của các vấn đề biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

2. Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội:

- Khi cổ đông/người được ủy quyền đến tham dự Đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội và xuất trình các giấy tờ sau: Thư mời họp, Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy ủy quyền hợp lệ.

- Tuân thủ đúng theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này; Tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội; Phát biểu dưới sự điều hành của Chủ tọa Đại hội và biểu quyết theo hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội; Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội. Tự túc về các chi phí để tham dự Đại hội (như phương tiện đi lại, ăn uống, nghỉ ngơi...).

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng quản trị Công ty chỉ định và thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Kiểm tra tư cách cổ đông/người được ủy quyền đến tham dự Đại hội; Kiểm tra Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu, Giấy mời tham dự Đại hội, Giấy ủy quyền.

- Phát Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử và tài liệu Đại hội cho các cổ đông/người được ủy quyền tới tham dự Đại hội.

- Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội:

1. Đại hội sẽ do Chủ tịch HĐQT hoặc trưởng BKS, Đại diện nhóm cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp làm Chủ tọa tiến hành điều khiển Đại hội, hỗ trợ Chủ tọa có một số thành viên khác cùng tham gia để điều hành cuộc họp (Ban chủ tọa); Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

2. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đó nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.

3. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

4. Bất cứ lúc nào, Chủ tọa cũng có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp, cụ thể như sau:

- Yêu cầu tất cả đại biểu dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra Đại hội.

5. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
- Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
 - Giải quyết các vấn đề phát sinh khác trong suốt quá trình Đại hội.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban thư ký:

- Ban thư ký gồm: 01 Trưởng Ban và các thành viên do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.
- Ban thư ký thực hiện các công việc theo sự phân công của Chủ tọa Đại hội, bao gồm: ghi chép Biên bản Đại hội, dự thảo Nghị quyết Đại hội và thực hiện các công việc khác theo sự phân công của Chủ tọa Đại hội.
- Tiếp nhận Phiếu đăng ký phát biểu chất vấn của đại biểu dự họp, tổng hợp và trình Chủ tọa Đại hội.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu:

1. Ban kiểm phiếu gồm: 01 Trưởng Ban và các thành viên do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.
2. Ban kiểm phiếu: có nhiệm vụ phát Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử và thực hiện kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông; Tổ chức kiểm phiếu, lập biên bản kết quả kiểm phiếu và công bố trước Đại hội; Giao lại biên bản và toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tọa Đại hội.
3. Mọi công việc kiểm tra, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải làm trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.

Điều 10. Cách thức tiến hành Đại hội:

1. Đại hội dự kiến diễn ra trong ½ ngày hoặc cả ngày.
2. Đại hội sẽ thông qua chương trình họp, tiến hành thảo luận và thông qua từng nội dung nêu tại chương trình họp.

Điều 11. Phát biểu ý kiến chất vấn tại Đại hội:

1. Nguyên tắc: cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến chất vấn phải đăng ký nội dung với Ban thư ký trước khi Đại hội khai mạc (Bản đăng ký đặt tại cửa ra vào Hội trường). Ban thư ký có trách nhiệm chuyển Phiếu đăng ký phát biểu chất vấn của các cổ đông cho Chủ tọa Đại hội.

2. Cách thức phát biểu:

- Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu chất vấn theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các chất vấn. Cổ đông khi phát biểu chất vấn phải ngắn gọn (*không quá 05 phút đối với 01 lần đăng ký nội dung chất vấn*) và đúng với nội dung đã đăng ký, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Đối với các nội dung chất vấn phát sinh trong quá trình diễn ra Đại hội, Ban thư ký có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Chủ tọa để trả lời cổ đông bằng văn bản và sẽ được đăng tải công khai trên Website: www.vinaruco.com.vn của Công ty.

- Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở, đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần chất vấn hoặc cắt ngang phần trình bày ý kiến của cổ đông nếu thấy cần thiết để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng chất vấn.

- Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được cổ đông khác phát biểu và chỉ các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản cuộc họp.

Điều 12. Phiếu biểu quyết và nguyên tắc, cách thức, thể lệ biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:

1. Phiếu biểu quyết: Mỗi cổ phần tương ứng với một đơn vị biểu quyết.

a. Quy định về Phiếu biểu quyết hợp lệ: Mỗi cổ đông được cấp 01 Phiếu biểu quyết (*trong đó thể hiện toàn bộ các vấn đề cần biểu quyết*) có đóng dấu treo của Công ty. Trên Phiếu biểu quyết có ghi mã số cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và được ủy quyền).

b. Quy định về Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- Các Phiếu biểu quyết không đúng mẫu do Ban tổ chức Đại hội phát hành.
- Phiếu bị rách hoặc bị tẩy xóa các nội dung được in trên Phiếu biểu quyết.

c. Quy định về việc đổi Phiếu biểu quyết: Quá trình viết Phiếu biểu quyết nếu cổ đông/người được ủy quyền viết sai hoặc làm rách Phiếu biểu quyết thì có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu để đổi Phiếu biểu quyết mới nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông (*cổ đông/Người được ủy quyền phải ghi rõ lý do xin đổi và ký tên trên Phiếu đổi*).

2. Nguyên tắc, cách thức và thể lệ biểu quyết:

a. Nguyên tắc: Tất cả các nội dung, báo cáo, tờ trình và nghị quyết của Đại hội được tiến hành tập trung, dân chủ, công khai và được thông qua bằng hình thức đánh dấu vào Phiếu biểu quyết. Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng ban kiểm phiếu và kết thúc khi các cổ đông nộp đầy đủ phiếu cho Ban kiểm phiếu. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được niêm phong và những cổ đông

không tham gia bỏ phiếu được coi như không có ý kiến. Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và hòm phiếu được niêm phong.

b. Cách thức và thể lệ biểu quyết: Việc biểu quyết các vấn đề tại Đại hội tùy trường hợp sẽ được thực hiện theo các hình thức dưới đây:

- Biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu: cổ đông biểu quyết (**Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến**) đối với từng vấn đề bằng cách đánh dấu vào các ô tương ứng trên Phiếu biểu quyết.

- Biểu quyết trực tiếp: Việc biểu quyết trực tiếp được áp dụng đối với các trường hợp không áp dụng hình thức biểu quyết quy định tại Khoản 1 điều này. Trường hợp biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp, cổ đông/người được ủy quyền sẽ biểu quyết về vấn đề cần lấy ý kiến bằng cách giơ Phiếu biểu quyết của mình lên hoặc bằng hình thức khác theo sự điều khiển của Chủ tọa. Ban kiểm phiếu sẽ ghi lại số phiếu Đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến, không hợp lệ để công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.

Điều 13. Quy định việc kiểm phiếu đối với hình thức biểu quyết bằng bỏ phiếu:

1. Tổ chức kiểm phiếu:

- Việc kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu tiến hành tại phòng kín ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Ban kiểm phiếu không gạch xóa, sửa chữa trên phiếu biểu quyết. Ban kiểm phiếu sẽ ghi kết quả biểu quyết vào biên bản Đại hội, bao gồm: Số phiếu biểu quyết “**Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến; Không hợp lệ**”. Tỷ lệ phần trăm (%) tương ứng với số phiếu biểu quyết “Đồng ý; Không đồng ý; Không có ý kiến; Không hợp lệ” trên tổng số phiếu thu về. Trường hợp cổ đông/người được ủy quyền có ý kiến thắc mắc về kết quả biểu quyết, Chủ tọa sẽ xem xét và quyết định ngay tại Đại hội.

2. Công bố kết quả kiểm phiếu:

- Sau khi quá trình kiểm phiếu biểu quyết hoàn thành Ban kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu và Trưởng ban kiểm phiếu thông qua Biên bản kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

Điều 14. Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua:

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này và các trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, trừ các trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp, gồm:

- a. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
- b. loại cổ phiếu và tổng số cổ phần của từng loại;
- c. Tạm dừng hoạt động, tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp;

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



- d. Thay đổi, ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- e. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- f. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ đã đăng ký tham dự Đại hội chấp thuận.

Điều 15. Biên bản và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cuộc họp Đại hội cổ đông:

1. Toàn bộ diễn biến tại cuộc họp Đại hội trực tuyến được Ban thư ký ghi chép và lập thành Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Biên bản cuộc họp và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội trực tuyến.

Điều 16. Hiệu lực thi hành:

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Phạm Trung Thái

**PHỤ LỤC 02
QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN**

Căn cứ Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam;

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng:

Quy chế này quy định về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (thường niên hoặc bất thường) (sau đây gọi tắt là “**Đại hội**”) của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam bằng hình thức trực tuyến và quy định về việc bỏ phiếu biểu quyết bằng phương thức bỏ phiếu điện tử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 2. Giải thích từ ngữ:

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Cổ đông:** là người sở hữu ít nhất một cổ phần VRG, có tên trong danh sách cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc là người được cổ đông ủy quyền hợp lệ và được Công ty cấp Tài khoản truy cập để đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.

2. **Đại hội trực tuyến:** là hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường không gian mạng, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau đều có thể theo dõi diễn biến của Đại hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.

3. **Đại hội truyền thống:** là hình thức tổ chức cuộc họp tại duy nhất một địa điểm, cổ đông tham dự, thảo luận và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

4. **Địa điểm tổ chức Đại hội trực tuyến:** bao gồm địa điểm chính và các địa điểm khác. Trong đó, địa điểm chính là nơi Chủ tọa tham dự và chủ trì cuộc họp, các địa điểm khác là nơi cổ đông đăng nhập vào Hệ thống bằng Tài khoản truy cập đã được Công ty cung cấp để tham dự Đại hội trực tuyến.

5. **Bỏ phiếu điện tử:** là việc cổ đông thực hiện biểu quyết thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử theo quy định tại Quy chế này.

6. **Bỏ phiếu truyền thống:** là việc cổ đông tham gia biểu quyết trực tiếp tại Đại hội truyền thống.

7. **Phương tiện điện tử:** là phương tiện hoạt động dựa trên công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện từ hoặc công nghệ tương tự.

8. **Đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến:** là việc cổ đông sử dụng Tài khoản truy cập để đăng nhập vào Hệ thống và đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo quy định tại Quy chế này và hướng dẫn của Công ty.

9. **Tài khoản truy cập:** bao gồm thông tin Tên truy cập (Username) và Mật khẩu (Password) được Công ty cấp duy nhất cho từng cổ đông.

10. **Mật khẩu xác thực 01 lần (OTP-One time password):** là mật khẩu/mật mã sử dụng một lần, chỉ có giá trị trong một khoảng thời gian nhất định và được nhắn tin vào số điện thoại di động/email của cổ đông đã cung cấp cho Công ty. OTP được sử dụng để cổ đông xác nhận thông tin và đồng ý thực hiện các thao tác trên Hệ thống khi tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc các tác vụ khác cần xác thực từ cổ đông.

11. **Phiên đăng nhập (Session):** là thời gian tính từ thời điểm cổ đông truy cập thành công vào Hệ thống cho đến khi:

- Cổ đông thực hiện đăng xuất khỏi hệ thống; hoặc
- Cổ đông truy cập trên thiết bị khác; hoặc
- Thời gian tổ chức Đại hội trực tuyến đã kết thúc; hoặc
- Cổ đông tắt ngang (Close) Hệ thống.

12. **Hệ thống:** là tổng hợp các cơ sở hạ tầng kỹ thuật để tổ chức, vận hành chương trình Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.

13. **Thời gian mở cửa Hệ thống:** là thời điểm bắt đầu để cổ đông có thể truy cập, đọc tài liệu và đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến. Hệ thống sẽ đóng truy cập theo thông báo của Chủ tọa Đại hội hoặc Ban tổ chức Đại hội.

Điều 3. Tổ chức Đại hội trực tuyến

1. Căn cứ theo tình hình thực tế, Hội đồng quản trị quyết định triệu tập Đại hội theo hình thức Đại hội trực tuyến hoặc Đại hội trực tuyến kết hợp với hình thức tổ chức Đại hội truyền thống theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp tổ chức Đại hội có hình thức trực tuyến, Ban tổ chức Đại hội do Hội đồng quản trị thành lập có trách nhiệm triển khai các thủ tục, công việc theo Quy chế này để phục vụ cho việc tổ chức trực tuyến.

2. Ban tổ chức Đại hội có trách nhiệm thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông có quyền dự họp, gửi thư mời họp, công bố thông tin, gửi tài liệu họp và các công việc khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Ban tổ chức Đại hội có trách nhiệm gửi văn bản có nội dung hướng dẫn xác nhận tư cách cổ đông đến từng cổ đông.

4. Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội theo quy định tại Quy chế này là cơ sở xác định tỷ lệ cổ đông tham dự để tiến hành tổ chức Đại hội trực tuyến.

5. Hình thức cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử có giá trị pháp lý như tham dự và biểu quyết tại Đại hội truyền thống, bỏ phiếu truyền thống.

6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành các hướng dẫn cần thiết phục vụ cho công tác tổ chức Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.

Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:

a. Đường tuyến của Hệ thống tại địa điểm chính phải liên tục, ổn định, đảm bảo sự tham dự của các cổ đông không bị gián đoạn. Trường hợp việc tổ chức Đại hội bị gián đoạn tại địa điểm chính thì Ban tổ chức Đại hội hoặc Chủ tọa phải tóm tắt lại diễn biến phần gián đoạn đó.

b. Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến.

c. Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật Tài khoản truy cập vào Hệ thống. Mọi thông tin tiếp cận và cung cấp trên Hệ thống đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin và phù hợp với các quy định của Luật An toàn thông tin mạng.

d. Dữ liệu điện tử của chương trình Đại hội trực tuyến phải được lưu giữ hoặc trích xuất được từ Hệ thống.

Điều 5. Trình tự, thể thức tiến hành Đại hội trực tuyến

1. Việc triệu tập, lập danh sách cổ đông, gửi thư mời họp và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Thể thức tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử được thực hiện theo quy định tại Quy chế này. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị ban hành các hướng dẫn để phù hợp với những thay đổi công nghệ và an toàn bảo mật nhưng không trái với các nguyên tắc của Quy chế này.

3. Trường hợp có sự cố kỹ thuật làm ảnh hưởng việc tham dự liên tục Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử, cổ đông liên hệ Công ty theo hướng dẫn được thông báo tại Thư mời họp hoặc do Ban tổ chức Đại hội công bố trong thời gian diễn ra Đại hội trực tuyến để được hỗ trợ.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và biểu quyết tất cả các vấn đề của Đại hội theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này và hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội.

2. Có quyền phát biểu ý kiến, thảo luận trực tiếp tại Đại hội theo quy định tại Điều 12 của Quy chế này.

3. Tuân thủ sự điều hành của Ban chủ tọa; không gây rối hoặc gây mất trật tự trong Đại hội.

4. Phải đăng ký thông tin số điện thoại di động, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thư điện tử (email) chính xác và gửi thư phản hồi cho Công ty để Ban tổ chức Đại hội gửi Thư mời họp và/hoặc tài liệu hướng dẫn thực hiện đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử. Cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác đối với các thông tin đã đăng ký.

5. Cổ đông phải chuẩn bị và sử dụng thiết bị họp trực tuyến phù hợp, có kết nối Internet để đảm bảo theo dõi được diễn biến của Đại hội trực tuyến.

6. Mọi kết quả bỏ phiếu điện tử của cổ đông được xem là ý chí của cổ đông. Kết quả bỏ phiếu thông qua phương thức điện tử có giá trị như phương thức Bỏ phiếu truyền thống.

7. Được sử dụng Tài khoản truy cập do Công ty cung cấp để đăng nhập vào Hệ thống và thực hiện bỏ phiếu điện tử cho tất cả các đợt biểu quyết của Đại hội. Cổ đông phải chịu trách nhiệm và không được quyền khiếu nại khi cổ đông thoát khỏi Hệ thống vì bất kỳ lý do gì hoặc để người khác sử dụng Tài khoản truy cập của mình truy cập vào Hệ thống trong thời gian diễn ra Đại hội tính từ thời điểm Hệ thống mở cho việc đăng ký tham dự, thảo luận, biểu quyết đến lúc đóng Hệ thống.

8. Cổ đông có trách nhiệm bảo mật Tài khoản truy cập và các yếu tố định danh khác do Công ty cung cấp để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến, bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống. Trường hợp cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử cho cá nhân/tổ chức khác thì cổ đông và người được ủy quyền chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền và kết quả bỏ phiếu điện tử theo Tài khoản truy cập đã được cấp.

9. Cổ đông phải đảm bảo việc tham dự trực tuyến liên tục trong suốt thời gian diễn ra Đại hội trực tuyến. Hệ thống sẽ tự động ghi nhận là cổ đông tham dự kể từ thời điểm đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến cho tới khi Đại hội kết thúc. Trường hợp cổ đông sau khi đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không thể tham dự liên tục đến hết chương trình thì có thể thực hiện biểu quyết đối với các nội dung cần xin ý kiến cổ đông trước khi đăng xuất (Logout) Hệ thống.

Điều 7. Ban tổ chức Đại hội

1. Ban tổ chức Đại hội là cơ quan do Hội đồng quản trị thành lập. Số lượng và thành phần Ban tổ chức Đại hội do Hội đồng quản trị quyết định.

2. Ban tổ chức Đại hội có trách nhiệm sau đây:

- a. Thực hiện các công việc theo quy định tại Quy chế này.
- b. Hướng dẫn, đầu mối giải đáp các thắc mắc của cổ đông về việc đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.
- c. Chuẩn bị phương tiện điện tử, cơ sở vật chất đảm bảo cho công tác tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.
- d. Thực hiện các công việc khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 8. Ban kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông là bộ phận giúp việc của Ban tổ chức Đại hội. Số lượng và thành phần của Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Ban tổ chức Đại hội quyết định.

2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có trách nhiệm:

- a. Kiểm tra tư cách cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
- b. Báo cáo trước Đại hội trực tuyến về tỷ lệ công đông tham dự Đại hội.

3. Phương thức kiểm tra: Ban kiểm tra tư cách cổ đông căn cứ vào thông tin đăng nhập từ Tài khoản truy cập của các cổ đông để làm cơ sở xác định số cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến.

Điều 9. Chủ tọa, Ban tư ký và Ban kiểm phiếu

1. Chủ tọa:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa cuộc họp, hỗ trợ Chủ tọa có một số thành viên khác cùng tham gia để điều hành cuộc họp (Ban chủ tọa).
- b. Ban chủ tọa điều hành Đại hội trực tuyến theo đúng Quy chế này và nội dung chương trình làm việc đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

c. Quyết định của Ban chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội trực tuyến sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

d. Ban chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội trực tuyến một cách có hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

2. Ban thư ký:

a. Ban thư ký gồm: 01 Trưởng Ban và các thành viên do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.

b. Ban thư ký thực hiện các công việc sau:

- Ghi chép trung thực diễn biến của Đại hội trực tuyến vào nội dung Biên bản và Nghị quyết cuộc họp để Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi kết thúc Đại hội.

- Tiếp nhận Phiếu đăng ký phát biểu chất vấn của đại biểu dự họp, tổng hợp các ý kiến của cổ đông trong quá trình diễn ra Đại hội trực tuyến và gửi cho Ban chủ tọa

- Thực hiện các công việc khác theo phân công của Chủ tọa.

3. Ban kiểm phiếu:

a. Ban kiểm phiếu gồm: 01 Trưởng Ban và các thành viên do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.

b. Ban kiểm phiếu thực hiện các công việc sau:

- Hướng dẫn cho cổ đông cách thức biểu quyết tại Đại hội trực tuyến.

- Tiến hành kiểm phiếu biểu quyết; lập và công bố Biên bản kiểm phiếu biểu quyết cho Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Xác nhận tư cách cổ đông

1. Công ty gửi Thư mời họp Đại hội trực tuyến kèm theo văn bản có nội dung hướng dẫn xác nhận tư cách cổ đông đến từng cổ đông cổ đông thực hiện theo tài liệu hướng dẫn để đăng ký thông tin và xác nhận tư cách cổ đông trước khi tham dự Đại hội trực tuyến. Ban tổ chức Đại hội phải thông báo các tài liệu hướng dẫn/quy định đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và các thông tin cần thiết khác cho cổ đông trước ngày diễn ra Đại hội trực tuyến.

2. Sau khi đã xác thực tư cách cổ đông hợp lệ, Công ty sẽ cấp Tài khoản truy cập cho cổ đông để thực hiện đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, biểu quyết điện tử trên Hệ thống theo hướng dẫn của Công ty nêu tại khoản 1 của Điều này.

3. Các trường hợp được xem là cổ đông không tham dự Đại hội trực tuyến:

a. Cổ đông không cung cấp thông tin và gửi thư phản hồi về Công ty để xác thực tư cách cổ đông theo yêu cầu.

b. Cổ đông không đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo quy định tại Điều 11 của Quy chế này.

Điều 11. Đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến (Check-in)

1. Cổ đông đăng nhập bằng Tài khoản truy cập và xác thực OTP để đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo hướng dẫn được Công ty gửi đến địa chỉ Email hoặc hướng dẫn được đăng tải trên Website Công ty (<http://www.vinaruco.com.vn/home>). Mỗi lần đăng nhập cổ đông sẽ được nhận 01 mã OTP khác nhau để thực hiện xác thực.

2. Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến sau khi cuộc họp đã khai mạc thì vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết sau khi hoàn thành đăng ký. Ban chủ tọa không được dừng cuộc họp để cổ đông đăng ký tham dự và hiệu lực của các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết không bị ảnh hưởng.

Điều 12. Phát biểu ý kiến chất vấn tại Đại hội trực tuyến

1. Nguyên tắc: cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến chất vấn phải đăng ký nội dung với Ban tổ chức trước khi Đại hội khai mạc. Cổ đông có thể phát biểu trực tuyến hoặc gửi ý kiến thông qua các phương thức kết nối trực tiếp theo hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội. Ban thư ký có trách nhiệm chuyển Phiếu đăng ký phát biểu chất vấn của các cổ đông cho Chủ tọa Đại hội.

2. Cách thức phát biểu:

- Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu chất vấn theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các chất vấn. Cổ đông khi phát biểu hoặc đặt câu hỏi chất vấn phải ngắn gọn (*không quá 05 phút đối với 01 lần đăng ký nội dung chất vấn*) và đúng với nội dung đã đăng ký, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Đối với các nội dung chất vấn phát sinh trong quá trình diễn ra Đại hội, Ban thư ký có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Chủ tọa để trả lời cổ đông bằng văn bản và sẽ được đăng tải công khai trên Website: www.vinaruco.com.vn của Công ty.

- Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở, đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần chất vấn hoặc cắt ngang phần trình bày ý kiến của cổ đông nếu thấy cần thiết để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng chất vấn.

- Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được cổ đông khác phát biểu và chỉ các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản cuộc họp.

Điều 13. Hình thức, cách thức biểu quyết

1. Hình thức biểu quyết: Cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử theo khoản 3 Điều này.

2. Thời điểm biểu quyết:

a. Cổ đông có quyền biểu quyết từ thời điểm khai mạc Đại hội trực tuyến đến trước thời điểm kết thúc biểu quyết trừ trường hợp quy định tại điểm b, khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông đã biểu quyết nhưng muốn thay đổi ý kiến thì phải thực hiện thay đổi trước thời điểm kết thúc biểu quyết. Ý kiến biểu quyết sau cùng được Hệ thống ghi nhận trước thời điểm kết thúc biểu quyết là ý kiến hợp lệ và được ghi nhận vào kết quả kiểm phiếu.

b. Để bảo đảm diễn biến liên tục và tập trung thời gian cho phần diễn biến của Đại hội, cổ đông tham dự khi đăng nhập Hệ thống có thể tiến hành biểu quyết trước đối với các vấn đề trong chương trình của Đại hội. Thời gian kết thúc biểu quyết của các nội

dung này trên Hệ thống sẽ được Ban tổ chức Đại hội thông báo tại thời điểm khai mạc Đại hội trực tuyến.

c. Các kết quả bỏ phiếu được tính theo thời điểm cổ đông thực hiện bỏ phiếu điện tử nên việc kết nối của cổ đông bị ngắt đột ngột (nếu có) chỉ ảnh hưởng đến các nội dung chưa bỏ phiếu, các nội dung đã bỏ phiếu không bị ảnh hưởng.

d. Trước khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông chỉ biết được kết quả bỏ phiếu của mình. Sau khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông sẽ được biết kết quả biểu quyết chung đối với từng nội dung do Ban chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố.

3. Bỏ phiếu điện tử:

a. Cổ đông sử dụng Tài khoản truy cập và mã OTP để đăng nhập vào Website theo hướng dẫn được đăng tải tại Thư mời họp hoặc trên Website của Công ty để thực hiện biểu quyết.

b. Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng “**Tán thành**”, “**Không tán thành**”, “**Không có ý kiến**” đối với từng nội dung xin ý kiến của cổ đông trên Hệ thống. Kết quả biểu quyết theo từng nội dung sẽ được Ban kiểm phiếu báo cáo Đại hội ngay sau khi hoàn tất công tác kiểm phiếu biểu quyết.

c. Cổ đông có quyền biểu quyết là cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến đến thời điểm biểu quyết và số lượng cổ đông này là cơ sở để tính tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông. Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không thực hiện biểu quyết thì được hiểu là cổ đông đó bỏ phiếu “**Không có ý kiến**” đối với các nội dung xin ý kiến tương ứng.

d. Khi điều hành Đại hội, Ban chủ tọa phải thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu trên Hệ thống để cổ đông thực hiện quyền của mình, ngoại trừ nội dung bỏ phiếu nêu tại khoản 2.b Điều này. Trường hợp cổ đông gặp trục trặc về việc bỏ phiếu trên Hệ thống có thể liên hệ về số hotline theo thông báo của Ban tổ chức Đại hội để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu. Kể từ thời điểm Hệ thống đóng nội dung bỏ phiếu, cổ đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu, kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên Hệ thống theo Tài khoản truy cập là kết quả cuối cùng và không được phép khiếu nại/khiếu kiện liên quan đến kết quả này.

4. Kết quả biểu quyết:

a. Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội có trách nhiệm kiểm tra kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả biểu quyết.

b. Kết quả biểu quyết được Ban chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội trực tuyến.

Điều 14. Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua:

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này và các trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, trừ các trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp, gồm:

- a. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
- b. loại cổ phiếu và tổng số cổ phần của từng loại;
- c. Tạm dừng hoạt động, tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp;
- d. Thay đổi, ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- e. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

f. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ đã đăng ký tham dự Đại hội chấp thuận.

Điều 15. Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Toàn bộ diễn biến tại cuộc họp Đại hội trực tuyến được Ban thư ký ghi chép và lập thành Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Biên bản cuộc họp và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội trực tuyến.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Phạm Trung Thái



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-HĐQT

Hải Dương, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị
Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam**

DỰ THẢO

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên
Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét, thông qua nội dung sau:

Trong năm 2020 Nhà nước đã ban hành một số Văn bản pháp luật mới có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác quản lý điều hành của Công ty như: Luật doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán 2019, các văn bản hướng dẫn liên quan... Các văn bản pháp luật này đều có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Để công tác quản trị nội bộ của Công ty ngày càng hoàn thiện, làm cơ sở phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác quản lý điều hành của Công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định mới của pháp luật, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam (*có dự thảo Quy chế được sửa đổi, bổ sung đính kèm*).

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, VP.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Trung Thái



QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
của Công ty CP Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: .../2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày ... tháng ... năm 2021
của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty)

DỰ THẢO

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số ... ngày... tháng... năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam. Quy chế này bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh:

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty được xây dựng nhằm đảm bảo cho Công ty được điều hành và kiểm soát theo những nguyên tắc, quy định pháp luật về quản trị Công ty đại chúng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và Công ty, giảm thiểu rủi ro cho Công ty. Quy chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Quy chế được áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, những người liên quan của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt:

Trong Quy chế này, những thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:

a. "Công ty" là Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam. Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0800300443 do Sở KHĐT tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 04/10/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 22/8/2014;

b. "*Vốn điều lệ*" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và được quy định tại Điều 6 của Điều lệ Công ty.

c. "*Vốn có quyền biểu quyết*" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. "*Luật Doanh nghiệp*" là là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.

e. "*Luật chứng khoán*" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.

f. "Người điều hành doanh nghiệp" bao gồm: Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các Chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định của Điều lệ Công ty.

g. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

h. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18, Điều 4, Luật chứng khoán

i. "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc cổ đông lớn của công ty.

j. "*Người nội bộ của Công ty đại chúng*" được quy định tại khoản 45, Điều 4 Luật chứng khoán.

Điều 3. Các nguyên tắc quản trị cơ bản của Công ty:

- Là hệ thống các văn bản quy định nguyên tắc làm việc, trình tự, thủ tục nhằm bảo đảm cho Công ty được điều hành, kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
2. Công khai, minh bạch trong hoạt động của Công ty;
3. Đảm bảo cơ chế quản trị, điều hành Công ty hiệu quả;
4. Tôn trọng và đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cổ đông;
5. Đối xử công bằng giữa các cổ đông;

6. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với Người có liên quan;

7. Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;

8. Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức, quản trị Công ty:

- Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;

2. Ban kiểm soát;

3. Hội đồng quản trị;

4. Tổng giám đốc;

5. Các Phó tổng giám đốc - Kế toán trưởng.

CHƯƠNG II ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

Điều 6. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau đây:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Báo cáo tài chính Quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ.

c. Khi số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, ban kiểm soát ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2, Điều 115 Luật doanh nghiệp yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

e. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, kiểm soát viên còn lại theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và e, khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3, điều 140 Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b, khoản 4 Điều này thì cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại điểm d, khoản 1 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

5. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

6. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
- b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội.
- c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
- d. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội.
- e. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội.
- f. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp.
- g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

7. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu (bản chính thức hoặc bản dự thảo) liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp trên Website Công ty để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp.
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.
- c. Phiếu biểu quyết.
- d. Mẫu giấy xác nhận dự họp và ủy quyền dự họp.
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

8. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị những vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên,

mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:

- a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ.
- c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 7. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:

- 1.** Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên danh sách do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp cho Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
- 2.** Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông.
- 3.** Cổ đông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:

- 1.** Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp bằng cách gửi Giấy xác nhận tham dự họp Đại hội đồng cổ đông đến Công ty (qua điện thoại hoặc hòm thư điện tử nêu tại thông báo mời họp) để xác nhận việc sẽ trực tiếp đến tham dự họp ĐHĐCĐ hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
- 2.** Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự hoặc theo mẫu ủy quyền của Công ty. Văn bản ủy quyền

phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và phải có chữ ký của các bên theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông là cá nhân ủy quyền cho cá nhân khác dự họp thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông là cá nhân ủy quyền cho tổ chức khác dự họp thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

c. Trường hợp cổ đông là tổ chức ủy quyền cho cá nhân dự họp thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức ủy quyền và cá nhân được ủy quyền dự họp;

d. Trường hợp cổ đông là tổ chức ủy quyền cho tổ chức khác dự họp thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

e. Cá nhân hoặc tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo chứng minh nhân dân,/thẻ căn cước/hộ chiếu để kiểm tra và nộp giấy ủy quyền (bản gốc) trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền.

c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

5. Trước khi khai mạc Đại hội, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự họp có mặt trực tiếp tại địa điểm tổ chức đăng ký hết.

6. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 9. Cách thức biểu quyết:

1. Cổ đông được xem là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
2. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
3. Sau khi các vấn đề trong nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông đã được thảo luận chi tiết, Chủ tọa cuộc họp sẽ tiến hành cho các cổ đông biểu quyết từng vấn đề.
4. Cổ đông hoặc đại diện được cổ đông ủy quyền dự họp thực hiện việc biểu quyết bằng cách lựa chọn phương án đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến cho từng nội dung được lấy ý kiến trên cơ sở phù hợp với Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty (nếu có).
5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức biểu quyết đa số.
6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi đáp ứng các tỷ lệ biểu quyết đồng ý được quy định tại Điều lệ Công ty theo từng trường hợp cụ thể.

Điều 10. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu:

1. Mỗi cổ đông được cấp 01 Phiếu biểu quyết (*trong đó thể hiện toàn bộ các vấn đề cần biểu quyết*) có đóng dấu treo của Công ty. Trên Phiếu biểu quyết có ghi mã số cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và được ủy quyền).
2. Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng ban kiểm phiếu và kết thúc khi các cổ đông nộp đầy đủ phiếu cho Ban kiểm phiếu. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được niêm phong và những cổ đông không tham gia bỏ phiếu được coi như không có ý kiến. Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và hòm phiếu được niêm phong.
3. Việc kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu tiến hành tại phòng kín ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Ban kiểm phiếu không gạch xóa, sửa chữa trên phiếu biểu quyết. Ban kiểm phiếu sẽ ghi kết quả biểu quyết vào biên bản Đại hội, bao gồm: Số phiếu không hợp lệ; số phiếu hợp lệ, biểu quyết: **“Tán thành; Không Tán thành; Không có ý kiến;”**. Tỷ lệ phần trăm (%) tương ứng với số phiếu biểu quyết **“Đồng ý; Không đồng ý; Không có ý kiến;”**

trên tổng số phiếu hợp lệ thu về. Trường hợp cổ đông/người được ủy quyền có ý kiến thắc mắc về kết quả biểu quyết, Chủ tọa sẽ xem xét và quyết định ngay tại Đại hội.

4. Sau khi quá trình kiểm phiếu biểu quyết hoàn thành, Ban kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu và Trưởng ban kiểm phiếu thông qua Biên bản kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

Điều 11. Cách thức phản đối Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 (mười ngày) làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết định về các vấn đề nêu trên. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

2. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ Công ty.

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 12. Lập Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt (có thể lập thêm bằng tiếng Anh) và có hiệu lực pháp lý như nhau, bao gồm các nội dung chủ yếu được quy định tại khoản 1, Điều 150 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời

hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

5. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 13. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

Nghị quyết, Biên bản họp của ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 14. Hiệu lực các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại Nghị quyết đó.
2. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.
3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
4. Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 15. Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
 - b. Mục đích lấy ý kiến.
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng

minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến.

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết.

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.

e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu

phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

CHƯƠNG III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG; THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN VÀ BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ

Điều 16. **Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử**

1. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại Điều 6 Quy chế này.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

a. Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại Điều 7 Quy chế này.

b. Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này. Thông báo mời họp phải quy định rõ cách thức đăng ký và tham dự họp trực tuyến, cách thức bỏ phiếu điện tử và phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền (nếu có) tham dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện đăng ký tham dự họp. Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông một (01) tên đăng nhập kèm mật khẩu tương ứng để truy cập vào hệ thống nêu trên. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy chế này và những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.

6. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, và thông báo kết quả kiểm phiếu

a. Cách thức bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.

b. Cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến quy định tại khoản 3 Điều này để thực hiện biểu quyết/ bầu cử. Khi cổ đông tiến hành bỏ phiếu điện tử, số ý kiến “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” đối với từng nội dung biểu quyết và số phiếu bầu cử cho từng ứng viên được ghi nhận trên hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

c. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu công bố ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu.

7. Điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

8. Lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Việc lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 12 Quy chế này.

9. Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông

Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, hoặc thông qua theo hình thức bỏ phiếu điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy chế này.

10. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc công bố nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện tương tự quy định tại Điều 13 Quy chế này.

11. Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, hoặc thông qua theo hình thức bỏ phiếu điện tử có giá trị tương đương nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức biểu quyết trực tiếp.

12. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV:
ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 17. Thành phần, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

2. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 17 Luật doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết là cổ đông của Công ty;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 18. Cách thức ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị:

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị phải đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để các cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.
- b. Trình độ học vấn.
- c. Trình độ chuyên môn.
- d. Quá trình công tác.
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác.

f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty.

g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có).

h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có).

i. Các thông tin khác (nếu có).

j. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 19. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

Bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức biểu quyết đa số. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 20. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định.

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số lượng theo quy định. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp

Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3.

4. Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 21. Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

1. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị cho các cơ quan chức năng và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ ngày thực hiện việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

2. Công ty gửi cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch Bản cung cấp thông tin của Người nội bộ mới theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22. Thông báo họp của Hội đồng quản trị:

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản, trong đó nêu rõ mục đích cuộc họp, các vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác.
- c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền

thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi Thông báo mời họp Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận, biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Điều 23. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

2. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau. Việc thảo luận giữa các thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng các phương tiện thông tin liên lạc khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được xem là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm các thành viên Hội đồng quản trị có mặt đông nhất hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp đó.

Điều 24. Cách thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị:

1. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 3 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

f. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

3. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 25. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:

- 1.** Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
- 2.** Nghị quyết, quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 26. Biên bản họp Hội đồng quản trị:

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

Biên bản có các nội dung chủ yếu như sau:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp.
- c. Thời gian, địa điểm họp.
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.
- g. Các vấn đề đã được thông qua.
- h. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành

và không có ý kiến.

i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản;

2. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

- Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 27. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị:

1. Các bản sao hoặc trích sao biên bản các nghị quyết Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị ký và đóng dấu trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều này.

2. Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Người nội bộ, Người có liên quan của Người nội bộ hoặc Người có liên quan của Công ty được công bố thông tin cho các cơ quan chức năng và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty theo các quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 28. Người phụ trách quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc tuyển dụng ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại Điều lệ.

2. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

3. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Người phụ trách quản trị Công ty bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Người phụ trách quản trị Công ty;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Bị bãi nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành Công ty cho các cơ quan chức năng và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ ngày thực hiện bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành Công ty.

Công ty phải gửi cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch Bản cung cấp thông tin của Người nội bộ mới theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 29. Thành phần, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn, điều kiện làm Kiểm soát viên:

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty.
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2, Điều này, Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 30. Cách thức ứng cử, đề cử người vào vị trí kiểm soát viên:

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự như quy định tại khoản 1,

khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 31. Cách thức bầu Kiểm soát viên:

Bầu Kiểm soát viên thực hiện theo phương thức biểu quyết đa số. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 32. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:

1. Kiểm soát viên bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Kiểm soát viên bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Điều 33. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:

1. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên cho các cơ quan chức năng và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ ngày thực hiện bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.

2. Công ty phải gửi cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch Bản cung cấp thông tin của Người nội bộ mới theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Cuộc họp của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

CHƯƠNG VII

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện của Người điều hành Công ty:

1. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b. Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù theo quy định của pháp luật;
- c. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Người điều hành khác: Phù hợp với các quy định của pháp luật và quy định về tiêu chuẩn CB.CNV do Công ty ban hành.

Điều 36. Tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc:

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc. Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động với nhân sự dự kiến làm Tổng giám đốc và quyết định tiền lương, thưởng của Tổng giám đốc theo hai (02) phương án là: dựa vào hệ thống thang bảng lương theo quy định hiện hành của Nhà nước hoặc căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.

Tiền lương của Ban điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động hoặc căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Người được tuyển chọn làm Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Hội đồng quản trị có quyền miễn nhiệm hoặc thay thế Tổng giám đốc trước thời hạn

(khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành) trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu hoặc kế hoạch kinh doanh do Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- b. Không trung thực trong thực thi các quyền hạn hoặc lạm dụng chức vụ để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.
- c. Tự nguyện xin từ chức hoặc khi có quyết định điều chuyển, nghỉ hưu hoặc được bố trí công việc khác.
- d. Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc không đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- e. Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các trường hợp bị miễn nhiệm do Điều lệ quy định.

Điều 37. Tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng:

1. Công ty có các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế, cách chức, khen thưởng, kỷ luật.
2. Phó Tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc trong việc điều hành Công ty; thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn do Tổng giám đốc giao phù hợp với Điều lệ Công ty; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Việc ủy quyền có liên quan đến ký kết hợp đồng đều phải thực hiện bằng văn bản.
3. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê của Công ty; giúp Tổng giám đốc giám sát, quản lý tài chính tại Công ty theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc, trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền.
4. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng được bổ nhiệm với thời hạn tối đa là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại.
5. Chế độ lương, phụ cấp trách nhiệm, tiền thưởng và các lợi ích khác của Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế trả lương của Công ty.

Điều 38. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành Công ty:

1. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành Công ty cho các cơ quan chức năng và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ ngày thực hiện bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành Công ty.
2. Công ty phải gửi cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch Bản cung cấp thông tin của Người nội bộ mới theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 39. Cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:

1. Tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên hội đồng quản trị và có thể mời thành viên Ban Tổng giám đốc tham dự để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thành viên Ban Tổng giám đốc, Kiểm soát viên được mời tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết.
2. Tại các cuộc họp Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc tham dự để trả lời các vấn đề cần được làm rõ và/hoặc thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc được mời tham dự cuộc họp Ban kiểm soát có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết.
3. Tại các cuộc họp Ban Tổng giám đốc, Tổng giám đốc có thể mời thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tham dự để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được mời tham dự cuộc họp Ban Tổng giám đốc có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết.
4. Thông báo mời họp phải được gửi chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Điều 40. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

1. Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Ngoài các trách nhiệm nêu tại khoản 1, Điều này, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:
 - a. Các giao dịch giữa Công ty với công ty mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
 - b. Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn.
3. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao.

4. Khi phát sinh những vấn đề ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty, Tổng giám đốc cần báo cáo với Hội đồng quản trị để được chỉ đạo xử lý kịp thời.
5. Tổng giám đốc có quyền không thi hành hoặc bảo lưu ý kiến của mình đối với các nghị quyết của Hội đồng quản trị trái quy định của pháp luật, vi phạm Điều lệ và báo cáo với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát bằng văn bản để xử lý kịp thời. Hội đồng quản trị có quyền đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành quyết định Tổng giám đốc trái quy định của pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
6. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu các thành viên Ban Tổng giám đốc và những người điều hành Công ty khác báo cáo về việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao.
7. Trong trường hợp hoạt động kinh doanh của Công ty thua lỗ hoặc kém hiệu quả trong từng thời kỳ, Tổng giám đốc phải báo cáo và có kế hoạch khắc phục trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

Điều 41. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

1. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty hoặc các nội dung khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc gửi đề xuất cho Hội đồng quản trị ít nhất 07 (bảy) ngày trước ngày biện pháp hoặc nội dung đó cần được phê duyệt.
2. Trong trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Ban Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về hoạt động của Công ty. Ban Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty phải cung cấp các thông tin, tài liệu trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin, tài liệu được cung cấp, không được sử dụng ác thông tin, tài liệu chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 42. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và thành viên Ban Tổng giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin với nhau trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho việc thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ của các thành viên phù hợp với quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật.
2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ; Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện đó.
3. Trường hợp phát sinh các vấn đề khẩn cấp thuộc phạm vi trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc có thể trao đổi bằng cách gặp trực tiếp hoặc qua điện thoại, email để giải quyết vấn đề một cách kịp thời, hiệu quả.

CHƯƠNG IX

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi:

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
 4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
 5. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan.
 - b. Đối với những giao dịch có giá trị lớn hơn ba mươi lăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.
- Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG X

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 44: Nghĩa vụ công bố thông tin:

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng. Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Việc công bố thông tin được thực hiện trên Website của Công ty và các phương tiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 45: Công bố thông tin về quản trị Công ty:

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty tại các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 06 tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 46: Công bố thông tin về thu nhập của Ban Tổng giám đốc:

Tiền lương của Ban điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 47: Tổ chức công bố thông tin:

Công ty phải có ít nhất một Người phụ trách công bố thông tin. Người phụ trách công bố thông tin của Công ty có trách nhiệm sau:

- Công bố thông tin của Công ty với cổ đông và các nhà đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
- Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.

CHƯƠNG XI

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 48: Quy định về đánh giá khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc:

1. Căn cứ vào nội quy của Công ty, quy định về khen thưởng và kỷ luật của Công ty và căn cứ theo kết quả đánh giá của Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Công ty, Công ty sẽ tiến hành khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể và cá nhân thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác có

thành tích trong công tác điều hành, quản lý.

2. Khi phát sinh các sự việc sai phạm, vi phạm nội quy của Công ty, tùy theo mức độ vi phạm của từng cá nhân, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Công ty sẽ xem xét hình thức kỷ luật và ban hành quyết định kỷ luật.

CHƯƠNG XII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 49. Điều khoản thi hành:

1. Quy chế này gồm 12 chương, 49 Điều, do Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Hội đồng quản trị cùng Tổng giám đốc triển khai thực hiện, ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn cụ thể, các biểu mẫu cần thiết theo nội dung Quy chế này, cập nhật các thay đổi của pháp luật để sửa đổi, bổ sung tương ứng nội dung Quy chế này cho phù hợp với tình hình thực tế các quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật tương ứng, quy định của pháp luật tương ứng sẽ được ưu tiên áp dụng.
3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Trưởng các Phòng, Ban chuyên môn, toàn thể Cán bộ công nhân viên Công ty và các đơn vị, cá nhân có liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Công ty có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phạm Trung Thái



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTr-HĐQT

Hải Dương, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam**

DỰ THẢO

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên
Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét, thông qua nội dung sau:

- Tại khoản 4, Điều 278, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong đó có nhiệm vụ: “*Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. Bộ trưởng bộ Tài chính hướng dẫn mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị để Công ty đại chúng tham chiếu xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.*”

- Tại khoản 20, Điều 310, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định: “*Công ty đại chúng có trách nhiệm xây dựng Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Nghị định này và các văn bản pháp luật có liên quan, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp gần nhất tính từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.*”

Để tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét, thông qua bản Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam (*có dự thảo Quy chế đính kèm*).

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, VP.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Trung Thái



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Dương, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số: .../QĐ-ĐHĐCĐ ngày .../.../2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Phát triển đô thị và khu công nghiệp cao su Việt Nam)

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...ngày ...tháng...năm...

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam, bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại

hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị:

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị:

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị:

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật doanh nghiệp.

3. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 Công ty khác;

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên HĐQT khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

5. Chủ tịch HĐQT có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

1. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền gộp số cổ phần có quyền biểu quyết để đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.
3. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo phương thức biểu quyết đa số.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị phải đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để các cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.
- b. Trình độ học vấn.
- c. Trình độ chuyên môn.
- d. Quá trình công tác.
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác.
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty.
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có).
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có).
- i. Các thông tin khác (nếu có).
- j. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty.

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

4. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp; Thông qua hạn mức và hình thức bảo đảm tiền vay khi có nhu cầu vay vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng

khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

k. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

l. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

m. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

n. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

o. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;

p. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

6. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

7. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người quản lý Công ty đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch:

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

- b. Báo cáo tài chính Quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

- c. Khi số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, ban kiểm soát ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2, Điều 115 Luật doanh nghiệp yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

- e. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị

không điều hành, kiểm soát viên còn lại theo quy định tại điểm c, khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và e, khoản 1 Điều này.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội.

c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

d. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội.

e. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội.

f. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp.

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

Điều 14. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị:

1. Văn phòng Hội đồng quản trị: là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị và chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp của Hội đồng quản trị. Văn phòng Hội đồng quản trị có chức năng, nhiệm vụ sau:

- Truyền đạt các thông tin điều hành, chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị tới Tổng giám đốc và các cán bộ giúp việc của Công ty để tổ chức triển khai thực hiện.

- Là đầu mối tiếp nhận, tổng hợp, xử lý thông tin liên quan tới hoạt động của Công ty; phối hợp với các Phòng, Ban chuyên môn thẩm định, trình Chủ tịch HĐQT ký các hồ sơ, văn bản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị và Chủ tịch HĐQT. Các cá nhân khi ký phiếu trình phải chịu trách nhiệm đối với các ý kiến thẩm định báo cáo của mình về nội dung ký trình.

- Tham gia và phối hợp với các Phòng, Ban chuyên môn lập kế hoạch, chương trình, chuẩn bị các tài liệu, cơ sở vật chất để phục vụ các cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.

- Thực hiện đăng tải các thông tin và tài liệu phải công bố thông tin trên Website Công ty theo yêu cầu của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và quy chế công bố thông tin của Công ty.

- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

- Thực hiện các công tác văn phòng theo sự phân công, chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do HĐQT, Chủ tịch HĐQT giao.

2. Người phụ trách quản trị công ty

- Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

- Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

- Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

+ Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

+ Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

+ Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

+ Tham dự các cuộc họp;

+ Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

+ Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

+ Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

+ Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

+ Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

+ Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 15: Thuê và sử dụng chuyên gia:

1. Hội đồng quản trị có quyền thuê các tổ chức hoặc cá nhân có trình độ, năng lực và kinh nghiệm làm chuyên gia để thực hiện nhiệm vụ tư vấn, tham mưu cho Hội đồng quản trị trong một số lĩnh vực yêu cầu phải có trình độ chuyên môn cao như: triển khai đầu tư các hạng mục công trình xây dựng cơ bản; đánh giá tính chất pháp lý cũng như hiệu quả đầu tư đối với các dự án do Công ty làm chủ đầu tư, góp vốn hoặc đầu tư tài chính.

2. Hội đồng quản trị quyết định việc ký hợp đồng thuê chuyên gia theo các hợp đồng ngắn hạn, dài hạn hoặc theo tính chất của từng công việc, sự việc cụ thể, đồng thời quyết định mức tiền lương, thưởng, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với chuyên gia. Chi phí tiền lương, thưởng của chuyên gia được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị:

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản, trong đó nêu rõ mục đích cuộc họp, các vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

- a. Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác.
- c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi Thông báo mời họp Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận, biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

6. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

7. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 9 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác
- f. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

10. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

11. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

12. Biên bản họp Hội đồng quản trị:

- Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

Biên bản có các nội dung chủ yếu như sau:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp.
- c. Thời gian, địa điểm họp.

d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.

e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.

f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.

g. Các vấn đề đã được thông qua.

h. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản;

- Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị

- Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

- Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

- Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm:

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính;
- c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị:

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan:

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị:

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành:

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các Nghị quyết, quyết định để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát Ban điều hành tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định đó.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát:

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Quy chế:

1. Khi thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các quy định hiện hành của pháp luật, Hội đồng quản trị sẽ thực hiện sửa đổi, bổ sung tương ứng cho phù hợp với các thay đổi trong Điều lệ Công ty, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Những vấn đề khác liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị nếu chưa được quy định trong Quy chế này thì áp dụng theo các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, Điều lệ hoạt động và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 24. Hiệu lực thi hành:

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam gồm 07 chương, 24 điều và có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam chịu trách nhiệm tuân thủ Quy chế này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Phạm Trung Thái



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
BAN KIỂM SOÁT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTr-BKS

Hải Dương, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam**

DỰ THẢO

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên
Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam;

Để đảm bảo thực hiện theo đúng các quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam và các quy định có liên quan, Ban kiểm soát đã dự thảo “Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát”.

Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét, thông qua (có dự thảo Quy chế đính kèm).

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Vũ Thị Thu Hà



Hải Dương, ngày tháng năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

DỰ THẢO

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày.... tháng..... năm 2021;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam;

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Ban Kiểm soát: là một cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thực hiện giám sát, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các quy định nội bộ của Công ty.

2. Ban điều hành: Bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
3. Luật doanh nghiệp: Là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 17/06/2020.
4. Luật Chứng khoán: Là luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;
5. Điều lệ: là Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp cao su Việt Nam.
6. Công ty: Là Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp cao su Việt Nam.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết

nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- d. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.
- e. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- f. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát được quy định theo Điều lệ của Công ty và pháp luật có liên quan.

Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức biểu quyết đa số. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác;
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

- 5.** Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 6.** Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 7.** Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Ban Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 8.** Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
- 9.** Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty (nếu có) để thực hiện nhiệm vụ được giao.
- 10.** Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- 11.** Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
- 12.** Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
- 13.** Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
- 14.** Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 15.** Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
- 16.** Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
- 17.** Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- 18.** Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong các hoạt động.
- 19.** Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty và cổ đông.
- 20.** Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác,

Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

21. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

22. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

23. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

24. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện .

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.

Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp cao su Việt Nam bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày. ..tháng.. ...năm 2021.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Vũ Thị Thu Hà



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTr-HĐQT

Hải Dương, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Quy chế quản lý tài chính
Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam**

DỰ THẢO

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên
Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2015, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017;

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét, thông qua nội dung sau:

Để công tác quản lý tài chính của Công ty ngày càng chặt chẽ, công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ hoạt động Công ty qua đó làm cơ sở phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như công tác quản lý điều hành của Ban lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực tài chính - kế toán, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét, thông qua Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam (có dự thảo Quy chế đính kèm).

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, VP.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Trung Thái



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Dương, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:/QĐ-ĐHDCĐ ngày .../.../2021 của Đại hội đồng
cổ đông Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam)*

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Điều khoản chung

Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam (*sau đây gọi tắt là Công ty*) được thành lập, tổ chức và hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động do Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua, phù hợp với Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật, có con dấu riêng, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về mặt tài chính và tự chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh của mình;

Công ty được mở tài khoản giao dịch bằng đồng Việt Nam và bằng ngoại tệ tại các Ngân hàng, tổ chức tín dụng tại Việt Nam hoặc tại chi nhánh các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam. Trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

Các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm quản lý tốt tài sản, vật tư, tiền vốn được giao và chịu trách nhiệm bồi hoàn thiệt hại nếu làm thất thoát;

Nguyên tắc chung trong quản lý thu chi: Mọi hoạt động thu, chi tại các đơn vị phải tuân thủ theo quy định của pháp luật, Công ty và phải được quản lý chặt chẽ;

Điều 2. Quyền quản lý tài chính của Công ty

Sử dụng vốn của Công ty để phục vụ các nhu cầu về đầu tư xây dựng cơ bản, sản xuất, kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn vốn và sinh lời.

Nhượng bán hoặc cho thuê những tài sản không còn phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh hoặc chưa sử dụng hết công suất và thanh lý tài sản đã hết giá trị sử dụng.

Công ty được trực tiếp vay vốn ngân hàng, các tổ chức tín dụng để phục vụ cho công tác đầu tư xây dựng và sản xuất kinh doanh của mình.

Công ty có các quyền khác về tài chính theo Điều lệ Công ty và theo quy định

của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Nghĩa vụ quản lý tài chính của Công ty

- Thực hiện đúng chế độ về quản lý vốn, tài sản, phân chia các quỹ, hạch toán, thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định; chịu trách nhiệm về tính chính xác của các báo cáo tài chính của Công ty.

- Bảo toàn và phát triển vốn.

- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

CHƯƠNG II QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN

Điều 4. Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ là số vốn do các thành viên góp và phát hành cổ phiếu được ghi vào Điều lệ Công ty. Vốn điều lệ của Công ty được xác định tại thời điểm 31/12/2020 là: 258.948.680.000 đồng (*Hai trăm năm mươi tám tỷ, chín trăm bốn mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng*);

- Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

- Vốn điều lệ của Công ty chỉ được sử dụng cho mục đích hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, sản xuất kinh doanh và thực hiện các hình thức đầu tư tài chính.

Điều 5. Bảo toàn vốn

Công ty có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn bằng các biện pháp sau đây:

- Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản và chế độ kế toán theo quy định của Nhà nước, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

- Các biện pháp khác về bảo toàn vốn tại công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Huy động vốn

Ngoài việc phát hành cổ phiếu để bổ sung vốn điều lệ, Công ty được quyền huy động vốn dưới các hình thức sau:

- Vay vốn:

+ Công ty được vay vốn của các tổ chức tín dụng, các pháp nhân khác thông qua việc ký kết hợp đồng tín dụng để vay vốn ngắn hạn và dài hạn.

+ Trong trường hợp đặc biệt, Công ty được huy động vốn của các đối tượng khác để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, với mức lãi suất không quá 1,5 lần mức lãi suất cho vay cùng thời điểm của ngân hàng thương mại có quan hệ giao dịch với Công ty.

- Thuê tài chính:

+ Công ty được quyền huy động vốn thông qua hình thức thuê tài chính để đầu tư tài sản cố định.

- Thẩm quyền quyết định việc huy động vốn theo Điều lệ của Công ty

Điều 7. Đầu tư vốn ra ngoài Công ty.

- Công ty được quyền sử dụng vốn, tài sản thuộc quyền quản lý của Công ty để đầu tư ra ngoài Công ty. Việc đầu tư ra ngoài Công ty phải tuân thủ các quy định của pháp luật và đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, tăng thu nhập và không làm ảnh hưởng đến mục tiêu hoạt động của Công ty.

- Các hình thức đầu tư ra ngoài Công ty:

+ Góp vốn để thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, công ty liên doanh, góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới;

+ Mua cổ phần hoặc góp vốn tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh, công ty hợp danh;

+ Mua lại một Công ty khác;

+ Mua công trái, trái phiếu để hưởng lãi

+ Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

- Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư ra ngoài theo Điều lệ của Công ty

CHƯƠNG III QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN TẠI CÔNG TY

Điều 8. Tài sản cố định

Tài sản cố định của Công ty bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, tài sản cố định thuê tài chính và bất động sản đầu tư.

- Công ty có quyền thay đổi cơ cấu tài sản phục vụ cho việc phát triển sản xuất kinh, doanh của Công ty.

- Việc mua sắm, đầu tư xây dựng mới, cải tạo mở rộng tài sản cố định phải tuân thủ theo quy định hiện hành của Nhà nước và điều lệ Công ty, đồng thời đảm bảo hiệu quả kinh tế khả thi được thẩm định từ việc đầu tư.

Điều 9. Cho thuê, cầm cố, thế chấp tài sản

- Công ty có quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của Công ty theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn. Việc sử dụng tài sản để cho thuê, thế chấp, cầm cố phải tuân theo đúng các quy định của Nhà nước.

+ Đối với tài sản cho thuê hoạt động, Công ty phải trích khấu hao theo quy định của Bộ Tài chính, mức trích khấu hao do Hội đồng quản trị quyết định theo đề nghị của Tổng giám đốc;

+ Công ty được đem tài sản thuộc quyền quản lý và sử dụng để cầm cố, thế chấp vay vốn hoặc bảo lãnh tại các tổ chức tín dụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật;

- Trường hợp những tài sản nhận cầm cố, nhận thế chấp của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp khác đã quá hạn theo cam kết thì được xử lý theo quy định pháp luật.

- Tài sản đem cầm cố, thế chấp phải có chứng từ, tài liệu chứng minh, tổng hợp và giải trình trong báo cáo tài chính hàng năm.

Điều 10. Việc trích, sử dụng nguồn vốn khấu hao tài sản cố định

- Tất cả tài sản cố định hiện có của Công ty đều phải trích khấu hao. Đối với các tài sản cố định đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn đang sử dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh thì không phải trích khấu hao nữa.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định được hạch toán theo theo chuẩn mực kế toán Việt Nam.

- Đối với những tài sản cố định chưa khấu hao hết đã hư hỏng, mất mát phải xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xử lý, bồi thường. Hội đồng quản trị quyết định mức bồi thường. Chênh lệch giữa giá trị còn lại của tài sản với tiền bồi thường và giá trị thu hồi được hạch toán vào chi phí khác của Công ty.

- Toàn bộ vốn do trích khấu hao tài sản cố định được dùng để tái đầu tư, thay thế, đổi mới tài sản và sử dụng vốn cho nhu cầu kinh doanh. Tổng Giám đốc Công ty quyết định việc sử dụng vốn khấu hao, các loại vốn và quỹ để đầu tư xây dựng cơ bản theo kế hoạch đã được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt.

Điều 11. Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn

- Công ty chủ động nhượng bán, thanh lý để thu hồi vốn đối với tài sản lạc hậu kỹ thuật, tài sản hư hỏng không phục hồi được, tài sản đã hết thời gian sử dụng, tài sản không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được và các khoản đầu tư dài hạn không có nhu cầu tiếp tục đầu tư;

- Đối với những tài sản cố định đã khấu hao hết thì Tổng Giám đốc quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán và báo cáo Hội đồng quản trị. Đối với những tài sản cố định chưa hết khấu hao thì Tổng Giám đốc lập phương án thanh lý, nhượng bán trình Hội đồng quản trị phê duyệt và tổ chức thực hiện theo qui định của pháp luật.

- Khi nhượng bán, thanh lý tài sản, vật tư phải lập Hội đồng thanh lý để xác định tình trạng kỹ thuật và giá trị.

- Hạch toán nguyên giá, giá trị còn lại và chi phí thanh lý nhượng bán tài sản phải tuân thủ chế độ kế toán hiện hành.

- Các khoản đầu tư dài hạn không có nhu cầu tiếp tục đầu tư do Hội đồng quản trị quyết định theo qui định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.

Điều 12. Xử lý tổn thất tài sản

Khi xảy ra tổn thất tài sản (*mất mát, thiếu hụt, hư hỏng, kém phẩm chất, làm giảm giá trị của tài sản*) Công ty phải tiến hành xác định nguyên nhân, mức độ tổn thất, quy trách nhiệm và lập phương án xử lý báo cáo Hội đồng quản trị theo các nguyên tắc sau:

- Đối với những tổn thất do nguyên nhân chủ quan thì phải xác định rõ trách nhiệm cá nhân, tập thể gây ra tổn thất phải bồi thường. Mức bồi thường do Hội đồng quản trị quyết định theo đề nghị của Tổng Giám đốc trên cơ sở phù hợp với quy định của Pháp luật

và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

- Đối với những tổn thất do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng thì xử lý theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Đối với những tổn thất tài sản đã mua bảo hiểm thì thông báo cho đơn vị bảo hiểm xử lý bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm.

- Giá trị tài sản tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm, nếu còn thiếu thì Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị xử lý theo chế độ tài chính hiện hành.

Điều 13. Kiểm kê tài sản

Công ty phải tổ chức kiểm kê, xác định số lượng tài sản (*tài sản cố định và đầu tư dài hạn, tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn*), đối chiếu các khoản công nợ phải trả, phải thu khi khoá sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm. Đối với tài sản thừa, thiếu, không thu hồi được, nợ quá hạn cần xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của những người có liên quan và xác định mức bồi thường vật chất theo quy định.

Việc kiểm kê tài sản phải được thực hiện hằng năm ít nhất một lần. Ngoài ra, khi có yêu cầu từ HĐQT, Ban kiểm soát thì việc kiểm kê phải được tiến hành theo kế hoạch.

Điều 14. Đánh giá lại giá trị tài sản

Công ty thực hiện việc đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:

- Kiểm kê đánh giá lại giá trị tài sản theo quy định của Nhà nước.
- Theo quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng Cổ đông.
- Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài công ty (*khi đem tài sản đi góp và khi nhận lại tài sản*).

Việc kiểm kê, đánh giá lại giá trị tài sản phải theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị tài sản do đánh giá lại được ghi tăng hoặc giảm vốn điều lệ của Công ty.

Hội đồng nhượng bán tài sản, Hội đồng thanh lý tài sản, Hội đồng kiểm kê tài sản, Hội đồng nghiệm thu, Hội đồng đánh giá lại tài sản do Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc quyết định trong phạm vi thẩm quyền.

Điều 15: Quản lý đầu tư

- Tổng giám đốc chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn và kế hoạch đầu tư hàng năm theo định hướng phát triển Công ty đã được thông qua trong các kỳ họp Đại Hội đồng cổ đông và các kỳ họp Hội đồng Quản trị.

- Kế hoạch đầu tư hàng năm phải được lập và trình Hội đồng Quản trị trước ngày 25/10 năm trước.

- Trách nhiệm quản lý đầu tư:

- + Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại Hội đồng cổ đông về toàn bộ công tác đầu tư thuộc Công ty.

- + Phòng Kế hoạch - Đầu tư chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các thủ tục đầu tư, quản lý các dự án, quản lý chất lượng công trình, quản lý giá cả theo đúng các quy

định của Nhà nước, của ngành về đầu tư; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, trước pháp luật về các quyết định trong phạm vi quyền hạn được Tổng Giám đốc uỷ quyền.

Tuỳ theo mức độ của từng công trình theo sự phân cấp của Công ty, báo cáo quyết toán vốn đầu tư phải được cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của Nhà nước hiện hành.

Vốn đầu tư được quyết toán là toàn bộ chi phí hợp pháp đã thực hiện trong quá trình đầu tư để đưa công trình vào khai thác sử dụng. Chi phí hợp pháp là toàn bộ chi phí theo đúng hợp đồng kinh tế đã ký kết và thiết kế dự toán được phê duyệt; bảo đảm đúng quy chuẩn, định mức đơn giá, chế độ tài chính kế toán và những quy định hiện hành của Nhà nước có liên quan. Vốn đầu tư được quyết toán trong giới hạn tổng mức đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc điều chỉnh (nếu có).

Điều 16. Quản lý hàng tồn kho

- Hàng tồn kho là hàng hoá mua về để bán còn tồn kho, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho hoặc đã mua đang đi trên đường, sản phẩm dở dang trong quá trình sản xuất, sản phẩm hoàn thành nhưng chưa nhập kho, thành phẩm tồn kho, thành phẩm đang gửi bán và hàng hóa tại kho người bán chưa nhận về kho.

- Công ty có trách nhiệm kiểm tra, xử lý ngay những hàng hoá tồn kho kém phẩm chất, ứ đọng, chậm luân chuyển để thu hồi vốn.

- Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào biến động của giá cả, Công ty tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định hiện hành.

Điều 17. Quản lý các khoản nợ phải thu, phải trả

Các khoản công nợ phải thu, phải trả phát sinh hằng ngày là bộ phận tài sản, nguồn vốn tất yếu trong quá trình hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh của công ty.

Các khoản công nợ được theo dõi, hạch toán, quản lý theo từng khoản nợ, từng đối tượng nợ theo hệ thống sổ sách và chuẩn mực kế toán hiện hành.

Định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm Tổng Giám đốc chỉ đạo Kế toán trưởng và các bộ phận có liên quan kiểm tra, đối chiếu và có biện pháp thu hồi, thanh toán dứt điểm các khoản nợ. Tại thời điểm 31 tháng 12 hàng năm phải phân loại các khoản nợ theo thời gian và thực hiện đối chiếu, xác nhận công nợ với từng khách nợ bằng văn bản

- Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi là các khoản nợ quá hạn thanh toán theo quy định ghi trên hợp đồng hoặc các cam kết khác hoặc chưa đến hạn thanh toán nhưng đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán. Công ty phải trích lập quỹ dự phòng đối với khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định hiện hành.

- Đối với các khoản nợ không có khả năng thu hồi, Công ty có trách nhiệm xử lý. Số nợ không có khả năng thu hồi được sau khi trừ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể có liên quan được bù đắp bằng các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, nếu còn thiếu thì Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị quyết định xử lý.

- Các tổn thất do không thu hồi nợ kịp thời, đầy đủ, do nguyên nhân chủ quan gây ra, cá nhân, tập thể liên quan vi phạm phải bồi thường. Hội đồng quản trị quyết định mức

bồi thường hoặc ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định.

- Xử lý các khoản nợ khó đòi phải có đủ căn cứ tài liệu chứng minh, tổng hợp và giải trình trong báo cáo tài chính hàng năm. Số công nợ thực sự không đòi được đã được xử lý, kế toán phải tiếp tục theo dõi trên sổ kế toán (*ngoài bảng cân đối kế toán*) để khi thu được nợ phải hạch toán vào thu nhập của Công ty.

Điều 18. Công nợ tạm ứng

- Tạm ứng là việc ứng trước một khoản tiền cho cán bộ công nhân viên nhằm giải quyết các công việc phát sinh thường xuyên hoặc giải quyết một vụ việc cụ thể nào đó đã được Lãnh đạo đơn vị phê duyệt.

- Bộ phận, cá nhân tạm ứng chỉ được chi tiêu tiền đã tạm ứng theo đúng mục đích và nội dung công việc đã được phê duyệt.

- Đối với khoản tạm ứng mang tính chất thường xuyên như: chi phí nhiên liệu cho xe, vé cầu, phà, chi phí điện, nước, hoa tươi, trà nước tiếp khách, văn phòng phẩm, chi phí khác,... Định kỳ hoặc sau khi có chứng từ các khoản chi thực tế đã phát sinh, phòng (bộ phận) tạm ứng tiền lập Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng để thanh toán số tiền đã chi.

- Đối với khoản tạm ứng cho một công việc cụ thể, căn cứ dự toán được duyệt hoặc từng công việc phát sinh đã được lãnh đạo đơn vị phê duyệt, cá nhân (bộ phận) thực hiện tiến hành các thủ tục tạm ứng tiền. Sau khi công việc đã hoàn tất, cá nhân (bộ phận) đã tạm ứng phải làm thủ tục thanh quyết toán tạm ứng theo qui định.

- Kế toán quản lý công nợ tạm ứng có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, đơn đốc thanh toán các khoản công nợ tạm ứng.

- Các đối tượng có biểu hiện dây dưa công nợ thì phải giải quyết dứt điểm công nợ cũ mới được tiếp tục tạm ứng mới. Trường hợp dây dưa công nợ quá 01 tháng phòng kế toán phải báo cáo Trưởng đơn vị có người tạm ứng để xử lý, nếu quá 02 tháng phải báo cáo Tổng Giám đốc công ty.

- Trường hợp phát hiện người tạm ứng chiếm đoạt tiền tạm ứng, Phòng Tài chính

- Kế toán phải báo cáo ngay cho lãnh đạo đơn vị để xử lý kịp thời.

Điều 19. Quản lý tiền mặt tại quỹ

- Đơn vị được chủ động thu, chi bằng tiền mặt theo đúng chế độ quy định của pháp luật. Mọi khoản thu, chi bằng tiền mặt phải đúng đối tượng và phải lập phiếu thu, phiếu chi có đầy đủ chữ ký của người có thẩm quyền. Nghiêm cấm hành vi thủ quỹ cho tạm ứng, tạm vay tiền hoặc chi tiền mặt khi chưa có phiếu chi;

- Phiếu thu, phiếu chi phải được vào sổ quỹ và sổ kế toán quỹ kịp thời, cuối mỗi ngày Thủ quỹ và Kế toán quỹ phải thể hiện được số dư tiền mặt tồn quỹ và đối chiếu khớp đúng.

- Thủ quỹ là người trực tiếp chịu trách nhiệm vật chất về việc quản lý tiền mặt tồn quỹ trong đơn vị, chịu trách nhiệm trước Kế toán trưởng và Tổng Giám đốc, trước Pháp luật về trách nhiệm bảo quản an toàn tiền mặt tại quỹ.

- Két đựng tiền phải để tại nơi an toàn, đảm bảo phòng cháy chữa cháy, tránh ẩm

mốc, mỗi mọt, nước tràn,...

- Khi tiền mặt tồn quỹ bị mất trộm các phải lập ngay biên bản đồng thời báo cáo với cơ quan Công an và lãnh đạo Công ty.

- Định kỳ (*ít nhất mỗi tháng một lần*) hoặc đột xuất phải tiến hành kiểm kê tiền mặt tồn quỹ. Biên bản kiểm kê được lập phải có đủ chữ ký của những người có liên quan: Tổng Giám đốc (hoặc Phó Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng (hoặc Phó trưởng phòng kế toán), Kế toán tiền mặt, Thủ quỹ. Biên bản kiểm kê phải được lưu giữ trong chứng từ kế toán của Công ty.

- Chênh lệch kiểm kê tiền mặt tồn quỹ được xử lý:

- + Thiếu : Thủ quỹ phải bồi thường và nộp ngay số tiền thiếu vào quỹ.

- + Thừa : Ghi tăng thu nhập bất thường.

- Trong mọi trường hợp thừa, thiếu đều phải tiến hành xác định nguyên nhân và làm rõ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 20. Quản lý tiền gửi ngân hàng

Công ty được phép chủ động mở một hay nhiều tài khoản giao dịch bằng đồng Việt Nam và bằng ngoại tệ tại các Ngân hàng, tổ chức tín dụng tại Việt Nam hoặc tại chi nhánh các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam để phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản Ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

Trước khi mở tài khoản phải đánh giá khả năng quản lý của mình, đồng thời xem xét để lựa chọn ngân hàng có khả năng đáp ứng tốt nhu cầu giao dịch và bảo toàn tiền gửi cho công ty.

Mọi khoản tiền thu chi qua ngân hàng phải được thực hiện đúng các quy định của các Ngân hàng thương mại. Nghiêm cấm việc sử dụng tài khoản của Công ty cho các tổ chức, cá nhân khác gửi vào, rút ra không nhằm mục đích phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Kế toán theo dõi tiền gửi ngân hàng phải thường xuyên đối chiếu với Ngân hàng kịp thời phát hiện các trường hợp chuyển tiền đi tiền đến nhầm lẫn, thông báo cho Ngân hàng để có chỉnh lý kịp thời.

Cuối mỗi tháng phải thực hiện đối chiếu, xác nhận số dư tiền gửi ngân hàng hiện còn, giấy xác nhận số dư tiền gửi tại ngân hàng phải được lưu đầy đủ trong chứng từ kế toán của đơn vị.

Quản lý và theo dõi các khoản thu, chi tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ

- Khi phát sinh các khoản thu chi tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi, hạch toán kế toán theo đúng quy định của Ngân hàng nhà nước, Bộ Tài chính ...về quản lý ngoại tệ và tỷ giá hạch toán.

- Việc hạch toán chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phải thực hiện đúng với quy định của chế độ Kế toán Doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành

CHƯƠNG IV

QUẢN LÝ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Điều 21. Quản lý doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm: doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính, doanh thu từ hoạt động tài chính và thu nhập hợp pháp khác.

- Doanh thu hoạt động kinh doanh chính của Công ty hiện nay là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc cho thuê cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp, tiền thuê đất, phí quản lý duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp, tiền bán nước sạch, tiền phí xử lý nước thải và cung cấp dịch vụ khác của Công ty. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (*trong báo cáo kế toán*): là toàn bộ các khoản doanh thu hoạt động kinh doanh chính của Công ty trên đây sau khi trừ (-) các khoản giảm giá, hàng bán bị trả lại (*có chứng từ hợp lệ*),

- Doanh thu từ các hoạt động tài chính bao gồm: các khoản thu phát sinh từ tiền cho thuê tài sản của Công ty; tiền lãi từ việc cho vay vốn; lãi tiền gửi Ngân hàng; lãi bán hàng trả chậm; lãi cho thuê tài chính; chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chênh lệch tỉ giá ngoại tệ, chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn và lợi nhuận được chia từ việc đầu tư ra ngoài Công ty.

- Thu nhập khác: là các khoản thu từ hoạt động không thường xuyên theo chế độ quy định hiện hành như: tiền phí cấp lại giấy chứng nhận sở hữu Cổ phần, thu tiền bảo hiểm được bồi thường, các khoản nợ phải trả nhưng chủ nợ không còn, thu từ việc thanh lý nhượng bán tài sản cố định, thu tiền phạt khách hàng vi phạm hợp đồng và các khoản thu khác.

- Thời điểm để xác định doanh thu là khi được khách hàng chấp nhận thanh toán (*không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền*).

- Toàn bộ doanh thu phát sinh trong kỳ phải có các hóa đơn, chứng từ hợp lệ chứng minh và phản ánh đầy đủ trong sổ kế toán của đơn vị và Công ty theo chế độ kế toán hiện hành.

Điều 22. Chi phí sản xuất kinh doanh.

Chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty bao gồm: Chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí bán hàng, chi phí hoạt động tài chính và các chi phí khác.

- Tất cả các chi phí phát sinh của Công ty phải được quản lý chặt chẽ phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật của Nhà nước về thuế thu nhập doanh nghiệp, phí, lệ phí vv.... Việc ghi nhận chi phí phát sinh phải đảm bảo chế độ kế toán hiện hành và theo quy định về chi phí của Công ty.

Điều 23. Quy chế, định mức chi phí

1. Văn phòng phẩm, thiết bị văn phòng, quần áo đồng phục, BHLĐ:

- Bao gồm giấy in máy vi tính, mực in, giấy viết, báo chí, tài liệu phục vụ chuyên môn, bút viết, cặp đựng tài liệu, chè, nước, ẩm, chén, chổi quét,...: Thanh toán theo

thực tế phát sinh hàng tháng đảm bảo tiết kiệm, các bộ phận sử dụng có kế hoạch hàng tháng gửi phòng Tổ chức hành chính thống kê, xin mua và quản lý nhằm tránh lãng phí.

- Quần áo đồng phục, BHLĐ căn cứ vào nhu cầu thực tế phòng Tổ chức hành chính tổng hợp trình Ban Tổng giám đốc công ty phê duyệt

2. Điện, nước, điện thoại, fax, internet, chuyển phát nhanh:

Tiền điện, nước: Thanh toán theo chỉ số đồng hồ, công tơ đo đếm thực tế, việc sử dụng phải tiết kiệm, chống lãng phí, các máy móc, thiết bị, phải tắt nguồn, đóng van khi không sử dụng. Bộ phận Quản lý thiết bị, Tổ chức - Hành chính nhân sự có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các bộ phận.

Tiền cước phí điện thoại, fax: Bộ phận Tổ chức - Hành chính có trách nhiệm quản lý chi phí cước điện thoại bàn, fax trong công ty. Các nhân viên có nhu cầu liên hệ công việc với bên ngoài, đăng ký với phòng Hành chính.

Tiền cước phí internet: Đăng ký gói cước phù hợp với nhu cầu sử dụng internet trong công ty, được Ban Tổng giám đốc ký phê duyệt khi đăng ký.

Cước điện thoại di động của Ban Tổng giám đốc do Công ty thanh toán theo hóa đơn thực tế. Trưởng phó phòng, ban, bộ phận và các cán bộ công nhân viên thường xuyên phải liên hệ, làm việc qua điện thoại sẽ thanh toán chi phí khoán tiền điện thoại, mức khoán theo các quyết định cụ thể của Ban Tổng giám đốc.

Tiền cước phí chuyển phát nhanh: chỉ chuyển phát nhanh chứng từ, hàng hóa liên quan đến công việc của công ty, không mang tính chất cá nhân. Thanh toán phí chuyển phát nhanh theo thực tế phát sinh.

3. Chi lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, công tác phí:

Thanh toán theo chế độ của bộ Luật lao động, Luật Bảo Hiểm, Luật Công đoàn và các quy định khác của Nhà nước và quy định của công ty .

4. Chế độ tiếp khách, hội nghị:

Khách đến làm việc tại Công ty phải được đăng ký tại phòng Tổ chức - Hành chính, phòng Tổ chức Hành chính có trách nhiệm bố trí phòng, trà nước, băng rôn (*nếu cần*), thông báo cho các đơn vị liên quan,...để đón và tiếp khách.

*** Chi tiếp khách:**

Tùy theo mức độ quan trọng của công việc liên quan, cá nhân, đơn vị trực tiếp báo cáo Ban Tổng giám đốc xin ý kiến về chi phí cho việc đón tiếp nếu có phát sinh các khoản chi phí này.

*** Chi phí liên hoan hàng năm:**

Để nâng cao tinh thần đoàn kết, động viên kịp thời sự phấn đấu tập thể toàn bộ cán bộ công nhân viên trong toàn Công ty. Căn cứ vào tình hình công việc thực tế, kết quả kinh doanh, vào các ngày lễ, tết, kỷ niệm, sinh nhật...Ban Tổng giám đốc quyết định tổ chức liên hoan hay chi tiền cho cán bộ công nhân viên bằng tiền mặt sau khi xin ý kiến của Hội đồng quản trị.

***. Các định mức chi cho đại hội, hội nghị khách hàng:**

Tùy từng quy mô, nội dung cụ thể, tầm quan trọng của các buổi đại hội, hội nghị phát sinh các chi phí Ban Tổng giám đốc sẽ xin ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định lựa chọn địa điểm tổ chức và định mức chi phí

5. Chi phí hiếu, hỉ, ốm đau, tai nạn lao động:

- Thực hiện theo Luật lao động và thỏa ước lao động tập thể.

6. Chi ăn ca.

- Chi phí ăn ca: Công ty hỗ trợ cho toàn bộ cán bộ công nhân viên trong Công ty là 25.000 đồng/người/ngày làm việc.

7. Chi phí đào tạo:

- Người lao động khi được công ty cử đi đào tạo nâng cao trình độ được công ty thanh toán kinh phí đào tạo, người lao động phải hoàn thành khóa học và làm việc tại công ty ít nhất 2 năm. Trường hợp người cử đi đào tạo nâng cao không hoàn thành khóa học hoặc không làm việc cho công ty ít nhất 2 năm kể từ khi đào tạo xong thì người lao động phải hoàn trả lại toàn bộ kinh phí đào tạo cho Công ty.

- Trường hợp người lao động xin đi học nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, căn cứ vào nguyện vọng và chương trình học của người lao động, phù hợp với yêu cầu công việc của người lao động thì được Công ty xem xét, bố trí, sắp xếp thời gian làm việc hợp lý để tạo điều kiện người lao động học tập. Nếu người lao động có nguyện vọng đề nghị Công ty tài trợ kinh phí phải có đơn trình Công ty xem xét trước khi đi học, nếu được chấp thuận thì hai bên ký thỏa thuận về quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi bên.

8. Các khoản chi khác.

- Chi tết dương lịch 01/01, ngày Chiến thắng 30/04, quốc tế Lao động 01/05, ngày Quốc khánh 02/09: Tùy thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh. Ban Tổng giám đốc công ty sẽ đưa ra quyết định thưởng trong từng thời điểm cụ thể sau khi xin ý kiến của Hội đồng quản trị.

- Ngày Quốc tế Phụ nữ 08/03, Phụ nữ Việt Nam 20/10, tết thiếu nhi, đại hội và các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, giao lưu thể thao với các khách hàng, đối tác của Công ty: các tổ chức, hoạt động, kinh phí, chi phí sẽ được Ban Tổng giám đốc và công đoàn thống nhất, có tham khảo kết quả kinh doanh của Công ty và sau khi xin ý kiến của Hội đồng quản trị.

- Ngày thành lập công ty: Chi phí tổ chức theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.

- Chi phí tham quan, nghỉ mát: Khi kinh doanh có lãi, Công ty và Công đoàn thống nhất tổ chức tham quan, nghỉ mát cho cán bộ công nhân viên. Nội dung, chi phí liên quan đến tham quan, nghỉ mát sẽ quyết định dựa vào thỏa thuận giữa Công ty và Công đoàn sau khi xin ý kiến của Hội đồng quản trị.

- Chi lương tháng 13, thưởng tết âm lịch: Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm, quỹ tiền lương thực hiện báo cáo Hội đồng quản trị xin ý kiến và

chi cho phù hợp.

- Chi phí xăng, dầu: Thanh toán theo hóa đơn thực tế có đối chiếu với định mức sử dụng nhiên liệu và số Km thực tế theo sổ nhật ký hành trình của xe
- + Các chi phí vé, phí cầu, rửa xe, bơm hơi xe, gửi xe.....: Thanh toán theo bảng kê, được cán bộ quản lý kí, cấp trên phê duyệt.

Điều 24. Xử lý kinh doanh thua lỗ

Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Tổng Giám đốc Công ty phải đề xuất các giải pháp cấp bách để Hội đồng quản trị xem xét quyết định.

- Chuyển lỗ sang năm sau, đồng thời quyết định các biện pháp để khắc phục.

Điều 25. Lợi nhuận thực hiện

- Lợi nhuận thực hiện là kết quả kinh doanh của Công ty sau một kỳ hoạt động.
- Việc xác định lợi nhuận phải tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan và nguyên tắc của chế độ kế toán hiện hành.

CHƯƠNG V PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ

Điều 26. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ

- Lợi nhuận của Công ty sau khi bù lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, được phân phối như sau:
- Phần lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản trên, được trích lập Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi, chia cổ tức theo nghị quyết định của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với các quy định hiện hành của Luật pháp Việt Nam.

Điều 27. Mục đích sử dụng các quỹ của Công ty

1. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để:

- + Phát hành cổ phiếu thưởng để bổ sung tăng vốn điều lệ của Công ty.
- + Mua cổ phần, góp vốn tại các công ty cổ phần, công ty TNHH, công ty liên doanh; góp vốn hoạt động hợp tác kinh doanh.
- + Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị, điều kiện làm việc của Công ty.
- + Căn cứ vào nhu cầu đầu tư và khả năng của quỹ, Hội đồng quản trị quyết định hình thức và biện pháp đầu tư theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Quỹ khen thưởng được dùng để:

- + Thưởng định kỳ, thưởng cuối năm trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của CB.CNV, hoặc thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể có thành tích đột xuất trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- + Thưởng cho những cá nhân và đơn vị bên ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty theo quy chế thưởng của Công ty. Mức thưởng do Tổng Giám đốc quyết định sau khi xin ý kiến của HĐQT.

+ Thường người quản lý điều hành Công ty (HĐQT, Ban TGD, Ban Kiểm soát).
Mức thưởng gắn với hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Quỹ phúc lợi được dùng để:

- + Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi chung của Công ty.
- + Chi cho các hoạt động thể thao, văn hoá, phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội.
- + Ngoài ra có thể chi trợ cấp khó khăn cho người lao động của Công ty kể cả những trường hợp đã nghỉ hưu, mất sức lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.
- + Việc sử dụng quỹ phúc lợi do Tổng Giám đốc thống nhất với Ban chấp hành Công đoàn Công ty quyết định sau khi xin ý kiến của HĐQT.

Điều 28. Trả cổ tức

- Lợi nhuận của Công ty, sau khi được khấu trừ các khoản tại điều 26 sẽ được dùng để trả cổ tức cho các Cổ đông, tiền cổ tức sẽ được trả bằng tiền Việt Nam Đồng, tỷ lệ cổ tức do Đại hội đồng cổ đông quyết định

CHƯƠNG VI

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ VÀ KIỂM TOÁN

Điều 29. Kế hoạch tài chính

- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất, kinh doanh Công ty có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn và hàng năm phù hợp với kế hoạch kinh doanh của Công ty. Thời hạn lập kế hoạch tài chính cùng thời điểm với kế hoạch sản xuất, kinh doanh theo quy định của Công ty.

Điều 30. Chế độ kế toán thống kê và kiểm toán

- Công ty thực hiện việc hạch toán kế toán, thống kê theo đúng pháp luật kế toán thống kê hiện hành.
- Công ty thực hiện việc lập, nộp, báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng năm theo quy định của pháp luật.
- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm dương lịch và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.
- Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính hàng năm.

Điều 31. Bộ máy kế toán tài chính của Công ty

- Công ty có Phòng Tài chính - Kế toán. Người chịu trách nhiệm về công tác tài chính kế toán ở Công ty là Kế toán trưởng. Nhiệm vụ của bộ máy kế toán là thực hiện chế độ hạch toán kế toán thống kê theo đúng luật kế toán, thống kê của Nhà nước, chế độ kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

Điều 32. Chế độ lưu giữ tài liệu liên quan đến công tác tài chính - kế toán

Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau:

- + Sổ sách, chứng từ, tài liệu kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;
- + Kết luận của các cơ quan Thanh tra, kiểm tra theo qui định;
- + Các tài liệu khác theo quy định tại Điều 11 Luật Doanh nghiệp;
- + Công ty phải lưu giữ các tài liệu có liên quan đến công tác tài chính kế toán tại trụ sở chính. Thời gian lưu giữ, bảo quản đúng chế độ và theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Công tác kiểm tra khác

Công ty chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của các cơ quan tài chính có thẩm quyền đối với công tác tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII

CHẾ ĐỘ TRÁCH NHIỆM TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 34. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

- Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, điều hành kế hoạch kinh doanh của công ty theo các Nghị quyết, quyết định đã được Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thông qua; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật trong việc quản lý tài sản, vật tư, tiền vốn và các khoản thu chi của Công ty.
- Tổ chức và chỉ đạo thực hiện công tác kế toán theo quy định của Luật kế toán. Chịu trách nhiệm về chế độ báo cáo kế toán, thống kê, tài chính, nội dung của báo cáo tài chính và các thông tin tài chính công khai theo quy định của pháp luật.
- Tổ chức thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Chủ tịch HĐQT.
- Xây dựng các quy trình, thủ tục, định mức chi phí của Công ty theo quy định của pháp luật, phù hợp với Điều lệ Công ty, các quyết định cụ thể của HĐQT.

Điều 35. Trách nhiệm của Kế toán trưởng Công ty

- Thực hiện các quy định của pháp luật về tài chính - kế toán.
- Tổ chức điều hành bộ máy kế toán để thực hiện nhiệm vụ của kế toán theo quyết định của Tổng Giám đốc nhằm đáp ứng yêu cầu quy định tại Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Tổ chức lập báo cáo tài chính toàn Công ty.
- Chịu sự lãnh đạo của Tổng Giám đốc về chuyên môn nghiệp vụ.
- Có quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán khi thực hiện, kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản, nguồn hình thành tài sản.

- Báo cáo kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán với Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị.

- Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và pháp luật về các công việc thuộc phạm vi trách nhiệm quyền hạn của Kế toán trưởng theo quy định của Luật kế toán.

Điều 36. Trách nhiệm của kế toán viên.

Nhân viên Phòng Tài chính - Kế toán của Công ty được giao nhiệm vụ trong lĩnh vực tài chính - kế toán có những trách nhiệm cơ bản như sau:

- Thường xuyên cập nhật, phản ánh kịp thời cho Lãnh đạo Phòng tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch (doanh thu, chi phí, trang bị tài sản,...); tình hình quản lý và thu hồi các khoản công nợ; thực hiện đầu tư của Công ty; tình hình chấp hành chế độ chính sách về tài chính - kế toán,...;

- Nắm bắt tình hình tồn quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng,

- Chủ động chấp hành các chế độ chính sách về tài chính - kế toán;

- Trong quá trình giải quyết công việc nếu gặp khó khăn, vướng mắc, phải báo cáo kịp thời với Kế toán trưởng Công ty để tìm biện pháp giải quyết; trường hợp kế toán viên chưa báo cáo nhưng đã tự giải quyết thì phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với hậu quả gây ra;

- Chịu mọi trách nhiệm về công việc do mình phụ trách, thực hiện trước Kế toán trưởng, Tổng Giám đốc và pháp luật;

- Hướng dẫn, giải đáp vướng mắc, hỗ trợ trực tiếp các công việc liên quan đến công tác tài chính - kế toán cho các phòng ban, cá nhân trong công ty (nếu cần);

CHƯƠNG VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 37. Xử lý vi phạm quy chế quản lý tài chính

Đơn vị, cá nhân nào có hành vi vi phạm Quy chế quản lý tài chính của Công ty, tùy theo mức độ vi phạm và mức độ hậu quả gây ra đều phải chịu hình thức kỷ luật theo quy định của Công ty.

Điều 38. Tổ chức thực hiện

Quy chế quản lý tài chính này quy định cụ thể về việc quản lý tài chính của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt nam,

Quy chế này gồm 08 chương, 38 Điều, do Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng quản trị cùng Tổng giám đốc triển khai thực hiện, ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn cụ thể, các biểu mẫu cần thiết theo nội dung Quy chế này, cập nhật các thay đổi của pháp luật để sửa đổi, bổ sung tương ứng nội dung Quy chế này cho phù hợp với tình hình thực tế các quy định của pháp luật có liên quan, Trường hợp có sự mâu

thuần giữa quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật tương ứng, quy định của pháp luật tương ứng sẽ được ưu tiên áp dụng.

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị trình và Đại hội cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Trưởng các Phòng, Ban chuyên môn, toàn thể Cán bộ công nhân viên Công ty và các đơn vị, cá nhân có liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Công ty có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Phạm Trung Thái



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTr-VRG

Hải Dương, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020
và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021**

DỰ THẢO

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên
Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam

Căn cứ Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam đã được kiểm toán;

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020:

STT	CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ (ĐỒNG)	GHI CHÚ
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2020	13.035.553.805	
2	Lợi nhuận lũy kế sau thuế năm 2020	12.315.328.422	
3	Phân phối lợi nhuận		
3.1	- Trích Quỹ đầu tư phát triển (5%)	615.766.421	
3.2	- Trích Quỹ phúc lợi (3 tháng lương người lao động tính theo tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch lợi nhuận)	190.000.000	
3.3	- Trích Quỹ thưởng Người quản lý Doanh nghiệp (01 tháng lương người QL)	65.000.000	
3.4	- Chia cổ tức cho các cổ đông (4% trên mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu *)	10.357.947.200	
3.4	- Lợi nhuận để lại sau phân phối (=2 - 3.1 - 3.2 - 3.3-3.4)	1.086.614.701	

(*) Số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam tại ngày 31/12/2020 là: **25.894.868** cổ phần.

- Hình thức chi trả cổ tức: Bằng tiền.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:

STT	CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ (ĐỒNG)	GHI CHÚ
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2021	53.298.230.000	
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	42.638.580.000	
3	Lợi nhuận còn lại kỳ trước	1.086.614.701	
4	Phân phối lợi nhuận		
4.1	- Trích quỹ đầu tư phát triển (5%/LN lũy kế)	2.186.260.000	
4.2	- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (3 tháng lương)	1.196.000.000	
4.3	- Trích quỹ thưởng Người quản lý Doanh nghiệp (1,5 tháng lương)	110.000.000	
4.4	- Chia cổ tức cho các cổ đông (15% trên mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu *)	38.842.200.000	
4.5	- Lợi nhuận để lại sau phân phối $= (2+3) - (4.1+4.2+4.3+4.4)$	1.390.734.701	

3. Kế hoạch chia cổ tức năm 2021:

- Tỷ lệ chi trả: 15% (tương ứng 1.500 đồng/cổ phiếu)
- Tạm ứng đợt 1: 5%
- Hình thức chi trả: Bằng tiền
- Phương thức chi trả: Chuyển tiền vào tài khoản của cổ đông
- Thời gian thực hiện: Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh để thực hiện việc tạm ứng đợt 1 khi đủ điều kiện.
- Đại hội đồng cổ đông thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các phương án chi tiết chi trả cổ tức và tổ chức triển khai thực hiện.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét, thông qua./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Trung Thái



/BC-VRG

Hải Dương, ngày tháng 5 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty CP Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam

DỰ THẢO

Kính gửi:

- Đại hội đồng cổ đông Công ty;
- Hội đồng quản trị Công ty.

Căn cứ nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số: 02/2020/NQ-DHĐCĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Công ty cổ phần phát triển đô thị và Khu công nghiệp cao su Việt Nam;

Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp cao su Việt Nam xin báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, cụ thể như sau:

PHẦN I

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

I. Hoạt động đầu tư dự án Khu công nghiệp Cộng Hòa:

1. Đánh giá chung:

Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quyết định của Hội đồng quản trị phê duyệt các chỉ tiêu, kế hoạch năm 2020. Ngay từ đầu năm, Công ty đã tập trung triển khai các gói thầu trong kế hoạch để sớm có các công trình hạ tầng khu công nghiệp, phục vụ và thu hút Nhà đầu tư. Các công việc từ thiết kế, thẩm định thiết kế, đấu thầu lựa chọn nhà thầu tư vấn, nhà thầu thi công, tổ chức thi công công trình... đều được Công ty thực hiện với tinh thần khẩn trương đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Nhà nước và chỉ đạo của HĐQT.

Các công trình đã thi công xong đều được Công ty thuê kiểm toán để làm căn cứ trình HĐQT phê duyệt quyết toán để đưa vào tài sản khấu hao. Các công trình đang thi công đều được nghiệm thu đảm bảo đúng quy trình quản lý chất lượng quy định.

Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 diễn ra từ đầu năm và tái bùng phát nhiều lần trong năm nên đã ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên do đã chủ động trong công tác đầu tư hoàn thiện hạ tầng kể từ trước khi dịch bệnh bùng phát nên Công ty đã tạo được nguồn đất thương phẩm sẵn sàng phục vụ thu hút đầu tư khoảng 30ha.

2. Kết quả thực hiện hoạt động đầu tư:

2.1. Công tác xúc tiến thu hút đầu tư:

Năm 2020, Mặc dù Công ty đã rất tích cực chủ động trong việc đa dạng hóa công tác xúc tiến đầu tư. Tuy nhiên do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 diễn biến phức tạp ở trong nước cũng như trên toàn thế giới nên công tác thu hút đầu tư vào khu công nghiệp năm 2020 không đạt kế hoạch đề ra. Năm 2020 Công ty không thu hút thêm nhà đầu tư mới.

Tính đến thời điểm hiện nay (31/12/2020) khu công nghiệp đã thu hút được 07 nhà đầu tư trong và ngoài nước với tổng diện tích đã cho thuê 77,94 ha (đạt 53,55% tỷ lệ lấp đầy).

2.2. Công tác thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng khu công nghiệp:

T T	Tên công trình/hạng mục công trình	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện kế hoạch	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch
Hạng mục thực hiện kế hoạch năm 2020				
1	Thi công nhà làm việc Công ty	Quý I/2020 đến Quý IV/2020	Đang trong quá trình thẩm định BVTC	Đạt 40% kế hoạch
2	Thi công các hạng mục phục cấp nước cho KCN (Bể chứa nước)	Quý III/2020 đến Quý IV/2020	Đang trong quá trình thi công dở dang	Đạt 70% kế hoạch
3	San nền bổ sung lô B5, diện tích 3,7ha	Quý III/2020 đến Quý IV/2020	Hoàn thành	Đạt 100% kế hoạch
4	San nền lô B6, B7, diện tích 32,3ha	Quý III/2020 đến Quý IV/2020	Đang thực hiện giai đoạn thiết kế	Đạt 20% kế hoạch
5	Thi công tuyến đường RD04- chiều dài 0,6 km	Quý III/2020 đến Quý IV/2020	Đang trong quá trình thẩm định BVTC	Đạt 20% kế hoạch
6	Thi công tuyến đường RD01-GĐ 2 chiều dài 01km	Quý III/2020 đến Quý IV/2020	Đã thực hiện xong bước thiết kế	Đạt 30% kế hoạch
7	Trồng cây xanh một số tuyến đường trong khu công nghiệp (RD05, RD07, RD09)	Quý III/2020 đến Quý IV/2020	Hoàn thành	Đạt 100% kế hoạch
8	Đào kênh điều tiết nước chống ngập cục bộ cho khu công nghiệp	Quý I/2020 đến Quý II/2020	Hoàn thành	Đạt 100% kế hoạch
9	Mở rộng mặt bằng khu công nghiệp phần tiếp giáp Quốc lộ 18 (đoạn đi qua khu công nghiệp)	Quý II/2020 đến Quý III/2020	Đã thực hiện xong bước thẩm định BVTC	Đạt 60% kế hoạch
10	Chi phí khác (Đền bù GPMB mộ, công trình hạ tầng, thuê tư vấn lập quy hoạch mở rộng khu công nghiệp GĐ1, GĐ2)	Quý III/2020 đến Quý IV/2020	Đang thực hiện dở dang	Đạt 20% kế hoạch

3. Phân tích yếu tố ảnh hưởng đến việc chậm triển khai một số hạng mục của năm kế hoạch 2020:

3.1 Nhà làm việc Công ty:

Để sử dụng tối đa diện tích khu đất nhà văn phòng làm việc và đất dịch vụ, qua đó tăng nguồn thu, tăng hiệu quả kinh tế cho Công ty, Công ty xét thấy cần thiết phải điều chỉnh mục tiêu, quy hoạch và công năng sử dụng của khu trung tâm trong đó có vị trí và quy mô đầu tư của Nhà làm việc. Thời gian điều chỉnh phụ thuộc vào thời gian quy định của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương. Tính đến hết 31/12/2020 Công trình đang hoàn thiện xong bước thiết kế bản vẽ thi công, đang trong giai đoạn thẩm định và phê duyệt.

3.2 Các hạng mục phục vụ cấp nước cho khu công nghiệp (Bể chứa nước):

Các hạng mục phục vụ cấp nước cho khu công nghiệp (Bể chứa nước) đã được Công ty triển khai theo đúng kế hoạch đã được Tập đoàn thỏa thuận đến giai đoạn chuẩn bị thi công. Sau khi đánh giá lại tổng thể quy hoạch của khu công nghiệp, Công ty nhận thấy nếu xây dựng tại vị trí cũ sẽ ảnh hưởng tới quy hoạch điều chỉnh của khu công nghiệp cũng như quy hoạch theo định hướng xin mở rộng khu công nghiệp giai đoạn 2 quy mô 410ha. Do đó Công ty đang triển khai các thủ tục xin điều chỉnh lại vị trí và quy mô đầu tư của hạng mục này để đảm bảo kết nối đồng bộ của các hạng mục hạ tầng sau khi điều chỉnh quy hoạch. Tính đến hết 31/12/2020 công trình đã đủ điều kiện để thi công.

3.3 San nền lô B6, B7:

Do trong diện tích của lô đất vẫn còn khoảng 300 ngôi mộ nằm rải rác trong khu vực lô đất chưa được di dời, vì vậy Công ty chưa thể triển khai thực hiện việc san lấp mặt bằng lô đất này để thu hút đầu tư. Tính đến hết 31/12/2020 Công ty đang tập trung phối hợp với Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng của Thành phố Chí Linh để thực hiện di dời số mộ trên.

3.4 Tuyến đường RD04:

Do phải điều chỉnh quy hoạch cục bộ thiết kế cơ sở của Khu công nghiệp để đáp ứng nhu cầu thuê hạ tầng của các nhà đầu tư cũng như phù hợp định hướng mở rộng KCN giai đoạn 2 nên Công ty chưa thể triển khai thi công hạng mục công trình này. Tính đến hết 31/12/2020 đơn vị tư vấn thiết kế đang hoàn chỉnh phương án trình Chủ đầu tư và cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

3.5 Tuyến đường RD01 giai đoạn 2:

Do ảnh hưởng của dịch Covid 19, cùng với việc chưa có nhà đầu tư thuê hạ tầng tại khu vực này nên Công ty đã chủ động chậm triển khai việc thi công để cân đối nguồn tài chính Công ty đảm bảo kinh doanh hiệu quả. Tính đến hết 31/12/2020 Công trình đang hoàn thiện hồ sơ phê duyệt giá trị gói thầu thi công.

3.6 Mở rộng mặt bằng khu công nghiệp phần tiếp giáp Quốc lộ 18 (đoạn đi qua khu công nghiệp):

Do công trình xây dựng kết hợp sử dụng đất của hành lang bảo vệ Quốc lộ 18 và đất Khu công nghiệp (Phục vụ chỉnh trang đô thị của TP Chí Linh đồng thời tạo cảnh quan, quảng bá, thu hút đầu tư cho Khu công nghiệp) nên Hồ sơ đầu tư xây dựng cần phải được sự đồng ý của Tổng cục đường bộ. Hồ sơ xin thỏa thuận đã được gửi lên Tổng cục đường bộ Việt Nam để xin ý kiến nhưng chưa được phản hồi. Do vậy Công ty chưa thể hoàn thiện được Hồ sơ để phê duyệt.

3.7. Công tác đền giải phóng mặt bằng mộ:

Công ty đang phối hợp Hội đồng GPMB thành phố Chí Linh hoàn thiện thủ tục đền bù GPMB 1,57 ha đất nghĩa trang thôn Tiền Định để di dời toàn bộ 300 ngôi mộ đang nằm trong lô B6. Dự kiến công việc này sẽ được hoàn thành trong năm 2021.

II. Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu tài chính năm 2020:

1. Tổng hợp tình hình thực hiện một số chỉ tiêu tài chính năm 2020:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỉ lệ (%) T.hiện so với KH
1	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	77.313,61	37.064,86	47,94
1.1	<i>Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh KCN</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>62.220,61</i>	<i>21.777,69</i>	<i>35,00</i>
1.2	<i>Doanh thu từ hoạt động tài chính + Khác</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>15.093,00</i>	<i>15.287,17</i>	<i>101,28</i>
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	37.291,30	24.029,31	64,44
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	40.022,31	13.035,55	32,57
4	Thuế TNDN	Triệu đồng	8.004,46	1.977,31	24,70
5	Lợi nhuận sau thuế kỳ này	Triệu đồng	32.017,85	11.058,24	34,54
6	Kết chuyển lãi kỳ trước	Triệu đồng	1.257,09	1.257,09	
7	Tổng lợi nhuận chưa phân phối lũy kế kỳ này	Triệu đồng	33.274,94	12.315,33	37,01
8	Phân phối lợi nhuận				
	- Trích quỹ đầu tư phát triển	<i>Triệu đồng</i>	<i>1.921,07</i>	<i>615,77</i>	<i>32,01</i>
	- Trích quỹ phúc lợi	<i>Triệu đồng</i>	<i>1.741,71</i>	<i>190,00</i>	<i>31,71</i>
	-Trích quỹ thưởng Người quản lý Doanh nghiệp	<i>Triệu đồng</i>	<i>158,70</i>	<i>65,00</i>	<i>41,13</i>

	- Chia cổ tức (Tỷ lệ thực hiện chia là 4%)	Triệu đồng	25.894,87	10.357,95	40,00
	- Lợi nhuận để lại	Triệu đồng	3.558,58	1.086,61	20,35
09	Nộp Ngân sách	Triệu đồng	24.089,09	2.333,87	9,68
	- GTGT phải nộp	Triệu đồng	16.064,63		
	- Thuế TNDN phải nộp	Triệu đồng	8.004,46	1.977,31	24,71
	- Các thuế khác	Triệu đồng	20,00	356,56	1.782,00
10	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	41,41	35,17	84,93
11	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ	%	15,45	5,03	32,55

2. Đánh giá tình hình thực hiện một số chỉ tiêu tài chính năm 2020:

2.1 Đánh giá chung

Trong năm 2020, mặc dù Ban lãnh đạo Công ty đã rất nỗ lực và cố gắng đẩy mạnh công tác quảng bá, xúc tiến thu hút đầu tư vào KCN Cộng Hòa nhưng do những diễn biến và ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Covid đã khiến các nhà Đầu tư nước ngoài không thể tiếp cận trực tiếp địa bàn Khu công nghiệp để nghiên cứu, xem xét đầu tư vì phải tuân thủ nghiêm ngặt theo quy định phòng chống dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam như: hạn chế nhập cảnh và phải thực hiện cách ly khi nhập cảnh vào Việt Nam, đặc biệt là đối với các Nhà đầu tư đến từ những quốc gia có dịch bệnh đang bùng phát. Từ những yếu tố nêu trên nên kết quả kinh doanh năm 2020 Công ty không đạt kế hoạch đề ra cả về doanh thu và lợi nhuận.

2.2 Kiến nghị về việc điều chỉnh giá vốn đã thực hiện

Hiện nay công ty đang xúc tiến các thủ tục xin mở rộng Khu công nghiệp Cộng Hòa, mặt khác nhu cầu của các nhà Đầu tư về mặt bằng thuê đất có nhiều thay đổi so với quy hoạch cũ đã được phê duyệt, vì vậy công ty đang phải điều chỉnh lại thiết kế cơ sở, điều chỉnh lại quy hoạch toàn bộ diện tích đất Khu công nghiệp Cộng Hòa cho phù hợp. Việc điều chỉnh quy hoạch dẫn đến tổng mức đầu tư thay đổi, theo tính toán của công ty tổng mức đầu tư tính lại theo quy hoạch điều chỉnh sẽ giảm đi khoảng 180 tỷ đồng dẫn đến suất đầu tư giảm. Việc này dẫn đến việc hạch toán giá vốn (*khoản giá vốn cho thuê cơ sở hạ tầng*) tương ứng với phần doanh thu đã hạch toán từ năm 2014 đến 31/12/2020. Giá vốn đã hạch toán giảm khoản 15,8 tỷ đồng, tương ứng với lợi nhuận tăng thêm 15,8 tỷ.

Sau khi làm nghĩa vụ thuế với nhà nước và trích lập các quỹ theo quy định, lợi nhuận còn lại sẽ được chia cổ tức khoảng 4,5%. Như vậy lợi tức năm 2020 sẽ là 8,5%.

Vì vậy đề nghị đại hội đồng cổ đông cho phép công ty hạch toán hồi tố lại chi phí giá vốn đã hạch toán trước đây, lợi nhuận tăng thêm sẽ chia cổ tức bổ sung sau khi có quyết định phê duyệt lại tổng mức Đầu tư của Hội đồng quản trị.

III. Công tác tổ chức, lao động, tiền lương:

1. Công tác tổ chức cán bộ.

Năm 2020, công tác tổ chức cán bộ không có biến động lớn, người lao động luôn yên tâm công tác. Một số bộ phận, phòng, ban vẫn còn thiếu cán bộ có trình độ chuyên môn như: Văn phòng Hội đồng quản trị, phòng Tổ chức- Hành chính, phòng Kế toán- Tài chính, Ban quản lý dự án số 1... Kết quả thực hiện như sau:

- Tuyển dụng 13 cán bộ bổ sung. Trong đó:

- + Văn phòng HĐQT: 01 cán bộ.

- + Phòng Tổ chức- Hành chính: 02 cán bộ.

- + Phòng Kế hoạch- Đầu tư: 02 cán bộ.

- + Phòng Kế toán- Tài chính: 01 cán bộ.

- + Ban QLDA số 1: 04 cán bộ.

- + Chuyên gia: 03 cán bộ.

- Thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2021 và 2021-2026 Công ty vẫn giữ nguyên như đã được Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam thỏa thuận.

- Ký hợp đồng lao động cho 13 cán bộ công nhân viên ở các phòng, ban.

- Thực hiện chế độ hưu trí cho 02 cán bộ lãnh đạo.

- Tình hình lao động trong năm: Tổng số lao động làm việc **33 CB.CNV**.

Trong đó:

- + Ban Tổng giám đốc : 03 người

- + Ban Kiểm soát : 01 người.

- + Văn phòng HĐQT : 03 người.

- + Phòng Tài chính-Kế toán : 03 người.

- + Phòng Tổ chức-Hành chính : 05 người.

- + Phòng Kế hoạch-Đầu tư : 05 người.

- + Ban quản lý dự án số 1 : 10 người.

- + Chuyên gia : 03 người

Với lực lượng lao động trên, năm 2020 Công ty tiếp tục phải phân công cán bộ chuyên môn kiêm nhiệm hoặc tăng cường hỗ trợ một số phòng, ban để thực hiện nhiệm vụ giao.

2. Công tác đào tạo.

Công ty tập trung hỗ trợ cán bộ tham gia các khoá tập huấn bổ sung nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

3. Công tác lao động và thu nhập.

- Về lao động: - Tổng số CB, CNV lao động đến 31/12/2020 là: 33 người.

Trong đó: + Nam: 27 chiếm 81,9%.

+ Nữ : 06 chiếm 18,1%.

- Chất lượng lao động:

Trong đó: + Thạc sỹ: 01 chiếm 3,0%.

+ Đại học: 24 chiếm 72,8%.

(02 đang theo học Thạc sỹ)

+ Trung cấp: 02 chiếm 6,0%.

+ CNKT, LĐPT: 06 chiếm 18,2%

- Về thu nhập: Việc phân phối tiền lương được thực hiện theo hệ thống thang lương, bảng lương do Tập đoàn ban hành, mức lương vùng quy định và lương bổ sung.

+ Quỹ tiền lương thực hiện: 3.026.094.600 đồng.

+ Lương bình quân tháng: 9.486.190 đồng/người.

4. Công tác thực hiện các chế độ chính sách:

Năm 2020, Công ty đã thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người lao động như: 100% CB.CNV được ký hợp đồng lao động, được tham gia BHXH, BHYT, BHTN và đã giải quyết kịp thời cho các trường hợp ốm đau, thai sản. Thực hiện công tác nâng bậc lương, chuyển ngạch, xếp lương cho 06 cán bộ công nhân viên đảm bảo đúng thời gian và đúng quy định. Tổ chức khám sức khỏe, phân loại sức khỏe cho 33/33 cán bộ, công nhân viên trong Công ty đạt 100%.

5. Công tác quản lý hành chính:

Quản lý, kiểm tra, theo dõi chặt chẽ cơ sở vật chất của đơn vị và thực hiện tốt công tác văn thư lưu trữ, quản lý quỹ đúng quy định, sử dụng phương tiện, trang thiết bị khoa học, hợp lý tiết kiệm.

6. Công tác an toàn vệ sinh lao động:

Công tác an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ) luôn được quan tâm, thực hiện tốt các quy định theo Bộ luật Lao động. Tiếp tục duy trì bếp ăn tập thể phục vụ CB.CNV ở xa gia đình và những CB.CNV có nhu cầu.

7. Công tác đoàn thể:

Cấp ủy, Ban điều hành đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức đoàn thể hoạt động có nề nếp, hiệu quả như: tuyên truyền, vận động đoàn viên tham gia, hưởng ứng các phong trào và thăm hỏi, động viên, chia sẻ đoàn viên, thân nhân đoàn viên công đoàn ốm đau hoặc khi gặp hoạn nạn.

PHẦN II

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

I. Kế hoạch đầu tư, kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Cộng Hòa:

Bước sang năm 2021, ngay từ những tháng đầu năm dịch bệnh Covid-19 lại bùng phát đợt dịch lớn nhất từ trước đến nay tại một số địa phương trên cả nước với các biến chủng virus mới có khả năng lây lan nhanh hơn trong cộng đồng. Trên địa bàn KCN Cộng Hòa cũng đã xuất hiện ổ dịch tại một Nhà máy của Nhà đầu tư đang sản xuất tại Khu công nghiệp. Sự việc này đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ thi công các hạng mục thi công của các nhà đầu tư khác cũng như công tác thi công các hạng mục, công trình hạ tầng kỹ thuật của Khu công nghiệp. Ổ dịch này đã gây tổn hại rất lớn cho quá trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương cũng như công tác thu hút đầu tư vào KCN Cộng Hòa. Theo các đánh giá và nhận định của Chính phủ, dịch bệnh Covid-19 sẽ còn tiếp tục kéo dài, có thể đến hết năm 2022 do trong nước vẫn tiếp tục xuất hiện các ca virus mới, trong khi đó việc triển khai tiêm Vacxin mới chỉ áp dụng cho số lượng nhỏ các đối tượng ưu tiên, việc tiêm chủng mở rộng cho toàn bộ người dân trên phạm vi cả nước chưa thể thực hiện do lượng Vacxin chưa đủ cung cấp. Theo đánh giá dự báo của Công ty: kết quả kinh doanh năm 2021 sẽ rất khó khăn để đạt được kế hoạch đề ra. Công ty xây dựng một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản như sau:

1. Kế hoạch thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp:

Dự kiến diện tích thu hút nhà đầu tư thuê hạ tầng trong năm: 07 ha. Trong đó, Công ty sẽ triển khai thực hiện các giải pháp để nâng cao hoạt động xúc tiến thu hút đầu tư vào khu công nghiệp cụ thể:

- Thiết kế phát hành các tài liệu, ấn phẩm, băng đĩa để quảng bá, giới thiệu Khu công nghiệp Cộng Hòa qua các kênh xúc tiến đầu tư.
- Thành lập bộ phận chuyên môn phụ trách công tác xúc tiến, thu hút đầu tư nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động thu hút đầu tư.
- Thực hiện Quy chế sử dụng hoạt động môi giới và áp dụng chi hoa hồng môi giới.

2. Kế hoạch đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp:

Với mục tiêu hoàn thiện đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật để đáp ứng các yêu cầu của các Nhà đầu tư hiện đang thuê đất tại Khu công nghiệp cũng như thu hút thêm các Nhà đầu tư mới, Công ty tiếp tục tập trung triển khai đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu của khu công nghiệp, các công việc cụ thể như sau:

TT	Tên công trình/hạng mục công trình	Giá gói thầu hoặc khái toán (tỷ đồng)	Kế hoạch thực hiện		Ghi chú
			Dự kiến TG bắt đầu	Dự kiến thời gian kết thúc	
1	Thi công nhà làm việc Cty	21,15	Quý II/2021	Quý IV/2021	
2	Thi công nhà trực bảo vệ khu trung tâm và lán để xe khu	1,10	Quý I/2021	Quý II/2021	

TT	Tên công trình/hạng mục công trình	Giá gói thầu hoặc khái toán (tỷ đồng)	Kế hoạch thực hiện		Ghi chú
			Dự kiến TG bắt đầu	Dự kiến thời gian kết thúc	
	trạm XLNT của KCN				
3	Thi công các hạng mục phục cấp nước cho KCN (Bể chứa nước)	10,0	Quý I/2021	Quý III/2021	
4	San nền bổ sung lô B5, diện tích 3,7ha	16,0	Quý I/2021	Quý II/2021	
5	San nền lô B6, B7, diện tích 32,3ha (giai đoạn 1 thực hiện 1/2 khối lượng diện tích)	30,0	Quý III/2021	Quý IV/2021	
6	Thi công tuyến đường RD01-GĐ 2 chiều dài 01km	37,0	Quý II/2021	Quý IV/2021	
7	Thi công tuyến đường RD04-chiều dài 0,6 km	30,0	Quý I/2021	Quý IV/2021	
8	Xây dựng giai đoạn 2 của tuyến đường RD09.	8,00	Quý II/2021	Quý IV/2021	
9	Hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp phần tiếp giáp Quốc lộ 18 (đoạn đi qua khu công nghiệp)	10,0	Quý II/2021	Quý III/2021	
10	Hoàn thiện hạ tầng cây xanh một số tuyến đường trong KCN	2,00	Quý I/2021	Quý III/2021	
11	Di dời trạm bơm Đồng Cờ (Nguồn đền bù GPMB)	8,66	Quý III/2021	Quý IV/2021	
12	Xây dựng hệ thống thoát nước mưa phục vụ thoát nước cho nhà đầu tư tại lô B4, B5	2,814	Quý I/2021	Quý II/2021	
13	Hoàn thiện hồ điều hòa khu trạm xử lý nước thải của KCN	1,0	Quý I/2021	Quý III/2021	
14	Lắp đặt hệ thống camera quan sát phục vụ quản lý khu công nghiệp	0,5	Quý III/2021	Quý IV/2021	
15	Lắp đặt thiết bị kiểm tra phương tiện ra vào khu công nghiệp.	0,5	Quý III/2021	Quý IV/2021	
16	Hạng mục phụ trợ của khu trung tâm điều hành	6,0	Quý III/2021	Quý IV/2021	
17	Chi phí khác (Đền bù GPMB mộ, công trình hạ tầng, Tư vấn đầu tư xây dựng, QLDA, Chi phí KTCB khác...).	14,8	Quý I/2021	Quý IV/2021	
Tổng cộng:		199,524			

*** Nhu cầu sử dụng vốn đầu tư cho năm 2021:**

- Nhu cầu vốn cho đầu tư năm 2021 (ước giải ngân khoảng 70% giá trị đầu tư XDCB năm 2021) là: $70\% \times 199,524 \text{ tỷ đồng} = 139,7 \text{ tỷ đồng}$
- Thanh toán hợp đồng còn lại từ 2020 là: 24 tỷ đồng
- **Tổng nhu cầu sử dụng vốn của năm 2021 là: 163,7 tỷ đồng**

*** Cân đối nguồn vốn của Công ty năm 2021:**

- Vốn dư năm 2020 (31/12/2020): 230 tỷ đồng
- Vốn phát sinh năm 2021: Số tiền cho thuê cơ sở hạ tầng dự kiến thu được của các đơn vị thuê hạ tầng năm 2021 diện tích 70.000 m² (giá cho thuê dự kiến bình quân 62 USD/m², tỷ giá tạm tính 1 USD = 23.000 VNĐ) là: 99,82 tỷ đồng. Tạm tính thu được 90% giá trị hợp đồng là 89,84 tỷ.

Tổng vốn khả dụng ước tính năm 2021 là: **319,84 tỷ đồng**

*** Nguồn vốn còn lại sang năm 2022 là: 156,14 tỷ đồng**

3. Công tác GPMB:

Phối hợp Hội đồng GPMB thành phố Chí Linh giải quyết các tồn tại liên quan đến công tác GPMB:

- Di chuyển trạm bơm Đồng Cờ để có mặt bằng tiếp tục đầu tư hạ tầng tại lô B6 của khu công nghiệp.
- GPMB một phần diện tích mộ đang nằm trong lô đất B6, B7.
- Lập quy hoạch và xây dựng hệ thống mương thoát nước, trạm bơm tiêu úng của Khu công nghiệp để thực hiện việc tiêu thoát nước cho toàn bộ khu công nghiệp theo quy hoạch đã phê duyệt giai đoạn I (quy mô 200ha), định hướng quy hoạch mở rộng khu công nghiệp giai đoạn II (quy mô 350ha) và các khu vực dân cư lân cận.

II. Kế hoạch các chỉ tiêu tài chính năm 2021:

STT	Các chỉ tiêu tài chính	Đơn vị	Thực hiện 2020	Kế hoạch năm 2021	Tỉ lệ (%) T.hiện so với KH
1	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	37.064,86	118.218,08	
1.1	<i>Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh KCN</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>21.777,69</i>	<i>108.218,08</i>	
1.2	<i>Doanh thu từ hoạt động tài chính + Khác</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>15.287,17</i>	<i>10.000,00</i>	
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	24.029,31	64.919,85	
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	13.035,55	53.298,23	
4	Thuế TNDN (20%)	Triệu đồng	1.977,31	10.659,65	

STT	Các chỉ tiêu tài chính	Đơn vị	Thực hiện 2020	Kế hoạch năm 2021	Tỉ lệ (%) T.hiện so với KH
5	Lợi nhuận sau thuế kỳ này	Triệu đồng	11.058,24	42.638,58	
6	Kết chuyển lãi kỳ trước	Triệu đồng	1.257,09	1.086,61	
7	Tổng lợi nhuận chưa phân phối lũy kế kỳ này	Triệu đồng	12.315,33	43.725,20	
8	Phân phối lợi nhuận				
	- Trích quỹ đầu tư phát triển (5%)	Triệu đồng	615,77	2.186,26	
	- Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	Triệu đồng	190,00	1.196,00	
	Trích quỹ thưởng Người quản lý Doanh nghiệp (1 tháng lương)	Triệu đồng	65,00	110,00	
	- Chia cổ tức (Dự kiến tỷ lệ chia năm 2020 là 4 % và năm 2021 là 15%)	Triệu đồng	10.357,95	38.842,20	
	- Lợi nhuận để lại	Triệu đồng	1.086,61	1.390,73	
9	Nộp Ngân sách	Triệu đồng	2.333,87	11.659,65	
	- GTGT phải nộp	Triệu đồng			
	- Thuế TNDN phải nộp	Triệu đồng	1.977,31	10.659,65	
	- Các thuế khác	Triệu đồng	356,56	1.000,00	
10	Tỷ suất LN trước thuế trên doanh thu	%	35,17	45,08	
11	Tỷ suất LN trước thuế trên vốn điều lệ	%	5,03	20,58	

*** Ghi Chú:**

- Doanh thu năm 2021 được tính cụ thể như sau:
 - + Doanh thu của phần diện tích 77,94 ha đã cho thuê được lũy kế năm 2021.
 - + Doanh thu của phần diện tích 7 ha dự kiến cho thuê được trong năm 2021 sẽ hạch toán một lần; giá cho thuê dự kiến bình quân chưa có VAT là 62 USD/m², tỷ giá tạm tính là 1 USD = 23.000 VNĐ.
 - + Tổng diện tích lũy kế cho thuê được hết năm 2021 là 84,94 ha.

III. Kế hoạch tổ chức, lao động và tiền lương:

Để đáp ứng nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, Công ty xây dựng kế hoạch công tác tổ chức cán bộ và lao động tiền lương cụ thể, như sau:

1. Công tác tổ chức cán bộ:

Năm 2021, công tác tổ chức cán bộ tiếp tục biến động, công tác quản lý-vận hành-dịch vụ hạ tầng khu công nghiệp đi vào hoạt động. Mục tiêu củng cố bộ máy lãnh đạo quản lý điều hành, quản lý vận hành hạ tầng để hoạt động sản xuất luôn được ổn định. Công ty dự kiến bổ sung thêm nhân sự ở một số vị trí thiếu, thay thế ở một số bộ phận phòng, ban như sau:

- Ban Tổng giám đốc: 01 người (*Phó Tổng giám đốc*)
- Văn Phòng HĐQT: 01 lao động (*01 chuyên viên*).
- Phòng Tài chính- Kế toán: 02 lao động (*01 phó trưởng phòng và 01 chuyên viên*).
- Phòng TC-HC: 01 lao động (*01 chuyên viên*).
- Phòng KH-ĐT: 01 lao động (*01 trưởng phòng*).
- Ban Quản lý dự án số 1: 06 lao động.

Trong đó: + 01 lao động quản lý (*Giám đốc Ban*).

+ 01 lao động (*kỹ sư điện*).

+ 01 lao động (*kỹ sư môi trường*).

+ 01 lao động (*bảo vệ*).

+ 01 lao động (*công trình đô thị*).

+ 01 lao động (*xử lý nước thải, rác thải*).

Tổng lao động dự kiến: 12 người

2. Công tác tiền lương:

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy, lao động định biên, hệ thống thang lương, bảng lương Tập đoàn ban hành, mức lương tối thiểu vùng Nhà nước quy định. Công ty xây dựng phương án tiền lương trả cho người lao động năm 2021 gồm 2 phần lương chính và lương bổ sung.

Nguồn tiền lương được trích từ: Hoạt động đầu tư, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp.

- Tổng quỹ tiền lương dự kiến: 5.875.263.000 đồng.

Trong đó: + Quỹ lương Người quản lý: 1.393.796.000đồng.

+ Quỹ lương người lao động (*Lao động quản lý và người lao động*): 4.481.467.000 đồng.

- Tổng lao động định biên: 44 người (*06 Người quản lý và 38 Người lao động*).

- Lương bình quân tháng:

+ Lương bình quân của Người quản lý: 19.358.000 đồng/người.

+ Lương bình quân của Người lao động: 9.827.779 đồng/ người.

3. Công tác quản lý và điều hành.

Tiếp tục bổ sung hoàn thiện Nội quy, Quy chế, Chức năng nhiệm vụ các phòng ban để phát huy tối đa tính tích cực, năng động sáng tạo của mỗi CB. CNV trong Công ty. Tăng cường công tác quản lý tài chính, quản trị doanh nghiệp và đẩy mạnh công tác thu hút đầu tư để kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp đạt hiệu quả. Giám sát, kiểm tra chặt chẽ các công việc của dự án và đẩy nhanh tiến độ hoàn thành từng giai đoạn theo kế hoạch tổng thể đã đề ra.

Củng cố, ổn định công tác tổ chức. Bố trí sắp xếp các vị trí cán bộ lãnh đạo, phòng, ban chức năng phù hợp chuyên môn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn cho CB.CNV, đầu tư cơ sở vật chất cho các phòng, ban để nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

Duy trì và thực hiện nghiêm Nội quy, Quy chế, chế độ khen thưởng, kỷ luật của Công ty. Phát huy tinh thần tập trung dân chủ trong công tác lãnh đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong Công ty. Đảm bảo an ninh trật tự trong cơ quan, giữ gìn và bảo vệ tài sản của công cũng như tài sản của cá nhân, chống tham ô, lãng phí, biểu hiện tiêu cực, các tệ nạn xã hội. Xây dựng nội bộ đoàn kết.

Đảm bảo nghĩa vụ đối với Nhà nước, quyền lợi của các cổ đông, phát triển doanh nghiệp, duy trì việc làm, thu nhập ổn định và thực hiện đầy đủ các quyền lợi cho người lao động, khắc phục những tồn tại, nhược điểm của năm 2020.

4. Công tác đoàn thể:

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền và thúc đẩy các phong trào đoàn thể phát triển góp phần phấn đấu hoàn thành mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Tiếp tục giữ vững Chi bộ trong sạch vững mạnh, Công đoàn vững mạnh, Chi đoàn vững mạnh xuất sắc, cơ quan văn hoá.

IV. Kiến nghị:

Đại hội cổ đông cho phép Hội đồng quản trị Công ty, ban điều hành Công ty chủ động linh hoạt trong công tác đầu tư xây dựng cơ bản phù hợp với diễn biến thị trường và tình hình dịch bệnh.

- Đề xuất thành lập bộ phận chuyên trách ban hành với nhiều phương thức linh hoạt; chấp thuận chi trả hoá hồng môi giới.

- Cho phép sử dụng nguồn tiền nhàn rỗi, cân đối gửi có kỳ hạn hợp lý tại các tổ chức tín dụng.

- Sớm ban hành mô hình quản lý và bộ quy chuẩn trong công tác quản lý vận hành hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp.

Trên đây là báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, dự kiến kế hoạch năm 2021, Công ty xin báo cáo và trình Hội đồng quản trị./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như K/g;
- Lưu: VT, P.KHĐT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Văn Thiệu



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM**



Số: /BC-HĐQT

Hải Dương, ngày tháng 6 năm 2021

DỰ THẢO

BÁO CÁO

KIỂM ĐIỂM CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH NĂM 2020 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

KÍNH GỬI: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ hoạt động Công ty, Hội đồng quản trị xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về kết quả công tác chỉ đạo điều hành hoạt động năm 2020 và Phương hướng hoạt động năm 2021 của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam như sau:

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ quản lý, xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và giám sát công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật, Điều lệ hoạt động và các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã thông qua. Các kết quả chính như sau:

I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị trong năm 2020:

1. Công tác thực hiện đầu tư và kinh doanh dự án KCN Cộng Hòa:

Thực hiện theo các thỏa thuận của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo Ban Tổng giám đốc khẩn trương triển khai các gói thầu trong kế hoạch để sớm hoàn thiện các công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, phục vụ cho công tác thu hút các Nhà đầu tư. Các công việc từ thiết kế, thẩm định thiết kế, đấu thầu lựa chọn nhà thầu tư vấn, nhà thầu thi công, tổ chức thi công công trình... đều được Công ty thực hiện với tinh thần khẩn trương đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Nhà nước. Các công trình đã thi công xong đều được thuê kiểm toán để làm căn cứ trình HĐQT phê duyệt quyết toán để đưa vào tài sản khấu hao. Các công trình đang thi công đều được nghiệm thu đảm bảo đúng quy trình quản lý chất lượng quy định.

Với tinh thần chủ động trong công tác đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật nên Công ty đã tạo được nguồn đất thương phẩm sẵn sàng phục vụ thu hút đầu tư khoảng 30ha. Tuy nhiên do những diễn biến hết sức phức tạp và nguy hiểm của dịch bệnh Covid-19 xảy ra từ thời điểm đầu năm 2020 và tái bùng phát nhiều lần trong năm nên



đã ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể: các nhà Đầu tư nước ngoài không thể tiếp cận trực tiếp địa bàn Khu công nghiệp để nghiên cứu, xem xét đầu tư vì phải tuân thủ nghiêm ngặt theo các quy định phòng chống dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam như: hạn chế nhập cảnh và phải thực hiện cách ly khi nhập cảnh vào Việt Nam, đặc biệt là đối với các Nhà đầu tư đến từ những quốc gia có dịch bệnh đang bùng phát. Vì vậy, mặc dù đã rất tích cực chủ động trong việc đa dạng hóa công tác xúc tiến đầu tư nhưng năm 2020 Công ty chưa thu hút thêm được nhà đầu tư mới dẫn đến kết quả kinh doanh của Công ty không đạt kế hoạch đề ra cả về doanh thu và lợi nhuận.

2. Các hoạt động của Hội đồng quản trị:

Với mục tiêu củng cố nội lực, tạo đà phát triển vững chắc cho những năm tiếp theo cũng như khẳng định thương hiệu của Công ty, Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi với Ban Tổng giám đốc để tháo gỡ những tồn tại, vướng mắc trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty, đồng thời phân tích, đánh giá và hoạch định chiến lược phù hợp cho từng giai đoạn để giúp Công ty phát triển bền vững. Bên cạnh đó, Ban Tổng giám đốc cùng với toàn thể CB.CNV Công ty luôn nêu cao ý thức kỷ luật, trách nhiệm trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ngoài việc nhanh chóng hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật của Khu công nghiệp để thu hút đầu tư, Hội đồng quản trị cũng tập trung rà soát, nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoạt động, cũng như các Quy định, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo hướng hiện đại, văn minh, khoa học và phù hợp với tình hình thực tiễn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý điều hành của Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Công tác kiểm tra, giám sát Ban Tổng giám đốc và các Cán bộ quản lý:

- Năm 2020, bên cạnh việc thường xuyên triển khai công tác kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ hoạt động và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị cũng luôn tạo điều kiện thuận lợi nhất để Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

- Qua công tác kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị nhận thấy:

+ Ngay từ đầu năm, Ban Tổng giám đốc Công ty đã chủ động và cố gắng đẩy mạnh hoạt động thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp nhưng do dịch bệnh Covid-19 bùng phát liên tục và kéo dài đến hết năm nên kết quả kinh doanh của Công ty không hoàn thành theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



+ Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng do diễn biến của dịch Covid-19 phát triển nhanh và nghiêm trọng dẫn tới công tác thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật của khu công nghiệp bị chậm so với tiến độ đề ra (do thực hiện chỉ đạo của Chính phủ về cách ly, giãn cách xã hội).

+ Ban Tổng giám đốc đã có nhiều cố gắng để triển khai các hoạt động đối ngoại với chính quyền địa phương nhằm nâng cao quy mô và vị thế của Công ty trong định hướng phát triển dài hạn (mở rộng KCN giai đoạn 2; Điều chỉnh quy hoạch KCN giai đoạn 1..).

II. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020:

1. Về công tác thu hút đầu tư:

Do dịch bệnh Covid-19 xảy ra từ đầu năm 2020 và tái bùng phát nhiều lần trong năm với những diễn biến hết sức phức tạp và nguy hiểm nên đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Tính đến thời điểm (31/12/2020) Công ty đã thu hút được 07 nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào Khu công nghiệp với tổng diện tích đã cho thuê 77,94 ha (đạt 53,55% tỷ lệ lấp đầy).

2. Về kết quả sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020 (ĐVT: Đồng)	Thực hiện (ĐVT: Đồng)		Tăng trưởng (%)	
		Năm 2020	Năm 2019	So với Kế hoạch	So với Năm 2019
Lợi nhuận trước thuế	40.022.310.000	13.035.553.805	34.723.763,286	32,57	37,54
Lợi nhuận sau thuế	32.017.850.982	11.058.241.928	27.606.420.250	34,54	40,06

Trong năm 2020, mặc dù Ban lãnh đạo Công ty đã rất nỗ lực và cố gắng đẩy mạnh công tác quảng bá, xúc tiến thu hút đầu tư vào KCN Cộng Hòa nhưng do những diễn biến và ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Covid đã khiến các nhà Đầu tư nước ngoài không thể tiếp cận trực tiếp địa bàn Khu công nghiệp để nghiên cứu, xem xét đầu tư vì phải tuân thủ nghiêm ngặt theo quy định phòng chống dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam như: hạn chế nhập cảnh và phải thực hiện cách ly khi nhập cảnh vào Việt Nam, đặc biệt là đối với các Nhà đầu tư đến từ những quốc gia có dịch bệnh đang bùng phát. Từ những yếu tố nêu trên nên kết quả kinh doanh năm 2020 Công ty không đạt kế hoạch đề ra cả về doanh thu và lợi nhuận.



3. Công tác thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật của KCN:

T T	Tên công trình/hạng mục công trình	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện kế hoạch	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch
Hạng mục thực hiện kế hoạch năm 2020				
1	Thi công nhà làm việc Công ty	Quý I/2020 đến Quý IV/2020	Đang trong quá trình thẩm định BVTC	Đạt 40% kế hoạch
2	Thi công các hạng mục phục cấp nước cho KCN (Bể chứa nước)	Quý III/2020 đến Quý IV/2020	Đang trong quá trình thi công dở dang	Đạt 70% kế hoạch
3	San nền bổ sung lô B5, diện tích 3,7ha	Quý III/2020 đến Quý IV/2020	Hoàn thành	Đạt 100% kế hoạch
4	San nền lô B6, B7, diện tích 32,3ha	Quý III/2020 đến Quý IV/2020	Đang thực hiện giai đoạn thiết kế	Đạt 20% kế hoạch
5	Thi công tuyến đường RD04-chiều dài 0,6 km	Quý III/2020 đến Quý IV/2020	Đang trong quá trình thẩm định BVTC	Đạt 20% kế hoạch
6	Thi công tuyến đường RD01-GĐ 2 chiều dài 01km	Quý III/2020 đến Quý IV/2020	Đã thực hiện xong bước thiết kế	Đạt 30% kế hoạch
7	Trồng cây xanh một số tuyến đường trong khu công nghiệp (RD05, RD07, RD09)	Quý III/2020 đến Quý IV/2020	Hoàn thành	Đạt 100% kế hoạch
8	Đào kênh điều tiết nước chống ngập cục bộ cho khu công nghiệp	Quý I/2020 đến Quý II/2020	Hoàn thành	Đạt 100% kế hoạch
9	Mở rộng mặt bằng khu công nghiệp phần tiếp giáp Quốc lộ 18 (đoạn đi qua khu công nghiệp)	Quý II/2020 đến Quý III/2020	Đã thực hiện xong bước thẩm định BVTC	Đạt 60% kế hoạch
10	Chi phí khác (Đền bù GPMB mộ, công trình hạ tầng, thuê tư vấn lập quy hoạch mở rộng khu công nghiệp GĐ1, GĐ2)	Quý III/2020 đến Quý IV/2020	Đang thực hiện dở dang	Đạt 20% kế hoạch

*** Phân tích yếu tố ảnh hưởng đến việc chậm triển khai một số hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật:**

- Việc một số hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật chậm triển khai trong năm 2020 là do các nguyên nhân khách quan và chủ quan (*phần này được giải trình cụ thể trong nội dung dự thảo Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty*).

III. Phương hướng hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty:

1. Định hướng trung và dài hạn



Bước sang năm 2021, ngay từ những tháng đầu năm dịch bệnh Covid-19 lại bùng phát đợt dịch lớn nhất từ trước đến nay tại một số địa phương trên cả nước với các biến chủng virus mới có khả năng lây lan nhanh hơn trong cộng đồng. Trên địa bàn Khu công nghiệp Cộng Hòa cũng đã xuất hiện ổ dịch tại một Nhà máy của Nhà đầu tư đang sản xuất tại Khu công nghiệp. Sự việc này đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ thi công các hạng mục thi công của các nhà đầu tư khác cũng như công tác thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của Khu công nghiệp. Ổ dịch này đã gây tổn hại rất lớn cho quá trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương cũng như công tác thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp Cộng Hòa. Theo các đánh giá và nhận định của Chính phủ, dịch bệnh Covid-19 sẽ còn tiếp tục kéo dài, có thể đến hết năm 2022 do trong nước vẫn tiếp tục xuất hiện các ca virus mới, trong khi đó việc triển khai tiêm vắc xin mới chỉ áp dụng cho số lượng nhỏ các đối tượng ưu tiên, việc tiêm chủng mở rộng cho toàn bộ người dân trên phạm vi cả nước chưa thể thực hiện do lượng Vacxin chưa đủ cung cấp. Theo đánh giá dự báo của Ban lãnh đạo Công ty: kết quả kinh doanh năm 2021 sẽ rất khó khăn để đạt được kế hoạch đề ra.

Vì vậy, mục tiêu chính của Hội đồng quản trị trong năm 2021 là tiếp tục chỉ đạo Ban Tổng giám đốc tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn Khu công nghiệp theo chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền nhằm hạn chế thấp nhất sự lây lan dịch bệnh trong cộng đồng; Tiếp tục triển khai xây dựng, hoàn thiện các công trình hạ tầng kỹ thuật của Khu công nghiệp và hoạch định các phương án, chiến lược nhằm tăng cường hiệu quả thu hút đầu tư, từ đó đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất cho Công ty cũng như đảm bảo quyền và lợi ích cho các Cổ đông.

Công ty xây dựng một số chỉ tiêu cơ bản của kế hoạch năm 2021 như sau:

a. Kế hoạch thu hút đầu tư và đầu tư hạ tầng KCN Cộng Hòa:

- **Kế hoạch thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp:** Dự kiến diện tích thu hút nhà đầu tư thuê hạ tầng trong năm: **07 ha.**

- Kế hoạch đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp:

TT	Tên công trình/hạng mục công trình	Giá gói thầu hoặc khái toán (tỷ đồng)	Kế hoạch thực hiện		Ghi chú
			Dự kiến thời gian bắt đầu	Dự kiến thời gian kết thúc	
1	Thi công nhà làm việc Cty	21,15	Quý II/2021	Quý IV/2021	
2	Thi công nhà trực bảo vệ khu trung tâm và lán để xe khu trạm XLNT của KCN	1,10	Quý I/2021	Quý II/2021	



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM**

TT	Tên công trình/hạng mục công trình	Giá gói thầu hoặc khái toán (tỷ đồng)	Kế hoạch thực hiện		Ghi chú
			Dự kiến thời gian bắt đầu	Dự kiến thời gian kết thúc	
3	Thi công các hạng mục phục cấp nước cho KCN (Bể chứa nước)	10,0	Quý I/2021	Quý III/2021	
4	San nền bổ sung lô B5, diện tích 3,7ha	16,0	Quý I/2021	Quý II/2021	
5	San nền lô B6, B7, diện tích 32,3ha (giai đoạn 1)	30,0	Quý III/2021	Quý IV/2021	Đề xuất giai đoạn 1 thực hiện 1/2 khối lượng (đã lập 60 tỷ)
6	Thi công tuyến đường RD01-GĐ 2 chiều dài 01km	37,0	Quý II/2021	Quý IV/2021	
7	Thi công tuyến đường RD04- chiều dài 0,6 km	30,0	Quý I/2021	Quý IV/2021	<i>Điều chỉnh giảm do điều chỉnh lại quy hoạch</i>
8	Xây dựng giai đoạn 2 của tuyến đường RD09.	8,00	Quý II/2021	Quý IV/2021	
9	Hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp phần tiếp giáp Quốc lộ 18 (đoạn đi qua khu công nghiệp)	10,0	Quý II/2021	Quý III/2021	
10	Hoàn thiện hạ tầng cây xanh một số tuyến đường trong KCN	2,00	Quý I/2021	Quý III/2021	
11	Di dời trạm bơm Đồng Cời (Nguồn đền bù GPMB)	8,66	Quý III/2021	Quý IV/2021	
12	Xây dựng hệ thống thoát nước mưa phục vụ thoát nước cho nhà đầu tư tại lô B4, B5	2,814	Quý I/2021	Quý II/2021	
13	Hoàn thiện hồ điều hòa khu trạm xử lý nước thải của KCN	1,0	Quý I/2021	Quý III/2021	
14	Lắp đặt hệ thống camera quan sát phục vụ quản lý khu công nghiệp	0,5	Quý III/2021	Quý IV/2021	
15	Lắp đặt thiết bị kiểm tra phương tiện ra vào khu công nghiệp.	0,5	Quý III/2021	Quý IV/2021	
16	Hạng mục phụ trợ của khu trung tâm điều hành	6,0	Quý III/2021	Quý IV/2021	



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM**

TT	Tên công trình/hạng mục công trình	Giá gói thầu hoặc khái toán (tỷ đồng)	Kế hoạch thực hiện		Ghi chú
			Dự kiến thời gian bắt đầu	Dự kiến thời gian kết thúc	
17	Chi phí khác (Đền bù GPMB mộ, công trình hạ tầng, Tư vấn đầu tư xây dựng, QLDA, Chi phí KTCB khác...).	14,8	Quý I/2021	Quý IV/2021	
Tổng cộng:		199,524			

2. Kế hoạch các chỉ tiêu tài chính năm 2021:

STT	Các chỉ tiêu tài chính	Đơn vị	Thực hiện 2020	Kế hoạch năm 2021	Tỉ lệ (%) T.hiện so với KH
1	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	37.064,86	118.218,08	
1.1	<i>Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh KCN</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>21.777,69</i>	<i>108.218,08</i>	
1.2	<i>Doanh thu từ hoạt động tài chính + Khác</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>15.287,17</i>	<i>10.000,00</i>	
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	24.029,31	64.919,85	
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	13.035,55	53.298,23	
4	Thuế TNDN (20%)	Triệu đồng	1.977,31	10.659,65	
5	Lợi nhuận sau thuế kỳ này	Triệu đồng	11.058,24	42.638,58	
6	Kết chuyển lãi kỳ trước	Triệu đồng	1.257,09	1.086,61	
7	Tổng lợi nhuận chưa phân phối lũy kế kỳ này	Triệu đồng	12.315,33	43.725,20	
8	Phân phối lợi nhuận				
	- Trích quỹ đầu tư phát triển (5%)	<i>Triệu đồng</i>	<i>615,77</i>	<i>2.186,26</i>	
	- Trích quỹ phúc lợi	<i>Triệu đồng</i>	<i>190,00</i>	<i>1.196,00</i>	
	<i>Trích quỹ thưởng Người quản lý Doanh nghiệp</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>65,00</i>	<i>110,00</i>	



STT	Các chỉ tiêu tài chính	Đơn vị	Thực hiện 2020	Kế hoạch năm 2021	Tỉ lệ (%) T.hiện so với KH
	- Chia cổ tức (Dự kiến tỷ lệ chia năm 2020 là 4% và năm 2021 là 15%)	Triệu đồng	10.357,95	38.842,20	
	- Lợi nhuận để lại	Triệu đồng	1.086,61	1.390,73	
9	Nộp Ngân sách	Triệu đồng	2.333,87	11.659,65	
	- GTGT phải nộp	Triệu đồng			
	- Thuế TNDN phải nộp	Triệu đồng	1.977,31	10.659.65	
	- Các thuế khác	Triệu đồng	356,56	1.000,00	
10	Tỷ suất LN trước thuế trên doanh thu	%	35,17	45,08	
11	Tỷ suất LN trước thuế trên vốn điều lệ	%	5,03	20,58	

*** Ghi Chú:**

- Doanh thu năm 2021 được tính cụ thể như sau:
 - + Doanh thu của phần diện tích 77,94 ha đã cho thuê được lũy kế năm 2021.
 - + Doanh thu của phần diện tích 7 ha dự kiến cho thuê được trong năm 2021 sẽ hạch toán một lần; giá cho thuê dự kiến bình quân chưa có VAT là 62 USD/m², tỷ giá tạm tính là 1 USD = 23.000 VNĐ.
 - + Tổng diện tích lũy kế cho thuê được hết năm 2021 là 84,94 ha.

3. Công tác giám sát, chỉ đạo điều hành:

Trong năm 2021 Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục tổ chức quản lý và định hướng hoạt động để Ban Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ theo đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời hoạch định sẵn các chiến lược phát triển trong thời gian tiếp theo nhằm mang lại hiệu quả đầu tư cho Công ty và các cổ đông.

- Định kỳ hàng tháng, Hội đồng quản trị tổ chức họp lãnh đạo chủ chốt Công ty để nghe Ban điều hành báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh, qua đó tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và chỉ đạo Ban Tổng giám đốc trong việc tổ chức triển khai thực hiện các gói thầu theo đúng tiến độ và kế hoạch đã được Hội đồng quản trị và Đại



hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 phê duyệt nhằm đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng KCN, đáp ứng các yêu cầu của Nhà đầu tư.

- Chỉ đạo Ban điều hành liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ và các Quy chế của Công ty theo các quy định của pháp luật hiện hành sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

4. Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực:

Với mục tiêu đáp ứng nhanh, kịp thời các yêu cầu trong tình hình mới, Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục chỉ đạo Ban Tổng giám đốc kiểm tra, rà soát toàn bộ lực lượng nhân sự của Công ty, để triển khai công tác tuyển dụng mới cũng như bố trí, sắp xếp, điều chỉnh lại nhân sự của các Phòng, Ban, để từ đó đảm bảo từng cá nhân phát huy được phẩm chất chuyên môn cao nhất nhằm nâng cao hiệu suất, hiệu quả công việc. Bên cạnh đó, để nâng cao trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo Ban điều hành bố trí cử CB.CNV đi học các khóa chuyên sâu về nghiệp vụ chuyên môn như: công tác đấu thầu; quản lý, giám sát chất lượng công trình

Trên đây là báo cáo kiểm điểm công tác chỉ đạo điều hành năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phát triển đô thị và khu công nghiệp Cao su Việt Nam.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Tôi xin chân thành cảm ơn sự cố gắng, nỗ lực của toàn thể CB.CNV Công ty, sự tin tưởng và hỗ trợ của Quý cổ đông, các Nhà đầu tư đối với Công ty trong thời gian vừa qua và mong tiếp tục nhận được sự quan tâm hỗ trợ nhiều hơn nữa trong năm 2021 để Công ty hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Ban Tổng giám đốc;
- Lưu: VT, VP.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Trung Thái



BAN KIỂM SOÁT

Số: /BC- BKS

Hải Dương, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH
HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

DỰ THẢO

Kính gửi:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty;
- Hội đồng quản trị Công ty.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ hoạt động Công ty CP Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán và thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên về các hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 như sau:

PHẦN A: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

I. Hoạt động của ban kiểm soát năm 2020

1. Nhân sự của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên gồm: 01 Trưởng Ban kiểm soát làm chuyên trách trực thuộc Công ty, 02 thành viên còn lại hoạt động kiêm nhiệm (01 thành viên của Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam và 01 thành viên của Công ty TNHH cao su Lộc Ninh).

Trong năm 2020, nhân sự Ban kiểm soát có thay đổi, miễn nhiệm chức danh TBKS đối với bà Nguyễn Thị Hương đồng thời bổ nhiệm Bà Vũ Thị Thu Hà làm TBKS ngày 24/06/2020.

2. Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2020, Ban kiểm soát Công ty đã triển khai 4 cuộc họp bao gồm 1 cuộc họp trực tiếp các thành viên Ban kiểm soát bầu chức danh trưởng ban kiểm soát và 3 cuộc họp xin ý kiến bằng văn bản đánh giá hoạt động của công ty các quý và năm 2020.

Ban kiểm soát hoạt động độc lập trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được phê chuẩn, cùng với những nhiệm vụ được đặt ra trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ

đông năm 2020. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020 tập trung ở một số hoạt động chủ yếu sau đây:

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ Điều lệ, Luật doanh nghiệp, pháp luật nhà nước; tình hình thực hiện và tuân thủ Quy chế, Nghị quyết, Quyết định, của HĐQT Tập đoàn có liên quan đến hoạt động của Người đại diện phần vốn VRG, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc VRG

- Kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hàng quý và năm.

- Kiểm tra Báo cáo Tài chính, báo cáo tài chính năm 2019 và báo cáo các quý năm 2020, 6 tháng và báo cáo năm 2020 trước soát xét và sau soát xét của đơn vị kiểm toán.

- Kiểm tra, giám sát Theo dõi tiến độ thực các gói thầu xây dựng hạ tầng thực hiện năm 2020; kiểm tra công tác kiểm kê tài sản cuối năm, theo dõi các khoản công nợ đến hạn và quá hạn, xem xét các khoản Công ty đã Đầu tư, quản lý dòng tiền, tình hình quản lý và sử dụng vốn....

- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi cho cổ đông;

- Tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và Lãnh đạo Công ty khi được mời tham dự. Nắm bắt được tình hình hoạt động SXKD, định hướng và chủ trương điều hành, việc tuân thủ các quy định của pháp luật và thực thi chủ trương mà Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông đề ra;

- Thực hiện đầy đủ báo cáo định kỳ với cổ đông lớn Tập đoàn và ban kiểm soát Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam kết hợp với Công ty tổ chức tốt Đại hội đồng cổ đông năm 2020 và các công việc khác liên quan.

- Về quan hệ đối với cổ đông của Công ty: Ban kiểm soát ngày càng nhận được phản hồi và ý kiến trao đổi của cổ đông về tình hình SXKD của Công ty, tình hình chia cổ tức và thanh toán cổ tức, lưu ký chứng khoán.... Qua đó, Trưởng ban kiểm soát đã giải đáp cho cổ đông về tình hình hoạt động SXKD và những vướng mắc trong quá trình lưu ký chứng khoán cho cổ đông.

3. Đánh giá các kết quả đạt được Ban Kiểm soát năm 2020

Năm 2020 BKS đã thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và thẩm quyền tuân thủ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ các thành viên BKS đã hoàn thành nhiệm vụ được phân công theo đúng chức năng, nhiệm vụ và đảm bảo tính độc lập, khách quan và trung thực.

4. Đánh giá các mặt hạn chế của Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát có 3 thành viên trong đó 2 thành viên Ban kiểm soát ở xa và hoạt động kiêm nhiệm nên hoạt động của Ban kiểm soát còn hạn chế. Công tác kiểm soát chủ yếu do Trưởng ban đảm nhiệm, tổng hợp giám sát. Các thành viên thường xuyên trao đổi mọi thông tin bằng văn bản và truyền đạt đến các thành viên qua Email và điện thoại nên đôi lúc có độ

trễ nhất định. Mặt khác, Đôi lúc trong hoạt động kiểm soát vẫn còn có sự rụt rè, chưa thực sự chủ động để có ý kiến phản ánh kịp thời về những tồn tại của Công ty với HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

II. Đánh giá hoạt động quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc công ty năm 2020

1. Hoạt động quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị

*** Những kết quả đạt được :**

- Hội đồng quản trị Công ty có 08 thành viên, tất cả các thành viên hoạt động kiêm nhiệm. Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

- Năm 2020 Hội đồng quản trị đã ban hành 06 nghị quyết và 71 Quyết định liên quan. Các văn bản của HĐQT ban hành luôn tuân thủ Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông. HĐQT năm 2020 đã tổ chức 3 phiên họp HĐQT với nhiều hình thức khác nhau : Họp trực tiếp, lấy ý kiến bằng văn bản, các thành viên HĐQT tham gia các phiên họp đầy đủ với tinh thần trách nhiệm cao.

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và quản lý các hoạt động của Công ty thông qua các Nghị quyết, quyết định và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Triển khai Nghị quyết HĐQT và Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020, Thay mặt HĐQT, Chủ tịch trực tiếp chỉ đạo ban TGD giám sát các mặt hoạt động của Công ty, giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD và thực thi pháp luật. Thực hiện công tác xây dựng hạ tầng, tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình thực hiện Đầu tư xây dựng, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các hạng mục công trình, điều chỉnh những điểm chưa phù hợp trong công tác thiết kế và xem xét lợi ích kinh tế lâu dài để hoạch định các bước đi trong tương lai của KCN Cộng Hòa.

- HĐQT luôn chỉ đạo khẩn trương và kịp thời công tác phòng chống dịch Covid-19 đảm bảo an toàn cho người lao động trong Công ty cũng như trên địa bàn KCN Cộng Hòa, khắc phục khó khăn để ổn định sản xuất kinh doanh.

- Hội đồng quản trị luôn sát sao cùng với Ban điều hành Công ty làm việc trực tiếp với UBND tỉnh, chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng có liên quan để tháo gỡ các khó khăn trong việc điều chỉnh quy hoạch cục bộ của KCN, mở rộng KCN giai đoạn 2, thu hút đầu tư, di dời mỏ mả...

*** Những hạn chế cần khắc phục.**

- Do các thành viên HĐQT đều là kiêm nhiệm và ở xa Công ty nên có một số việc chỉ đạo có độ trễ nhất định.

2. Hoạt động quản lý và điều hành của Ban Tổng giám đốc

*** Những kết quả đạt được:**

- Ban Tổng giám đốc đã thực hiện tốt công tác điều hành, quản lý tại Công ty. Vai trò chỉ đạo, điều hành, quản lý thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội Đồng cổ đông năm 2020 đề ra.

- Tình hình dịch bệnh Covid -19 năm 2020 đã ảnh hưởng lớn đến tình hình SXKD của Công ty làm cho việc công tác thu hút đầu tư gặp khó khăn, triển khai xây dựng các hạng mục bị chậm lại. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho từng thành viên, trên cơ sở đó đã chỉ đạo sâu sát tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD của công ty và khắc phục khó khăn tạo ra lợi nhuận sau thuế cho Công ty hơn 11 tỷ đồng có thể chia cổ tức khoảng 4% cho Cổ đông.

- Ban điều hành đã điều hành, chỉ đạo Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, chế độ chính sách cho người lao động.

*** Những hạn chế cần khắc phục:**

- Ban Tổng giám đốc chưa hoàn thành các chỉ tiêu SXKD mà ĐHĐCĐ năm 2020 đề ra.

- Đội ngũ cán bộ chuyên môn tham mưu, giúp việc cho Ban tổng giám đốc còn thiếu nên dẫn đến công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc đôi khi chưa kịp thời và hiệu quả.

3. Đánh giá sự phối hợp hoạt động của Ban kiểm soát và HĐQT, Ban điều hành và cổ đông

- Năm 2020 Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc.

- Việc phối hợp cũng như trao đổi thông tin giữa BKS và HĐQT, Ban Tổng giám đốc được duy trì thường xuyên thông qua hình thức trao đổi trực tiếp, gửi văn bản và thư điện tử.

- Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát nhận được sự phối hợp và hỗ trợ của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cũng như các Phòng, ban nghiệp vụ chuyên môn để Ban kiểm soát thực hiện đúng chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ.

III. Báo cáo đánh giá của Ban kiểm soát về Kết quả thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

1. Về công tác xây dựng cơ bản:

Trong những năm qua, theo ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam và nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, quyết định của HĐQT về kế hoạch triển khai đầu tư hạ tầng khu công nghiệp. Với chủ trương là đầu tư cuốn chiếu, khi có Nhà đầu tư vào thuê lại đất và hạ tầng khu công nghiệp thì sẽ đầu tư tiếp để đảm bảo cân đối nguồn tài chính... Tuy nhiên, năm 2020 do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 diễn biến phức tạp cả ở trong nước và trên toàn thế giới nên Công ty đã chủ động điều chỉnh một số chỉ tiêu đầu tư xây dựng hạ tầng nhằm tăng hiệu quả đầu tư của dự án nên

tiến độ thực hiện các hạng mục đầu tư năm 2020 bị chậm lại, Công ty chưa hoàn thành kế hoạch mà ĐH đồng cổ đông đặt ra, cụ thể như sau:

T T	Tên công trình/hạng mục công trình	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện kế hoạch	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch
Hạng mục thực hiện kế hoạch năm 2020				
1	Thi công nhà làm việc Công ty	Quý I/2020 đến Quý IV/2020	Đang trong quá trình thẩm định BVTC	Đạt 40% kế hoạch
2	Thi công các hạng mục phục cấp nước cho KCN (Bể chứa nước)	Quý III/2020 đến Quý IV/2020	Đang trong quá trình thi công dở dang	Đạt 70% kế hoạch
3	San nền bổ sung lô B5, diện tích 3,7ha	Quý III/2020 đến Quý IV/2020	Hoàn thành	Đạt 100% kế hoạch
4	San nền lô B6, B7, diện tích 32,3ha	Quý III/2020 đến Quý IV/2020	Đang thực hiện giai đoạn thiết kế	Đạt 20% kế hoạch
5	Thi công tuyến đường RD04- chiều dài 0,6 km	Quý III/2020 đến Quý IV/2020	Đang trong quá trình thẩm định BVTC	Đạt 20% kế hoạch
6	Thi công tuyến đường RD01- GĐ 2 chiều dài 01km	Quý III/2020 đến Quý IV/2020	Đã thực hiện xong bước thiết kế	Đạt 30% kế hoạch
7	Trồng cây xanh một số tuyến đường trong khu công nghiệp (RD05, RD07, RD09)	Quý III/2020 đến Quý IV/2020	Hoàn thành	Đạt 100% kế hoạch
8	Đào kênh điều tiết nước chống ngập cục bộ cho khu công nghiệp	Quý I/2020 đến Quý II/2020	Hoàn thành	Đạt 100% kế hoạch
9	Mở rộng mặt bằng khu công nghiệp phần tiếp giáp Quốc lộ 18 (đoạn đi qua khu công nghiệp)	Quý II/2020 đến Quý III/2020	Đã thực hiện xong bước thẩm định BVTC	Đạt 60% kế hoạch
10	Chi phí khác (Đền bù GPMB mộ, công trình hạ tầng, thuê tư vấn lập quy hoạch mở rộng khu công nghiệp GĐ1, GĐ2)	Quý III/2020 đến Quý IV/2020	Đang thực hiện dở dang	Đạt 20% kế hoạch

*** Phân tích yếu tố ảnh hưởng đến việc chậm triển khai một số hạng mục của năm kế hoạch 2020:**

Nhà làm việc Công ty:

Để sử dụng tối đa diện tích khu đất nhà văn phòng làm việc và đất dịch vụ, qua đó tăng nguồn thu, tăng hiệu quả kinh tế cho Công ty, Công ty xét thấy cần thiết phải điều chỉnh mục tiêu, quy hoạch và công năng sử dụng của khu trung tâm trong đó có vị trí và quy mô đầu tư của Nhà làm việc. Thời gian điều chỉnh phụ thuộc vào thời gian quy định

của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương. Tính đến hết 31/12/2020 Công trình đang hoàn thiện xong bước thiết kế bản vẽ thi công, đang trong giai đoạn thẩm định và phê duyệt.

Các hạng mục phục vụ cấp nước cho khu công nghiệp (Bể chứa nước):

Các hạng mục phục vụ cấp nước cho khu công nghiệp (Bể chứa nước) đã được Công ty triển khai theo đúng kế hoạch đã được Tập đoàn thỏa thuận đến giai đoạn chuẩn bị thi công. Sau khi đánh giá lại tổng thể quy hoạch của khu công nghiệp, Công ty nhận thấy nếu xây dựng tại vị trí cũ sẽ ảnh hưởng tới quy hoạch điều chỉnh của khu công nghiệp cũng như quy hoạch theo định hướng xin mở rộng khu công nghiệp giai đoạn 2 quy mô 410ha. Do đó Công ty đang triển khai các thủ tục xin điều chỉnh lại vị trí và quy mô đầu tư của hạng mục này để đảm bảo kết nối đồng bộ của các hạng mục hạ tầng sau khi điều chỉnh quy hoạch. Tính đến hết 31/12/2020 công trình đã đủ điều kiện để thi công.

San nền lô B6, B7:

Do trong diện tích của lô đất vẫn còn khoảng 300 ngôi mộ nằm rải rác trong khu vực lô đất chưa được di dời, vì vậy Công ty chưa thể triển khai thực hiện việc san lấp mặt bằng lô đất này để thu hút đầu tư. Tính đến hết 31/12/2020 Công ty đang tập trung phối hợp với Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng của Thành phố Chí Linh để thực hiện di dời số mộ trên.

Tuyến đường RD04:

Do phải điều chỉnh quy hoạch cục bộ thiết kế cơ sở của Khu công nghiệp để đáp ứng nhu cầu thuê hạ tầng của các nhà đầu tư cũng như phù hợp định hướng mở rộng KCN giai đoạn 2 nên Công ty chưa thể triển khai thi công hạng mục công trình này. Tính đến hết 31/12/2020 đơn vị tư vấn thiết kế đang hoàn chỉnh phương án trình Chủ đầu tư và cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Tuyến đường RD01 giai đoạn 2:

Do ảnh hưởng của dịch Covid 19, cùng với việc chưa có nhà đầu tư thuê hạ tầng tại khu vực này nên Công ty đã chủ động chậm triển khai việc thi công để cân đối nguồn tài chính Công ty đảm bảo kinh doanh hiệu quả. Tính đến hết 31/12/2020 Công trình đang hoàn thiện hồ sơ phê duyệt giá trị gói thầu thi công.

Mở rộng mặt bằng khu công nghiệp phần tiếp giáp Quốc lộ 18 (đoạn đi qua khu công nghiệp):

Do công trình xây dựng kết hợp sử dụng đất của hành lang bảo vệ Quốc lộ 18 và đất Khu công nghiệp (Phục vụ chỉnh trang đô thị của TP Chí Linh đồng thời tạo cảnh quan, quảng bá, thu hút đầu tư cho Khu công nghiệp) nên Hồ sơ đầu tư xây dựng cần phải được sự đồng ý của Tổng cục đường bộ. Hồ sơ xin thỏa thuận đã được gửi lên Tổng cục đường bộ Việt Nam để xin ý kiến nhưng chưa được phản hồi. Do vậy Công ty chưa thể hoàn thiện được Hồ sơ để phê duyệt.

Công tác đền giải phóng mặt bằng mộ:

Công ty đang phối hợp Hội đồng GPMB thành phố Chí Linh hoàn thiện thủ tục đền bù GPMB 1,57 ha đất nghĩa trang thôn Tiền Định để di dời toàn bộ 300 ngôi mộ đang nằm trong lô B6. Dự kiến công việc này sẽ được hoàn thành trong năm 2021.

2. Công tác thu hút đầu tư

Năm 2020, Mặc dù Công ty đã rất tích cực chủ động trong việc quảng bá, xúc tiến đầu tư. Tuy nhiên do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 diễn biến phức tạp đã khiến các nhà Đầu tư nước ngoài không thể tiếp cận trực tiếp địa bàn Khu công nghiệp để nghiên cứu, xem xét đầu tư vì phải tuân thủ nghiêm ngặt theo quy định phòng chống dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam như: hạn chế nhập cảnh và phải thực hiện cách ly khi nhập cảnh vào Việt Nam, đặc biệt là đối với các Nhà đầu tư đến từ những quốc gia có dịch bệnh đang bùng phát nên công tác thu hút đầu tư vào khu công nghiệp năm 2020 không đạt kế hoạch đề ra. Năm 2020 Công ty chưa thu hút thêm nhà đầu tư mới.

Tính đến thời điểm 31/12/2020 khu công nghiệp đã thu hút được 07 nhà đầu tư trong và ngoài nước với tổng diện tích đã cho thuê 77,94 ha đạt 53,55% tỷ lệ lấp đầy , cụ thể như bảng tổng hợp dưới đây:

STT	Tên Nhà đầu tư	Diện tích thuê (m2)	Giá cho thuê đã bao gồm thuế VAT (USD/m2)	Phí quản lý, duy tu, bảo dưỡng hạ tầng (USD/m2/năm)	Phí xử lý nước thải (USD/m3)
1	Công ty TNHH Nice Ceramic	525.529,17	300.000 đ/m2	2.112đ/m2/năm	6.791đ/m3
2	Công ty TNHH hàng tiêu dùng Kim Cương Việt Nam (Ký hợp đồng ngày 18/01/2019)	34.992	42,9	0,3	0,6
3	Công ty TNHH điện tử POYUN Việt Nam (Ký hợp đồng ngày 14/01/2019)	50.067,5	43,0	0,3	0,6
4	Công ty TNHH EASTECH Việt Nam (Ký hợp đồng ngày 20/02/2019)	41.227,5	43,0	0,3	0,6
5	Công ty TNHH công nghệ DAINITY&GEMMY Việt Nam (Ký hợp đồng ngày 12/02/2019)	50.067,5	43,0	0,3	0,6
6	Công ty TNHH SUN ACOUSTIC VINA (Ký hợp đồng ngày 22/02/2019)	41.227,5	43,0	0,3	0,6
7	Công ty TNHH JUNG	36.335	56,98	0,35	0,7

	SHING WIRE (VIỆT NAM) (Ký hợp đồng ngày 20/12/2019)				
Tổng cộng:		779.446,17			

3. Kết quả sản xuất kinh doanh:

3.1. Một số chỉ tiêu về tài sản, nguồn vốn năm 2020

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm	% Cuối kỳ so với đầu kỳ
A. Tổng tài sản		653.664.042.847	672.471.545.350	97,20
I. Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	266.516.092.466	319.391.424.952	83,44
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	4.805.419.708	57.575.034.168	8,35
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT	231.774.342.521	229.000.000.000	101,21
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130-BCĐKT	23.880.968.870	29.451.480.664	81,09
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131-BCĐKT	19.628.478.092	14.558.025.529	134,83
- Trả trước cho người bán	132-BCĐKT	261.000.000	12.897.051.200	2,02
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136-BCĐKT	14.080.075.722	8.193.340.271	171,85
- Dự phòng phải thu NH khó đòi		- 10.088.584.944	- 6.196.936.336	162,80
4. Hàng tồn kho	140-BCĐKT	-	-	
5. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	6.055.361.367	3.364.910.120	179,96
II. Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	387.147.950.381	353.080.120.398	109,65
1. Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT	80.941.987.128	80.758.594.128	100,23
- Phải thu dài hạn khác	216-BCĐKT	80.941.987.128	80.758.594.128	100,23
2. Tài sản cố định	220-BCĐKT	125.019.950.311	476.799.216	26220,67
- Tài sản cố định hữu hình	221-BCĐKT	125.019.950.311	476.799.216	26220,67

- Tài sản cố định vô hình	227-BCĐKT	-	-	
3. Bất động sản đầu tư	230-BCĐKT	98.542.063.960	-	
4. Tài sản dở dang dài hạn	240-BCĐKT	57.205.415.810	246.522.437.818	23,20
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242-BCĐKT	57.205.415.810	246.522.437.818	23,20
5. Đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT	25.318.633.929	25.318.633.929	100,00
- Đầu tư vào công ty con	251-BCĐKT	-	-	
- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252-BCCĐKT	-	-	
- Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253-BCĐKT	25.818.583.929	27.946.583.929	92,39
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254-BCĐKT	- 499.950.000	- 2.627.950.000	19,02
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255-BCĐKT		-	
6. Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	119.899.243	3.655.307	3280,14
B. Tổng nguồn vốn		653.664.042.847	672.471.545.350	97,20
III. Nợ phải trả	300-BCĐKT	377.151.408.881	384.963.258.912	97,97
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	36.757.005.427	26.804.016.059	137,13
Trong đó: Nợ quá hạn		-	-	
2. Nợ dài hạn	330-BCĐKT	340.394.403.454	358.159.242.853	95,04
IV. Nguồn vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT	276.512.633.966	287.508.286.438	96,18
1. Vốn chủ sở hữu	411-BCĐKT	276.512.633.966	287.508.286.438	96,18
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430-BCĐKT	-	-	

Nhìn chung do ảnh hưởng của dịch Covid nên tình hình tổng tài sản, tổng nguồn vốn năm 2020 đều giảm so với năm trước.

3.2. Đánh giá tình hình thực hiện một số chỉ tiêu tài chính

Do ảnh hưởng của dịch Covid- 19 năm 2020 Công ty không thu hút thêm được nhà đầu tư nào vào thuê đất nên các chỉ tiêu đều khá thấp, không đạt so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra cụ thể như bảng tổng hợp dưới đây:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỉ lệ (%) T.hiện so với KH
1	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	77.313,61	37.064,86	47,94
1.1	<i>Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh KCN</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>62.220,61</i>	<i>21.777,69</i>	<i>35,00</i>
1.2	<i>Doanh thu từ hoạt động tài chính + Khác</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>15.093,00</i>	<i>15.287,17</i>	<i>101,28</i>
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	37.291,30	24.029,31	64,44
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	40.022,31	13.035,55	32,57
4	Thuế TNDN	Triệu đồng	8.004,46	1.977,31	24,70
5	Lợi nhuận sau thuế kỳ này	Triệu đồng	32.017,85	11.058,24	34,54
6	Kết chuyển lãi kỳ trước	Triệu đồng	1.257,09	1.257,09	
7	Tổng lợi nhuận chưa phân phối lũy kế kỳ này	Triệu đồng	33.274,94	12.315,33	37,01
8	Phân phối lợi nhuận				
	- Trích quỹ đầu tư phát triển	<i>Triệu đồng</i>	<i>1.921,07</i>	<i>615,77</i>	<i>32,01</i>
	- Trích quỹ phúc lợi	<i>Triệu đồng</i>	<i>1.741,71</i>	<i>190,00</i>	<i>31,71</i>
	-Trích quỹ thưởng Người quản lý Doanh nghiệp	<i>Triệu đồng</i>	<i>158,70</i>	<i>65,00</i>	<i>41,13</i>
	- Chia cổ tức (Tỷ lệ thực hiện chia là 4%)	<i>Triệu đồng</i>	<i>25.894,87</i>	<i>10.357,95</i>	<i>40,00</i>
	- Lợi nhuận để lại	<i>Triệu đồng</i>	<i>3.558,58</i>	<i>1.086,61</i>	<i>20,35</i>
09	Nộp Ngân sách	Triệu đồng	24.089,09	2.333,87	9,68
	- GTGT phải nộp	<i>Triệu đồng</i>	<i>16.064,63</i>		
	- Thuế TNDN phải nộp	<i>Triệu đồng</i>	<i>8.004,46</i>	<i>1.977,31</i>	<i>24,71</i>

	- Các thuế khác	Triệu đồng	20,00	356,56	1.782,00
10	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	41,41	35,17	84,93
11	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ	%	15,45	5,03	32,55

4. Công tác quản lý nợ phải thu, nợ phải trả năm 2020.

4.1. Nợ phải thu:

- **Phải thu ngắn hạn:** 23.880.968.870 đồng là khoản nợ phải thu phục vụ cho sản xuất kinh doanh trong đó:

+ Phải thu ngắn hạn của khách hàng: 19.628.478.092 đồng là các khoản nợ phải thu tiền thuê đất, tiền phí duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp của các nhà đầu tư kết dư đến 31/12/2020.

+ Trả trước cho người bán là khoản tiền ứng trước để thực hiện các gói thầu xây dựng cơ bản: 261.000.000 đồng.

+ Phải thu ngắn hạn khác: 14.080.075.722 đồng bao gồm các khoản lãi tiền gửi NH dự thu đến 31/12/2020 theo các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, phải thu tạm ứng của cán bộ CNV công ty và các khoản phải thu khác.

+ Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi: (10.088.584.944) đồng là khoản trích lập dự phòng các khoản nợ xấu của ông Vũ Hồng Nam và Công ty TNHH Nice ceramic.

- Giải pháp xử lý các khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Khoản nợ phải thu khó đòi của Công ty TNHH NICE ceramic là 14.051.224.812 đồng là các khoản nợ tiền phí quản lý duy tu, bảo dưỡng hạ tầng; tiền thuê đất phải nộp nhà nước. Công ty NICE chưa chịu thanh toán với lý do đang chờ ý kiến trả lời từ các cơ quan có thẩm quyền tỉnh Hải Dương để xin được miễn, giảm tiền thuê đất trong khoản nợ nêu trên. Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục làm việc với Công ty NICE để yêu cầu thanh toán theo đúng hợp đồng đã ký. Trong trường hợp Công ty NICE vẫn cố tình không thanh toán số nợ trên thì công ty sẽ chuyển hồ sơ lên Tòa án để giải quyết theo quy định của Pháp luật.

+ Khoản nợ phải thu khó đòi của ông Vũ Hồng Nam là: 512.756.031 đồng. Khoản nợ này Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

- **Phải thu dài hạn:** 80.941.987.128 đồng là tiền bồi thường giải phóng mặt bằng đang thực hiện đối trừ dần vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm của KCN Cộng Hòa, Chí Linh.

4.2. Nợ phải trả:

Tổng nợ phải trả đến 31.12.2020 là **377.151.408.881 đồng** trong đó:

- **Nợ ngắn hạn là 36.757.005.427 đồng bao gồm:**

+ Phải trả người bán là: 24.246.254.881 đồng là các khoản nợ phải trả các nhà thầu thi công xây dựng cơ sở hạ tầng khu CN đến 30/12/2020 chưa thanh toán.

+ Người mua trả tiền trước ngắn hạn: 96.595.179 đồng là khoản tiền trả trước của khách hàng.

+ Nợ thuế và các khoản phải nộp nhà nước: 13.909.788 đồng là tiền thuế thu nhập cá nhân còn phải nộp trong kỳ.

+ Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn: 8.305.864.286 đồng (là khoản doanh thu ngắn hạn nhận trước tiền cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp)

+ Nợ phải trả ngắn hạn khác: 2.749.920.339 đồng là khoản cổ tức còn phải trả cho các cổ đông năm 2019 và cổ tức còn lại năm 2008, 2009, 2010 của các cổ đông chưa nhận.

+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 1.218.808.354 đồng

- Nợ dài hạn là 340.394.403.454 đồng bao gồm:

+ Chi phí phải trả dài hạn: 39.341.416.566 đồng là khoản trích trước chi phí đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Cộng hòa tương ứng với diện tích đã cho thuê.

+ Doanh thu chưa thực hiện dài hạn: 301.035.961.999 đồng là khoản doanh thu nhận trước dài hạn của nhà đầu tư thứ cấp trả trước tính cho từng kỳ kế toán đến năm 2058.

+ Phải trả dài hạn khác: 17.024.889 đồng là khoản phải trả cho các cá nhân hợp vốn đầu tư tài chính vào công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội.

- Giải pháp xử lý các khoản nợ phải trả quá hạn: Hiện tại Công ty không có khoản nợ phải trả quá hạn.

5. Tình hình đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Trong năm 2020 Công ty không thực hiện đầu tư vào đơn vị khác, số vốn đầu tư còn lại đến 31/12/2020 cụ thể như sau:

Tên các đơn vị	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá Gốc	Dự phòng
Công ty CP chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	18.633.929		18.633.929	
Công ty cổ phần Địa ốc MB	300.000.000		300.000.000	
Cty CP quản lý quỹ Đầu tư Sài Gòn – HN			2.128.000.000	(2.128.000.000)
Cty CP Tư vấn XD đô thị Và KCN CSVN	499.950.000	(499.950.000)	499.950.000	(499.950.000)
Cty CP Đầu tư Phát triển Cao su Nghệ An	25.000.000.000		25.000.000.000	
Cộng	25.818.583.929	(499.950.000)	27.946.583.929	(2.627.950.000)

Trước đây, Công ty đã góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Sài Gòn - Hà Nội (SHF) số tiền 4.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Sài Gòn - Hà Nội (SHF) đã ngưng hoạt động từ năm 2019, đến nay đã hoàn thành các

thủ tục giải thể. Công ty đã nhận được số tiền giải thể là: 1.872.000.000 đồng, số còn lại: 2.128.000.000 đồng Công ty đã trích lập hết dự phòng về khoản đầu tư này.

6. Công tác lao động, tiền lương

- Tiếp tục duy trì mô hình bộ máy gọn nhẹ, bố trí cán bộ hợp lý và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động theo quy định của Nhà nước, quy chế của Công ty.

- Hoàn thành xây dựng công tác quy hoạch cán bộ giai đoạn 2016-2021 và giai đoạn 2021-2026.

- Bổ nhiệm mới Tổng giám đốc, Trưởng ban kiểm soát, Kế toán trưởng, Trợ lý chủ tịch HĐQT, Trưởng phòng tổ chức hành chính, Phó phòng Kế hoạch đầu tư theo đúng quy định.

- Tuyển dụng 13 lao động để bổ sung cán bộ làm công tác chuyên môn.

- Thực hiện chế độ hưu trí cho 02 cán bộ lãnh đạo.

- Tình hình lao động trong năm: Tổng số lao động làm việc 33 CB.CNV.

Trong đó: + Nam: 27 chiếm 81,9%.

+ Nữ : 06 chiếm 18,1%.

- Chất lượng lao động: Ngày càng tăng

Trong đó: + Thạc sỹ: 01 chiếm 3,0%.

+ Đại học: 24 chiếm 72,8%.

(02 đang theo học Thạc sỹ)

+ Trung cấp: 02 chiếm 6,0%.

+ CNKT, LĐPT: 06 chiếm 18,2%

- Về thu nhập: Việc phân phối tiền lương được thực hiện theo hệ thống thang lương, bảng lương do Tập đoàn ban hành, mức lương vùng quy định và lương bổ sung. Mức lương thu nhập của người lao động được duy trì ổn định.

+ Quỹ tiền lương thực hiện: 3.026.094.600 đồng.

+ Lương bình quân tháng: 9.486.190 đồng/người.

7. Một số công việc khác liên quan đến khu công nghiệp

Trong năm 2020, song song với việc đầu tư các công trình hạ tầng KCN, Công ty cũng tập trung hoàn tất các thủ tục liên quan gồm: Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết khu công nghiệp để phù hợp với nhu cầu của nhà đầu tư thuê hạ tầng và phát huy hiệu quả đầu tư tối đa KCN Cộng Hòa. Đồng thời phối hợp với các ngành của tỉnh Hải Dương thực hiện công tác lập quy hoạch xin mở rộng khu công nghiệp Cộng Hòa giai đoạn 2 quy mô 410 ha.

IV. CÁC KIẾN NGHỊ:

Bên cạnh những kết quả đạt được của Công ty mà Ban kiểm soát Chúng tôi ghi thì cần phải khắc phục các mặt còn hạn chế nêu trên ; chúng tôi có một số ý kiến, kiến nghị như sau:

1. Về lĩnh vực xây dựng cơ bản

Đề nghị Ban điều hành Công ty tích cực đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ bản nhằm hoàn thiện hạ tầng tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư vào thuê lại đất trong khu công nghiệp. Tuy nhiên, cần ưu tiên những hạng mục phục vụ các nhà đầu tư đã vào thuê lại đất như hạ tầng như Công ty NICE ceramic và Công ty TNHH jungshing Were nên đầu tư cuốn chiếu, tránh đầu tư dàn trải để đảm bảo hiệu quả tài chính.

2. Về lĩnh vực thu hút đầu tư

Công ty cần đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư trong năm 2021, xây dựng kế hoạch các phương thức xúc tiến cụ thể, cơ chế hoa hồng linh hoạt để có thể thu hút thêm nhiều nhà đầu tư vào thuê lại đất, sớm lấp đầy KCN đem lại lợi nhuận cao chia được cổ tức cho các Cổ đông.

3. Về thu hồi công nợ

Đề nghị Ban điều hành Công ty có nhiều biện pháp mạnh hơn để thu hồi công nợ đặc biệt là khoản nợ khó đòi của Công ty TNHH Nice Ceramic, có nguồn tài chính cho Công ty đồng thời giảm khoản trích lập dự phòng của khoản nợ này.

4. Về công tác giải phóng mặt bằng:

Hiện nay bãi chứa rác thải nằm trong KCN được đưa ra kế hoạch nhiều năm và Công ty đã rất tích cực gặp gỡ các cấp chính quyền đề nghị Công ty tiếp tục cố gắng hơn nữa tác động đến các cấp chính quyền để có thể thực hiện việc di dời bãi rác thải ra khỏi khu Công nghiệp sớm nhất, bởi trong 1 vài năm sắp tới khi hạ tầng hoàn thiện, các nhà Đầu tư vào nhiều sẽ gây ô nhiễm nghiêm trọng, hơn nữa đây việc phải làm, cần làm để giải phóng mặt bằng. Nên cần phải kiên trì, thường xuyên và có những biện pháp tích cực hơn nữa đối với công tác này, không để công việc bị gián đoạn, sau này lại bắt đầu lại từ đầu sẽ tốn thêm thời gian, công sức và chi phí.

5. Về công tác xây dựng kế hoạch

Công tác xây dựng kế hoạch Sản xuất kinh doanh hàng năm, Ban điều hành cần phải bám sát tình hình thực tiễn để xây dựng cho phù hợp các chỉ tiêu của Tập đoàn và Nghị quyết Đại hội cổ đông đồng thời cần xây dựng kế hoạch có tính khả thi cao hơn, tránh xa đời thực tế. Nếu có những nguyên nhân khách quan phát sinh trong năm khó có thể hoàn thành kế hoạch thì Công ty nên thực hiện điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với thực tiễn.

6. Về mở rộng khu công nghiệp giai đoạn 2

Đề nghị Ban điều hành Công ty kết hợp với các cơ quan địa phương sớm hoàn thiện hồ sơ xin mở rộng khu công nghiệp giai đoạn 2 quy mô 410 ha tạo tiền đề cho sự phát triển mạnh mẽ và bền vững của Công ty trong tương lai.

PHẦN B: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

1. Kiểm tra, giám sát thường xuyên đối với các hoạt động

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Tình hình thực hiện và tuân thủ Điều lệ Công ty, quy định của Pháp

luật Nhà nước; Tình hình thực hiện và tuân thủ các Quyết định, quy định, Chỉ thị, Quy chế của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Giám sát việc quản lý và tổ chức điều hành hoạt động SXKD của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty;

- Kiểm tra, giám sát tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động SXKD; tình hình quản lý, bảo toàn và phát triển vốn, hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty;

- Thực hiện các công việc khác của Ban kiểm soát theo quy định hiện hành.

2. Các hoạt động kiểm tra, giám sát định kỳ

2.1. Lĩnh vực lao động, tiền lương

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyết toán quỹ tiền lương năm 2019;

- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành chính sách pháp luật về lao động và tiền lương: ký kết hợp đồng lao động, đơn giá tiền lương, mức lương tối thiểu, định mức lao động...

2.2. Lĩnh vực tài chính kế toán

- Giám sát việc thực hiện các nội dung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị của Công ty;

- Giám sát việc sử dụng và bảo toàn vốn chủ sở hữu;

- Kiểm tra, giám sát báo cáo kiểm kê tiền mặt, công nợ, TSCĐ, CCDC tại thời điểm 0h ngày 01/01/2021;

- Kiểm tra, giám sát tình hình thu hồi công nợ, xác nhận đối chiếu công nợ;

- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2020 đã soát xét và BCTC định kỳ theo quý, 6 tháng và năm 2021;

2.3. Lĩnh vực đầu tư XDCB

Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện đầu tư XDCB và trình tự thủ tục theo quy định của Pháp luật và của Tập đoàn.

2.4. Hoạt động công bố thông tin

Kiểm tra, giám sát hoạt động công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

2.5. Công tác khác

- Lập báo cáo tình hình hoạt động của BKS năm 2020; định kỳ các quý, 6 tháng, năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2021 trình Tập đoàn và Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động khác liên quan đến SXKD mà BKS nhận thấy cần thiết phù hợp tình hình thực tế tại Công ty.

- Các công tác liên quan tới quan hệ cổ đông như là: Thường xuyên giải đáp cho cổ đông về tình hình hoạt động SXKD, thanh toán cổ tức, những vướng mắc trong quá trình

lưu ký chứng khoán cho cổ đông và làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận sở hữu cổ phần, điều chỉnh thông tin cổ đông trên trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 trình Đại hội cổ đông. Ban kiểm soát xin trân trọng cảm ơn HĐQT, Ban Tổng giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện nhiệm vụ mà ĐHCĐ giao phó được tốt nhất đồng thời luôn có sự phối hợp chặt chẽ, độc lập, khách quan trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty.

Kính chúc Công ty ngày càng phát triển, ổn định, bền vững. Kính chúc Quý vị cổ đông sức khỏe, thành công và hạnh phúc.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT Công ty (để biết) ;
- Ban TGD (để biết);
- Các TV BKS;
- Lưu: tài liệu ĐHCĐ, BKS Cty.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Vũ Thị Thu Hà